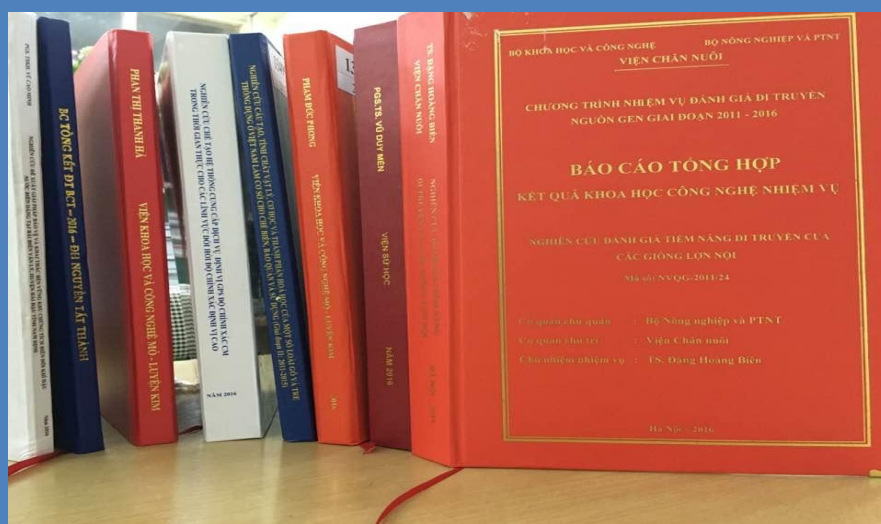


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 05 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
National Agency for Science and Technology Information

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 01 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN
Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	8
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	109

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/ ThS. Lê Nguyên Bồng, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ———⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	8
10399. Khoa học vật lý khác.....	8
10505. Địa hóa học.....	8
10509. Các khoa học môi trường.....	8
10511. Khí hậu học	9
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	10
10611. Thực vật học.....	11
10616. Công nghệ sinh học	11
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	12
20102. Kỹ thuật xây dựng	13
20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị.....	15
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải	15
20105. Kỹ thuật thủy lợi	16
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	18
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông.....	19
20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..	19
20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác	19
20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung	20
20302. Chế tạo máy nói chung.....	21
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	22
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng	23

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)	23
20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung.....	24
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ.....	24
20507. Vật liệu xây dựng.....	24
20513. Gỗ, giấy, bột giấy.....	28
20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác	28
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật	28
20704. Viễn thám.....	29
20899. Công nghệ sinh học môi trường khác	30
20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men	30
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	31
21101. Kỹ thuật thực phẩm	32
21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác	32
3. Khoa học y, dược	33
30107. Hóa học lâm sàng và sinh hóa y học.....	33
30206. Huyết học và truyền máu	34
30219. Tiêu hoá và gan mật học	34
30225. Thần kinh học lâm sàng	35
30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng.....	35
30399. Các vấn đề y tế khác	36
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	36
4. Khoa học nông nghiệp	37
40101. Nông hoá.....	42
40102. Thổ nhưỡng học	42

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	43
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	50
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc.....	56
40106. Bảo vệ thực vật.....	57
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	57
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác.....	58
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi.....	59
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi.....	60
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác.....	61
40402. Tài nguyên rừng.....	63
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản.....	64
40503. Bệnh học thủy sản.....	65
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	65
40506. Quản lý và khai thác thủy sản.....	70
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	72
499. Khoa học nông nghiệp khác.....	73
5. Khoa học xã hội.....	74
50101. Tâm lý học nói chung.....	76
50102. Tâm lý học chuyên ngành.....	77
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh.....	78
50202. Kinh doanh và quản lý.....	80
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....	87
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác.....	91
50401. Xã hội học nói chung.....	92

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	92
50499. Xã hội học khác.....	94
50501. Luật học.....	95
50502. Tội phạm học	97
50601. Khoa học chính trị	98
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	98
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị	100
50699. Khoa học chính trị khác	101
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá	101
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	102
50801. Báo chí.....	103
50899. Thông tin đại chúng và truyền thông khác	103
599. Khoa học xã hội khác	104
6. Khoa học nhân văn.....	105
60101. Lịch sử Việt Nam.....	105
60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác.....	105
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ	106
60305. Nghiên cứu tôn giáo	106
60402. Mỹ thuật	107
60407. Nghệ thuật truyền thanh, truyền hình	107

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

10399. Khoa học vật lý khác

86375. 05-2023. **Xây dựng mô-đun tính toán các hiệu chỉnh lượng tử và động học các phản ứng không qua trạng thái chuyển tiếp cho phần mềm MSMC: áp dụng vào động học đốt cháy và hóa học khí quyển/** Nguyễn Thanh Hiếu, - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán, TP Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu hoàn thiện sức mạnh tính toán của MSMC, từ đó tạo nên Trường phái tính toán nhiệt/động hóa học ICST. Phát triển các mô-đun tính toán cho phần mềm MSMC, bao gồm các bổ chính SCT và ZCT cho hiệu ứng đường ngầm và động học các phản ứng không qua trạng thái chuyển tiếp.

Số hồ sơ lưu: HCM-062-2022

10505. Địa hóa học

74117. 05-2023. **Nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, chất lượng sét bùn và nước khoáng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý phục vụ du lịch nghỉ dưỡng và hỗ trợ chữa bệnh./** TS. Ngô Tuấn Tú, ThS. Nguyễn Tôn; CN. Nguyễn Trung Phát; CN. Nguyễn Quốc Thắng; KS. Tống Duy Hưng; KS. Lương Thị Vân - Khánh Hòa - Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, 2018; 07/2015 -

12/2017. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tiềm năng, chất lượng và sự phân bố sét bùn ở Khánh Hòa. Đánh giá tiềm năng chất lượng nước khoáng sắt Khánh Sơn. Đánh giá bổ sung, tổng hợp tiềm năng; phân loại các nguồn nước khoáng ở Khánh Hòa; Đề xuất giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý sét bùn, nước khoáng phục vụ du lịch nghỉ dưỡng và hỗ trợ chữa bệnh.

Số hồ sơ lưu: KHA-008-2019

10509. Các khoa học môi trường

86242. 05-2023. **Ứng dụng công nghệ phát thanh chuyên biệt phục vụ cảnh báo thiên tai tới từng khu vực đồng bào dân tộc thiểu số./** ThS. Nguyễn Thành Chung, CN. Nguyễn Sỹ Khánh; CN. Bùi Tiến Cường; ThS. Đỗ Văn Thắng; CN. Nguyễn Ngọc Hoan; ThS. Hà Thị Ánh Tuyết; CN. Trần Thị Hoài Thanh - Quảng Ninh - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D), 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và đưa ra các giải pháp phát huy hiệu quả phát thanh truyền thống gắn với ứng dụng công nghệ thông tin phát thanh trên nền tảng internet để xây dựng phương thức phát thanh chuyên biệt cảnh báo thiên tai tới từng khu vực đồng bào DTTS (trước mắt là tại khu vực miền núi phía Bắc) nhằm giúp bà

con DTTS chủ động phòng tránh thiên tai, nhất là loại hình lũ quét, sạt lở đất, giảm thiểu thiệt hại về tính mạng và tài sản do thiên tai gây ra. Đây cũng là hành động thiết thực của Đài TNVN trong thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

Số hồ sơ lưu: 21315

10511. Khí hậu học

80569. 05-2023. **Xây dựng Atlas đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến 2030/** ThS. Tạ Hồng Minh, ThS Nguyễn Thị Như Trang; CN Nguyễn Thị Hằng; ThS Nguyễn Quang Vinh; ThS Đỗ Tiến Dũng; ThS Trần Văn Hà; KS Nguyễn Đức Long; KS Ngô Thị Thảo; ThS Nguyễn Xuân Thao; KS Vũ Thị Quý - Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, 2020; 01/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan điều kiện tự nhiên, khí hậu tỉnh Hải Dương, Xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu.....phục vụ hỗ trợ ra quyết định trong hoạch định chính sách, quy hoạch các ngành kinh tế xã hội của tỉnh, đồng thời đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến

một số ngành, lĩnh vực của kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương. Thành lập Atlas đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến một số ngành, lĩnh vực của kinh tế xã hội tỉnh Hải Dương (du lịch, nông nghiệp, năng lượng, giao thông, thương mại,...)

Số hồ sơ lưu: 21HD.2020

86186. 05-2023. **Nghiên cứu, lựa chọn giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu cho nhà ở và công trình công cộng khu vực miền núi (thực hiện nghiên cứu cho khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung - Tây Nguyên, khu vực Đông Nam Bộ/** TS. Lê Thị Thu Huyền, ThS. Nguyễn Công Dũng; ThS. Dương Bích Ngọc; ThS. Lê Thị Thanh Hà; ThS. Đặng Thị Quỳnh Hoa; Nguyễn Thị Xuân Hương; TS. Đào Thị Tiên Ngọc; ThS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Đỗ Thùy Trang; ThS. Nguyễn Kim Tuyên - Hà Nội - Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, 2018; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập thông tin, số liệu, tài liệu về các giải pháp thích ứng với Biến đổi khí hậu cho nhà ở và công trình công cộng cũng như quan điểm của người dân về các giải pháp ứng phó đang được áp dụng tại địa phương; Dự báo tác động của Biến đổi khí hậu đến sự phát triển về nhà ở và công trình công cộng khu vực miền núi trong thời gian tới; Phân tích, đánh giá và lựa chọn các giải pháp thích ứng phù hợp; Xây dựng tài liệu phổ biến cho người dân về các giải pháp thích ứng Biến đổi khí hậu đối với nhà ở và công trình công cộng phù hợp với khu vực miền núi; Tổ

chức Hội thảo phổ biến, tuyên truyền đến người dân các tỉnh miền núi về các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu đối với nhà ở và công trình công cộng. Tiếp thu ý kiến hoàn thiện tài liệu;

Số hồ sơ lưu: 21286

86313. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo chi tiết theo cấp độ rủi ro thiên tai do bão, mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng, hạn hán đến cấp xã (vùng), huyện thuộc tỉnh Ninh Thuận/** ThS. Võ Anh Kiệt, - Khánh Hòa - Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Nam Trung Bộ, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khoanh vùng, chi tiết hóa các loại hình thiên tai ứng với cấp độ rủi ro thiên tai do bão, mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng, hạn hán đến cấp xã (vùng), huyện thuộc tỉnh Ninh Thuận. Giúp Đài Khí tượng - Thủy văn tỉnh Ninh Thuận ra các bản tin dự báo, cảnh báo các cấp độ rủi ro thiên tai do bão, mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng, hạn hán đến cấp xã (vùng), huyện làm cơ sở cho Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Ninh Thuận ra các quyết định ứng phó với bão, mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng, hạn hán kịp thời, có độ chính xác cao. Giúp Ban Chỉ huy Phòng chống Thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp thực hiện chỉ đạo kịp thời phòng chống các loại hình thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai do bão, mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng, hạn hán đến cấp xã (vùng), huyện thuộc tỉnh Ninh Thuận. Nâng cao năng lực ứng phó với bão, mưa lớn, lũ lụt, nắng nóng,

hạn hán đáp ứng được yêu cầu của Luật Phòng, Chống Thiên tai tại tỉnh Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: NTN-027-2021

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

86406. 05-2023. **Nghiên cứu tiềm năng năng lượng thủy triều khu vực Tp. Hồ Chí Minh/** TS. Đinh Ngọc Huy, TS. Lê Thị Kim Thoa; TS. Nguyễn Quốc Trinh; ThS. Trần Thị Kim; CN. Phùng Thị Mỹ Diễm - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tính toán và đánh giá tiềm năng điện thủy triều ở khu vực biển TP. Hồ Chí Minh xác định khả năng công suất tiềm năng điện dự trữ ngày và tổng công suất năm điện có thể sản xuất từ thủy triều. Đánh giá một số giải pháp công nghệ hiện đại trên thế giới phục vụ xây dựng trạm điện thủy triều dựa trên những đặc điểm đặc trưng của khu vực biển TP. Hồ Chí Minh (huyện Cần Giờ) giúp bổ sung vào quy hoạch phát triển nguồn năng lượng sạch bền vững, cũng như giải tỏa sức ép cho nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn TPHCM, trước mắt là nhu cầu thiết thực cung cấp cho các huyện, xã nằm ở ven biển, các xã đảo xa trung tâm có những khó khăn về điều kiện địa lý, nhằm tạo điều kiện phát triển cho đời sống – kinh tế và xã hội nơi đây.

Số hồ sơ lưu: HCM-086-2022

10611. Thực vật học

86504. 05-2023. **Địa y và đài thực vật phụ sinh trên thân cây với thực trạng không khí ở thành phố Hồ Chí Minh/ CN.** Nguyễn Thành Lược, ThS. Đặng Minh Trí; CN. Trần Nguyễn Khánh Trinh; TS. Lưu Hồng Trường; TS. Võ Thị Phi Giao; CN. Lê Thị Thanh Vân - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cung cấp cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh về thành phần loài địa y và đài thực vật phụ sinh trên thân cây và các đài thực vật khác ở TPHCM. Phân tích mối tương quan giữa thành phần loài, độ che phủ của địa y và đài thực vật phụ sinh trên thân cây với nồng độ các chất trong không khí. Từ đó, bước đầu tìm hiểu khả năng đánh giá nhanh chất lượng không khí áp dụng cho TPHCM dựa trên sự hiện diện và mật độ của hai nhóm sinh vật này.

Số hồ sơ lưu: HCM-070-2022

10616. Công nghệ sinh học

86211. 05-2023. **Nghiên cứu chế tạo chế phẩm sinh học từ hành tây, ớt chuông, cà chua giúp tăng cường bảo quản rau, củ, quả/ TS.** Bùi Đình Nhi, PGS.TS. Trần Thị Hằng; PGS.TS. Vũ Đình Ngọc; ThS. Đàm Thị Thanh Hương; TS. Minh Thị Thảo; ThS. Trần Thị Thùy Nga; ThS. Ngô Hồng Nghĩa; TS. Nguyễn Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Đức Tuấn - Phú Thọ - Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập 03 chủng vi sinh vật có khả năng sinh tổng hợp bacteriocin cao; Tạo ra chế phẩm bảo quản sinh học có thành phần chính là bacteriocin, có khả năng bảo quản rau quả tươi, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn thực phẩm; Xây dựng quy trình bảo quản cà chua tươi có sử dụng chế phẩm tạo ra với thời gian bảo quản gấp 1,5-2 lần so với đối chứng. Nghiên cứu thành phần, tính chất và xây dựng quy trình chế tạo chế phẩm bảo quản sinh học để tăng thời hạn sử dụng của rau, củ, quả trên cơ sở các vi khuẩn hữu hiệu. Bước đầu tiến hành đánh giá hoạt tính của chế phẩm sinh học giúp tăng thời hạn sử dụng của một số rau củ và xây dựng quy trình bảo quản cà chua bằng chế phẩm thu được.

Số hồ sơ lưu: 21298

86383. 05-2023. **Khảo sát trữ lượng nguồn nguyên liệu Dây khai; đánh giá tính an toàn và tác dụng chính của "Cao Khai" sản xuất tại tỉnh Ninh Thuận/ PGS.TS** Bạch Long Giang, ThS Phạm Trí Nhựt; PGS.TS Lê Tiến Dũng; NCS.ThS Bùi Hoàng Minh; TS Vũ Thị Huyền Trang; ThS.DS Nguyễn Ngọc Quý; ThS Trần Thiện Hiền; DS Nguyễn Xuân Tiến; Lương y Lê Hùng Cường; BS.YHCT Phạm Trọng Đoàn - Ninh Thuận - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2022; 10/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nguyên liệu Dây Khai và đánh giá hoạt tính sinh học, tính an toàn và khả năng chăm sóc sức khỏe

của sản phẩm Cao Khai để phục vụ công tác quản lý, định hướng quy hoạch, bảo tồn, khai thác và phát triển bền vững nguồn nguyên liệu cũng như phát huy một sản phẩm điều trị bệnh ở địa phương tỉnh Ninh Thuận.- Điều tra, khảo sát xác định tên khoa học và báo cáo về trữ lượng, phân bố của Dây Khai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Khảo sát tình hình sản xuất, tiêu thụ Cao Khai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Xác định sơ bộ thành phần hóa, lý; các hoạt chất chính; tính an toàn về vi sinh và độc tính của Cao Khai sản xuất tại Ninh Thuận; Khảo sát, đánh giá tác dụng của Cao Khai sản xuất tại Ninh Thuận trong chăm sóc sức khỏe thông qua một số mô hình thực nghiệm. Đề xuất quy trình sản xuất Cao Khai và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của Cao Khai.

Số hồ sơ lưu: 68

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

85702. 05-2023. **Ứng dụng kết quả nghiên cứu sản xuất nước uống từ trái cây tươi của Trường Đại học Cần Thơ**/ PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn, PGS.TS. Phan Thị Thanh Quế; TS. Lê Văn Dễn; ThS. Lê Bửu Minh Quân; KS. Lê Duy Nghĩa; ThS. Trần Trọng Khôi; CN. Đặng Thị Huyền Trinh; ThS. Nguyễn Thanh Phong; KS. Phạm Từ Phương Trinh; CN. Huỳnh Văn Bình - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 12/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án được đề xuất nhằm tạo ra các sản phẩm có thể đáp ứng được xu hướng và nhu cầu của người tiêu

dùng thông qua nét đặc trưng của sản phẩm là được sản xuất hoàn toàn từ trái cây tươi, không sử dụng các loại mùi – màu tổng hợp như một số sản phẩm đang có mặt trên thị trường. Với quy mô sản xuất của dự án này, sản phẩm trước tiên sẽ được hướng đến các đối tượng quan tâm đến việc tiêu dùng sản phẩm sạch như học sinh, sinh viên, công chức, viên chức, người lao động... Dự án này được thực hiện sẽ trở thành mô hình mẫu về ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện mối liên kết 4 nhà: Nhà khoa học - Nhà quản lý - Nhà kinh doanh - Nhà nông.

Số hồ sơ lưu: CTO-2022-05

86511. 05-2023. **Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.**/ PGS.TS. Huỳnh Văn Chương, TS. Trần Thị Phượng; ThS. Nguyễn Dũng; TS. Đỗ Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Ngọc Tùng; ThS. Nguyễn Quang Huy; TS. Phạm Gia Tùng; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Khánh Linh; TS. Trần Thị Ngọc Liên; TS. Trương Hoàng Phương - TP. Huế - Đại học Huế, 2022; 04/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá được hiện trạng các kênh quảng bá du lịch của huyện đảo; xây dựng CSDL nền thông tin địa lý xác định cấp độ chi tiết dữ liệu 4D; xây dựng CSDL về lưu trú gồm 125 cơ sở với 60 homestay, 54 nhà nghỉ, 17 khách sạn và 04 nhà trọ; 52 cơ sở dịch vụ thiết yếu như ăn uống, nhà hàng, quán cà phê...; xây dựng

CSDL và các sản phẩm thực tế ảo (VR) của các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh các điểm tổ chức lễ hội tại huyện đảo Lý Sơn với 04 loại chính gồm: lễ hội tín ngưỡng nghề nghiệp, tín ngưỡng tâm linh, lễ hội cúng tế các vị có công với làng, nước, lễ hội văn hóa du lịch; hoàn thành chương trình ứng dụng “KHÁM PHÁ LÝ SƠN” cho điện thoại thông minh trên 2 nền tảng Android và iOS; tổ chức tập huấn cho 25 cán bộ, chuyên viên của các phòng, ban liên quan về kỹ thuật quản lý CSDL 4D và quản trị app ứng dụng; tập huấn khai thác CSDL 4D trên nền app ứng dụng cho 50 người là đại diện của các chủ cơ sở lưu trú, cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn.

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-008

20102. Kỹ thuật xây dựng

85795. 05-2023. **Xây dựng cơ sở dữ liệu, đổi mới công tác thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng/** ThS. Phùng Mạnh Trường, KS. Tạ Hoài Nam; CN. Đoàn Kim Oanh; ThS. Nguyễn Xuân Hiên; Lương Tiến Chung; Phùng Quang Minh; ThS. Đặng Thanh Huyền; KS. Lý Ngọc Lan; CN. Đỗ Hồng Phương; Lê Ngọc Anh; KS. Lê Tiến Thành; Nguyễn Bảo Khánh - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2021; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng và quản lý thống nhất hệ thống thông tin điện tử cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các dữ liệu thông tin liên quan trong lĩnh vực xây dựng đáp ứng yêu cầu

quản lý, khai thác và sử dụng QCVN, TCVN ở các bộ, ngành, địa phương và mọi đối tượng sử dụng khác. Hoàn thiện quy trình phổ biến thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng, tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng và nhanh nhất cho mọi đối tượng tham gia hoạt động xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21179

86091. 05-2023. **Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và phương pháp tính toán thiết kế thiết bị thi công cọc đá xử lý nền đất yếu ở Việt Nam/** TS. Phạm Văn Minh, TS. Phạm Quang Dũng; ThS. Nguyễn Tiến Nam; TS. Cao Thành Dũng; ThS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Đinh Huy Ngọc; ThS. Trần Ngọc Sơn; ThS. Ứng Quốc Tráng; ThS. Đoàn Thanh Kỳ; ThS. Phạm Thị Tuyết Thanh - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về công nghệ và thiết bị thi công cọc đá. Cơ sở lý thuyết thi công cọc đá, khảo sát khả năng và nhu cầu áp dụng công nghệ thi công cọc đá ở Việt Nam. Từ kết quả nghiên cứu tổng quan, đề xuất phương pháp tính toán thiết bị phù hợp với điều kiện Việt Nam. Xây dựng cơ sở lý thuyết tính toán thiết kế thiết bị công tác thi công cọc đá. Xác định lực cản công tác và các thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị công tác. Xác định công suất, năng suất và đề xuất phương án thiết kế hợp lý thiết bị công tác thi công cọc đá trong điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21268

86117. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng danh mục phân loại bộ phận công trình và chỉ dẫn yêu cầu thông tin đối với bộ phận công trình phục vụ áp dụng BIM cho công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật đô thị/ TS.** Tạ Ngọc Bình, ThS. Nguyễn Đình Hiếu; TS. Lê Văn Cư; ThS. Trịnh Đức Lương; ThS. Hoàng Kim Ngọc; Nguyễn Việt Anh; ThS. Phạm Tuấn Mạnh; ThS. Phạm Xuân Trường; TS. Nguyễn Phạm Quang Tú; ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Trương Thế Biên; ThS. Ngô Quang Tuấn - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2022; 07/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu mối quan hệ giữa hệ thống phân loại bộ phận công trình và chỉ dẫn yêu cầu thông tin trong việc triển khai áp dụng BIM. Thực tiễn xây dựng và áp dụng hệ thống phân loại trong lĩnh vực quản lý chi phí trong hoạt động xây dựng cho công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật đô thị tại một số nước trên thế giới. Thực tiễn áp dụng hệ thống phân loại về bộ phận công trình và công tác trong áp dụng BIM cho quản lý chi phí tại Việt Nam. Nghiên cứu mối liên hệ giữa chỉ dẫn yêu cầu thông tin và hệ thống phân loại bộ phận công trình trong việc triển khai áp dụng BIM. Thực tiễn xây dựng chỉ dẫn yêu cầu thông tin phục vụ quản lý cho công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật đô thị tại Việt Nam. So sánh một số hệ thống phân loại về bộ phận công trình và công tác và đề xuất lựa chọn một hệ thống làm cơ sở cho Việt Nam. Đề xuất chỉ

dẫn yêu cầu thông tin phục vụ áp dụng BIM phù hợp cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21271

86140. 05-2023. **Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ chế hình thành, xác định và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng/ TS.** Nguyễn Tấn Vinh, ThS. Phạm Huy Cường; ThS. Vũ Ngọc Phương; KS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Lương Hoàng Điệp; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Ngọc Linh; ThS. Hoàng Mạnh Cường; TS. Ngô Thế Vinh; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Phan Thu Thủy - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2022; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá cơ sở lý luận về bảo trì và chi phí bảo trì công trình xây dựng. Tổng hợp, hệ thống hoá các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến công tác bảo trì công trình xây dựng tại Việt Nam hiện nay. Tổng quan về bảo trì công trình xây dựng và cơ sở lý luận về cơ chế hình thành, xác định, quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng. Thực trạng về bảo trì và chi phí bảo trì công trình xây dựng tại Việt Nam và đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế hình thành, xác định và quản lý chi phí bảo trì công trình xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21274

86224. 05-2023. **Nghiên cứu phân tích quy định về quản lý hành nghề hoạt động xây dựng đối với cá nhân của một số nước ASEAN, trọng tâm quy định về phát triển nghề nghiệp liên tục, cơ**

quan quản lý cấp chứng chỉ hành nghề. Đề xuất các quy định tại Việt Nam/ ThS. Nguyễn Thị Duyên, TS. Nguyễn Lập Sơn; KS. Phạm Thị Bích; TS. Từ Đức Hòa; TS. Nguyễn Dur Tiến; ThS. Trần Bình Trọng; KS. Lê Thanh Minh; KS. Lê Thanh Phương; ThS. Đặng Hải Triều; ThS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam, 2020; 10/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích các quy định của một số nước ASEAN như Indonesia, Malaysia, Philippine về quản lý hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân trong lĩnh vực tư vấn xây dựng, trọng tâm là các quy định cụ thể về phát triển nghề nghiệp liên tục, về tổ chức quản lý cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các nhân; nghiên cứu quy định trong Hiệp định khung về thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ tư vấn xây dựng trong ASEAN. Từ đó đưa ra các khuyến nghị, đề xuất một số quy định cụ thể về phát triển nghề nghiệp liên tục và tổ chức quản lý cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cá nhân tại Việt Nam; đề xuất các nội dung chính kiến nghị Bộ Xây dựng và các cấp có thẩm quyền để đưa vào chương trình các phiên họp phù hợp của ASEAN để tiến tới công nhận lẫn nhau về dịch vụ tư vấn kỹ thuật

Số hồ sơ lưu: 21302

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị

86188. 05-2023. **Nghiên cứu mô hình nâng cao năng lực cạnh tranh cho các đô thị Việt Nam/** TS.

Phạm Văn Bộ, ThS. Đặng Thị Quỳnh Hoa; TS. Trần Quốc Thái; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hằng; ThS. Hoàng Phương Dung; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Bách Đăng; ThS. Nguyễn Lan Viên; ThS. Hà Đức Hiệp; CN. Nguyễn Công Dũng - Hà Nội - Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá về nhận thức về cạnh tranh đô thị của lãnh đạo các đô thị hiện nay; Đánh giá về kiến thức kỹ năng về cạnh tranh đô thị của cán bộ chuyên môn, cán bộ lãnh đạo; Nghiên cứu đánh giá nhu cầu bồi dưỡng nâng cao năng lực cạnh tranh đô thị của cán bộ lãnh đạo, chuyên môn đô thị; Nghiên cứu những lý thuyết liên quan đến mô hình cạnh tranh đô thị, trong đó có các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới cạnh tranh đô thị; Xây dựng mô hình nâng cao năng lực cạnh tranh cho các đô thị Việt Nam mà mỗi đô thị có thể thông qua đó tìm được lợi thế phát triển của mình; Tổ chức các hoạt động thí điểm cho các đô thị.

Số hồ sơ lưu: 21285

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

86166. 05-2023. **Nghiên cứu hướng dẫn chi tiết đo bóc khối lượng công trình giao thông, công trình cấp nước và thoát nước/** TS. Nguyễn Phạm Quang Tú, TS. Lê Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Hồng Linh; ThS. Nguyễn Trọng Nghĩa; ThS. Nghiêm Thị Hải Như; KS. Dương Thị Mỹ; KS. Lê Đình Hiên; KS. Nguyễn Trọng Khánh; ThS.

Hoàng Kim Ngọc; ThS. Nguyễn Phương Anh - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2021; 07/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến đo bóc khối lượng đối với công trình giao thông, cấp nước, thoát nước phục vụ lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Đánh giá thực trạng công tác đo bóc khối lượng xây dựng công trình giao thông, cấp nước và thoát nước hiện nay; Đề xuất xây dựng sổ tay đo bóc khối lượng xây dựng công trình giao thông (tập trung chủ yếu cho công trình cầu, đường bộ), cấp nước và thoát nước (hệ thống, mạng lưới truyền tải, hệ thống thu gom và một số công tác khác) làm công cụ giúp các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, chủ đầu tư, tổ chức tư vấn xây dựng và các đơn vị khác có liên quan sử dụng trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21279

20105. Kỹ thuật thủy lợi

86097. 05-2023. **Nghiên cứu đánh giá khả năng giảm sóng của kết cấu đê nổi “T-FB” ứng dụng trong xây dựng các công trình bảo vệ cảng và khu neo đậu tàu thuyền/** TS. Vũ Minh Tuấn, ThS. Nguyễn Sinh Trung; TS. Bạch Dương; TS. Vũ Quốc Hưng; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Nguyễn Đức Mạnh; ThS. Đỗ Minh Đạt; TS. Mai Cao Trí; PGS.TS. Nguyễn Thị Bạch Dương; TS. Bùi Việt Đông - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các nghiên cứu về kết cấu nổi giảm sóng trên thế giới và Việt Nam cũng như xu hướng phát triển kết cấu này. Chế độ thủy động lực xung quanh kết cấu và đặc tính giảm sóng của nó đã được tìm hiểu và trình bày. Từ đó, đề xuất hai giải pháp kết cấu FBW cải tiến. Số liệu về điều kiện tự nhiên và thủy hải văn tại một số khu vực tiềm năng có thể ứng dụng kết cấu FBW đã được thu thập, tổng hợp và phân tích. Mô hình toán FLOW-3D đã được chọn để mô phỏng ảnh hưởng của thông số sóng lên kích thước mặt cắt ngang của đê nổi. Ngoài ra, một số mô hình vật lý cũng đã được thực hiện để làm rõ hơn tương tác giữa kết cấu đê nổi và sóng.

Số hồ sơ lưu: 21267

86272. 05-2023. **Nghiên cứu xác định công nghệ tưới tiết kiệm nước, kết hợp sử dụng các tiến bộ kỹ thuật canh tác hợp lý trong điều kiện khô hạn cho cây nho, táo tỉnh Ninh Thuận/** GS. TS. Lê Sâm, ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên TS. Nguyễn Đình Vương; ThS. Trần Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Văn Lân; ThS. Nguyễn Lê Huân; ThS. Nguyễn Bá Tiên; TS. Mai Văn Hào; ThS. Phạm Văn Phước; ThS. Nguyễn Văn Chính; ThS. Phạm Trung Hiếu; KS. Võ Minh Rin; ThS. Lê Văn Thịnh; ThS. Ninh Văn Bình; KS. Nguyễn Hoàng Mỹ Linh; CN. Đỗ Thị Liên - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2019; 09/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng sản xuất cho nho, táo trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Đánh giá thực trạng nguồn nước tưới cho nông nghiệp của tỉnh Ninh Thuận. Thực trạng tưới và ứng dụng các loại công nghệ tưới tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Xây dựng 4 mô hình thực nghiệm ứng dụng các công nghệ tưới tiết kiệm nước (Tưới nhỏ giọt phân bố dây đôi (NG); Tưới phun mưa tầm thấp (PMTT); Tưới kết hợp nhỏ giọt + phun mưa tầm thấp) phục vụ quan trắc tưới. Xác định nhu cầu nước cho cây táo, cây nho theo các giai đoạn sinh trưởng và độ ẩm tối ưu theo lý thuyết; Xây dựng quy trình tưới theo mùa vụ cho các hình thức tưới tiết kiệm nước (phun mưa tầm thấp, tưới nhỏ giọt,... với điều kiện khí tượng thủy văn của từng vùng) và đã tiến hành quan trắc tưới, quan trắc độ ẩm đất và quan trắc quá trình sinh trưởng cho cây nho và cây táo. Đánh giá hiệu quả của các công nghệ tưới tiết kiệm nước và lựa chọn công nghệ tưới tiết kiệm nước phù hợp cho cây nho, táo của tỉnh Ninh Thuận và đề xuất quy trình kỹ thuật chăm sóc phù hợp cho cây nho, táo.

Số hồ sơ lưu: NTN-030-2021

86319. 05-2023. **Đánh giá sức chịu tải của sông Cái và phân vùng xả nước thải vào sông Cái đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035/** PGS.TS. Triệu Ánh Ngọc, - Ninh Thuận - Phân hiệu trường Đại học Thủy lợi, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng, dự báo xả thải vào sông Cái, và diễn biến chất lượng nguồn nước sông Cái đến năm 2025 và đến năm 2035. Xác định sức chịu tải và khả năng tiếp nhận nước thải của sông Cái đến năm 2025 và 2035. Đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn nước sông Cái hiệu quả theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

Số hồ sơ lưu: NTN-019-2021

86323. 05-2023. **Nghiên cứu đánh giá diễn biến bồi xói lòng dẫn sông Cái Phan Rang và đề xuất giải pháp quản lý, khai thác, phát triển bền vững/** PGS.TS. Lê Trung Thành, - TP. Hồ Chí Minh - Viện Thủy lợi và Môi trường, 2020; 12/2017 - 11/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng tình hình xói lở, bồi lắng trong sông Cái Phan Rang. Điều tra, khảo sát, đánh giá đầy đủ hoạt động khai thác cát trên sông Cái; Đánh giá những mặt tích cực, tiềm năng còn có thể khai thác đồng thời cũng làm rõ những mặt hạn chế của hoạt động khai thác cát sỏi trên vùng nghiên cứu. Điều tra, khảo sát các yếu tố tác động chính đến vận chuyển bùn cát trên sông và diễn biến xói lở (thảm thực vật trong lưu vực, tính chất cơ lý của đất lớp mặt có thể là nguồn bùn cát trên sông, những hoạt động phát triển kinh tế - xã hội làm thay đổi chế độ dòng chảy, vận chuyển bùn cát trong lưu vực...). Trên cơ sở khai thác kết quả mô hình biến đổi lòng dẫn (morphology model), xây

dựng quy luật xói bồi cho một số đoạn trên sông Cái từ cầu Tân Mỹ đến cửa biển. Xác định những khu vực có thể khai thác cát sỏi, thể hiện trên bản đồ lòng dẫn. Đề xuất được giải pháp hỗ trợ quản lý, bảo vệ, khai thác bền vững lòng dẫn hạ lưu sông Cái Phan Rang trong đó đề xuất được khung quản lý phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: NTN-018-2021

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

86093. 05-2023. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và tổ hợp hệ thống phòng cháy, chữa cháy cho các nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW/ KS. Nguyễn Văn Minh, KS. Nguyễn Minh Tuấn; ThS. Dương Mạnh Cường; KS. Hà Tiến Giáp; KS. Phạm Hoài Nam; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Trường Quang; ThS. Trần Sỹ Kiên; KS. Nguyễn Hữu Tuấn; KS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Trần Đình Thuận; ThS. Dương Tiến Diễn; ThS. Phạm Hải Nam; ThS. Đoàn Văn Minh; ThS. Nguyễn Văn Nam; ThS. Mai Văn Nguyên; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Trần Thị Mai Long; CN. Tống Ngọc Hải - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2022; 01/2016 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế cơ sở về công nghệ và thiết bị của hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho nhà máy nhiệt điện đốt than. Khảo sát và đánh giá tình trạng hư hỏng các thiết

bị chính của hệ thống phòng cháy và chữa cháy. Tính toán, thiết kế chi tiết hệ thống phòng cháy và chữa cháy và lập quy trình công nghệ chế tạo, tổ hợp hệ thống. Lập quy trình lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy và quy trình thử nghiệm, kiểm tra, vận hành, bảo trì hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Lập quy trình an toàn và phối hợp thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ.

Số hồ sơ lưu: 21269

86141. 05-2023. Nghiên cứu cơ sở khoa học, thiết kế thiết bị lặn có điều khiển phục vụ khảo sát, đánh giá chất lượng công trình hồ, đập thủy lợi/ TS. Phan Mạnh Hùng, KS. Lương Hữu Phú; ThS. Nguyễn Trường Thọ; KS. Trần Thanh Kỳ; CN. Huỳnh Vũ Ngọc Quý; TS. Trần Ngọc Huy; PGS. TS. Trần Thiên Phúc; TS. Tôn Thiện Phương; KS. Phạm Quang Hà; KS. Trần Minh Anh Trúc - TP. Hồ Chí Minh - Viện Kỹ thuật Biển - Viện Khoa học Thủy Lợi Việt Nam, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá tình hình nghiên cứu ROV ứng dụng trong khảo sát chất lượng đê, đập và hồ chứa tại Việt Nam và trên thế giới. Tính toán, thiết kế mô phỏng và lập bản vẽ chi tiết cho ROV. Tính toán, phân tích mô hình toán động học và động lực học cho ROV. Xây dựng thuật toán điều khiển và thiết kế hệ thống điều khiển cho ROV.

Số hồ sơ lưu: 21277

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

86095. 05-2023. **Nghiên cứu, xây dựng giải pháp cung cấp, chia sẻ các chương trình phát thanh - truyền hình cho các hệ thống của Đài TNVN/ ThS. Lê Đức Thọ, ThS. Nguyễn Năng Khang; ThS. Đặng Hữu Thuận; ThS. Đỗ Quốc Bảo; ThS. Đỗ Hồng An; KS. Nguyễn Minh Tuấn; KS. Đặng Tất Thắng; KS. Đỗ Hải Thanh; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Nguyễn Tùng Lâm - Hà Nội - Trung tâm Sản xuất và Lưu trữ chương trình, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Trình bày cơ sở lý luận của đề tài. Nêu hiện trạng cung cấp, chia sẻ chương trình tại Đài TNVN. Nghiên cứu xây dựng phần mềm để tạo ra một công cụ cho phép tích hợp, chia sẻ dữ liệu hệ thống phát thanh và truyền hình trên cùng một nền tảng, qua đó làm tăng khả năng khai thác, sử dụng lại các tư liệu sản xuất của Đài TNVN.

Số hồ sơ lưu: 21259

20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..

86508. 05-2023. **Thiết kế vi mạch dùng SoCFPGA cho các ứng dụng IoT có tính bảo mật cao/ TS. Huỳnh Hữu Thuận, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Đáp ứng các yêu cầu ứng dụng IoT về thời gian thiết kế ra sản phẩm nhanh, linh hoạt cả phần cứng và phần mềm. Bằng việc tích hợp các

bộ mã hóa và giải mã mật mã thực hiện trên FPGA với thể mạnh phần mềm vốn có của các lõi ARM cho phép các hệ thống SoC FPGA thực hiện các chức năng mã hóa dữ liệu ở tốc độ cao bằng phần cứng tích hợp với bộ xử lý ARM. Đáp ứng các nhu cầu phát triển đa dạng các Gateway IoT thông qua việc thực hiện các chức năng chuyển mạch linh hoạt và bảo mật với khả năng cho phép thay đổi cấu hình từ xa. Hiệu quả trong hoạt động R & D thông qua một loạt các giải pháp IoT đi từ "Things", Gateway đến Data Center.

Số hồ sơ lưu: HCM-069-2022

20299. Kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin không xếp vào mục nào khác

75522. 05-2023. **Ứng dụng công nghệ GIS xây dựng hệ thống thông tin quản lý hợp nhất tại một số sở, ngành của tỉnh Hải Dương/ Nguyễn Cao Thắng; Nguyễn Hữu Đăng; Lê Tuấn Việt; Nguyễn Minh Kha; Dương Thị Tú Anh; Phạm Huy Thắng; Nguyễn Ngọc Hải; Nguyễn Thị Ngọc Anh; Nguyễn Thanh Hải. - Sở thông tin và truyền thông tỉnh Hải Dương - Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hải Dương, 2019; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Ứng dụng công nghệ GIS xây dựng phần mềm quản lý hệ thống thông tin hợp nhất tại 7 sở (Thông tin và Truyền thông, Văn hóa thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Tài nguyên và môi trường, Giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương, Y tế và Công thương tỉnh Hải Dương), gồm

07 module (trong đó: 03 module chính (modul quản trị cơ sở dữ liệu, modul quản lý chi tiết các thông tin từ nhiều nguồn, từ nhiều dạng dữ liệu, modul biên tập bản đồ); 03 module quản lý và hỗ trợ công việc (Module tra cứu, tìm kiếm dữ liệu, Module quản trị, phân quyền người dùng, Module tổng hợp, kết xuất báo cáo (theo mẫu) và module “Tự động kiểm tra dữ liệu”). Cài đặt, vận hành, khai thác phần mềm tại 7 sở gồm thu thập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu và tổng hợp báo cáo, hệ thống phần mềm triển khai trên máy chủ trung tâm dữ liệu của tỉnh Hải Dương. Ứng dụng phần mềm quản lý hệ thống thông tin hợp nhất trên mobile của 07 sở phục vụ công tác quản lý tra cứu thông tin cho tổ chức và cá nhân.

Số hồ sơ lưu: 03HD.2019

86123. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng giải pháp vận hành Đài phát sóng Nam trung bộ theo hướng phát thanh công nghệ số/** ThS. Nguyễn Mạnh Linh, ThS. Kiều Anh Bắc; ThS. Nguyễn Thành Nam; ThS. Phạm Minh Đức; CN. Trần Ngọc Trung; KS. Lê Hà Giang; KS. Lưu Xuân Cảnh; KS. Nguyễn Trường Sơn; KS. Vũ Thị Ánh Nguyệt; KS. Phạm Thị Hương - Hà Nội - Trung tâm Kỹ thuật Phát thanh Truyền hình, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chuyển đổi số để điều khiển, quản lý vận hành khai thác Đài phát sóng Nam Trung Bộ công suất phát 400 kW. Khảo sát thực tế và đánh giá hiện trạng hệ thống truyền dẫn phát

sóng phát thanh AM hiện đang quản lý theo mô hình truyền thống. Nghiên cứu và đưa ra giải pháp ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào vận hành, khai thác hệ thống truyền dẫn phát sóng của Đài phát sóng Nam Trung Bộ. Qua đó, giảm tối đa nguồn nhân lực phục vụ cho việc khai thác vận hành tại trạm, tinh gọn bộ máy.

Số hồ sơ lưu: 21261

20301. Kỹ thuật cơ khí nói chung

86090. 05-2023. **Mô hình số phụ thuộc kích thước cho phân tích kết cấu tấm/vỏ vi mô có lỗ rỗng được gia cường bằng graphene platelets/** TS. Thái Hoàng Chiến, TS. Trần Trung Dũng; TS. Nguyễn Thị Bích Liễu; GS.TS. Nguyễn Xuân Hùng - Tp. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2022; 09/2019 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và phát triển các mô hình số có xem xét hiệu ứng kích thước để phân tích tuyến tính và phi tuyến hình học của kết cấu tấm/vỏ vi mô có lỗ rỗng được gia cường bằng graphene platelets (GPLs) sử dụng lý thuyết lý thuyết độ dốc biến dạng (MSGT), lý thuyết biến dạng cắt bậc cao (HSMT), lý thuyết biến dạng cắt bậc cao hiệu chỉnh (RPT) và các hàm cơ sở NURBS/Kriging. Sự khác biệt giữa mô hình vĩ mô và mô hình vi mô sẽ được giải thích rõ ràng. Các tác động ở cấp độ vi mô đối với các chuyển vị, tần số dao động tự nhiên, đáp ứng tức thời và tải trọng giới hạn v.v., được kiểm tra thông qua các ví dụ số. Kết quả thu được sẽ được

công bố trên các tạp chí ISI uy tín và chất lượng cao, các tạp chí quốc gia và cũng được trình bày trong các bài thuyết trình hội nghị cũng như bài giảng hội thảo.

Số hồ sơ lưu: 21264

86486. 05-2023. **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống hàn cao tần không tiếp xúc công suất 250 kW cho dây chuyền sản xuất ống thép hàn/** TS. Ngô Mạnh Dũng, ThS. Phạm Đức Lâm; ThS. Phạm Minh Trí; ThS. Kiều Ngọc Dịch Vụ; KS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Phan Văn Đức; ThS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Trần Quốc Cường; KS. Phan Đình Hạnh; CN. Phạm Thanh Toàn; ThS. Nguyễn Văn Bình - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2021; 09/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế và gia công hoàn thiện thiết bị hàn cao tần bao gồm các môđun: Khối cấp nguồn công suất AC; Khối biến đổi điện áp AC-DC; Khối nghịch lưu tạo dao động cao tần; Cuộn hàn cảm ứng công suất 250 kW; Hệ thống làm mát giải nhiệt cho các thành phần của máy. Tạo sản phẩm mới là thiết bị hàn cao tần trong dây chuyền tự động sản xuất ống thép hàn, với mục tiêu tăng năng suất và chất lượng sản phẩm hạ giá thành sản phẩm đầu cuối. Góp phần phát triển công nghiệp chế tạo máy, đóng góp thiết thực trong việc làm chủ công nghệ và thiết kế dây chuyền sản xuất ống thép hàn hoàn chỉnh để cạnh tranh và thay thế thiết bị nhập ngoại.

Số hồ sơ lưu: HCM-075-2022

20302. Chế tạo máy nói chung

86180. 05-2023. **Nghiên cứu, chế tạo đầu dò Gamma sử dụng tinh thể nhấp nháy NaI(Tl) và Silicon Photomultiplier (SiPM) ứng dụng trong kỹ thuật hình ảnh hạt nhân (Chụp cắt lớp điện toán)/** CN. Lại Viết Hải, ThS. Đặng Quốc Triệu; CN. Vương Đức Phụng; KS. Nguyễn Ngọc Nhật Anh; KTV. Trần Minh Tiến - Đà Lạt - Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chế tạo thành công đầu dò đo gamma sử dụng tinh thể nhấp nháy NaI(Tl) kết hợp với nhân quang silicon – SiPM và hệ đo đơn kênh dùng cho loại đầu dò này. Sử dụng tinh thể NaI(Tl) kích thước 0,5 inch x 1 inch kết hợp với nhân quang điện bán dẫn (SiPM) - MICROFC-60035-SMT-TR1 (ONSEMI) bằng keo quang học Meltmount để tạo nên một đầu dò đo gamma và chế tạo các khối mạch điện tử như khối nguồn phân cực, khối khuếch đại, khối phân biệt biên độ xung, khối nguồn thế thấp, kết hợp các khối này với nhau và với module Arduino mega 2560 pro tạo thành một hệ đo gamma đơn kênh hoàn chỉnh. Để điều khiển được hệ đo, nhóm đề tài đã lập trình phần mềm điều khiển, lưu trữ và hiển thị dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 21283

86430. 05-2023. **Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị gia công chi tiết kim loại dạng thành**

mỏng trong khuôn bằng công nghệ biến dạng cục bộ/ PGS. TS. Đỗ Thành Trung, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Kỹ Thuật Tp Hồ Chí Minh, 2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết của công nghệ biến dạng kim loại tấm cục bộ. Tính toán, thiết kế và chế tạo thiết bị biến dạng kim loại tấm cục bộ. Phân tích công nghệ biến dạng kim loại tấm cục bộ bằng thực nghiệm Tối ưu các thông số công nghệ (vận tốc, vòng quay, bước dịch chuyển) trong quá trình tạo hình bằng phương pháp biến dạng cục bộ. Làm chủ công nghệ chế tạo thiết bị và các linh kiện phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ biến dạng cục bộ kim loại tấm trong quy trình chế tạo khuôn mẫu chính xác nhằm hướng đến thương mại hóa sau này.

Số hồ sơ lưu: HCM-080-2022

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

80566. 05-2023. **Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất thức ăn dạng lỏng cho lợn trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ ThS. Nguyễn Đức Thắng, Nguyễn Đức Thắng; Bùi Văn Tú; ; Nguyễn Trọng Quỳnh; Hoàng Thị Hoà; Tăng Thị Phụng; Trịnh Văn Cường; Ngô Hữu Mạnh; Vũ Thị Hồng; Trần Thị Dịu; Vũ Tiến Hoàn; Phạm Minh Phương. - Trường đại học Sao Đỏ - Trường Đại học Sao Đỏ, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất thức ăn

dạng lỏng cho lợn bằng công nghệ sinh học bao gồm: xây dựng công thức phối trộn đảm bảo dinh dưỡng cho thức ăn khi sử dụng phế phụ phẩm khác nhau (công thức phối trộn khi sử dụng bã rượu truyền thống; công thức phối trộn khi sử dụng bã malt bia, nấm men bia; công thức phối trộn khi sử dụng cám gạo hoặc cám mạch. Nghiên cứu tìm loại enzyme và các điều kiện thủy phân Protein trong nguyên liệu; Nghiên cứu điều kiện nuôi cấy tăng sinh khối probiotic và lên men acid lactic; Hoàn thiện hệ thống nấu và gia nhiệt. Sản xuất thử nghiệm thức ăn dạng lỏng cho lợn với quy mô 1.800l. Thực nghiệm nuôi lợn bằng thức ăn lỏng do dự án sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 20HD.2020

86208. 05-2023. **Nghiên cứu thăm dò ứng dụng công nghệ Plasma lạnh trong bảo quản một số nông sản thực phẩm chế biến tối thiểu/ ThS. Bùi Mỹ Trang, ThS. Dương Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Tiến Khương; TS. Lê Hà Hải; ThS. Tiên Thị Lợt; ThS. Trần Thị Thu Hoài; ThS. Bùi Thị Minh Tâm; TS. Đỗ Hoàng Tùng; ThS. Lê Hồng Mạnh; KS. Trần Thị Thương - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng mô hình thiết bị thực nghiệm ứng dụng công nghệ plasma lạnh quy mô phòng thí nghiệm để xử lý nông sản thực phẩm chế biến tối thiểu; Đề xuất được quy trình xử lý rau quả và thịt chế biến tối thiểu ứng dụng công nghệ Plasma lạnh quy mô

phòng thí nghiệm, đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành; Đánh giá được sơ bộ hiệu quả ứng dụng công nghệ plasma lạnh trong xử lý rau quả, thịt chế biến tối thiểu và dự báo tiềm năng ứng dụng công nghệ plasma lạnh trong chế biến bảo quản nông sản thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21290

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

86343. 05-2023. Nghiên cứu, tối ưu thiết kế và chế tạo hệ thống điện năng lượng mặt trời sử dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng cho tàu vận tải, tàu khách đường thủy nội địa/ TS. Nguyễn Cảnh Toàn, Phạm Trung Minh; Nguyễn Hạnh Phúc; Trần Đức Tân; Nguyễn Đăng Khoa; Giản Quốc Anh; Trần Văn Hạnh; Nguyễn Thị Hòa - Hà Nội - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, xây dựng phần cứng gồm mạch điều khiển, mạch công suất và viết chương trình điều khiển cho hệ thống dò bám thu năng lượng tối ưu. Chương trình tính toán góc nghiêng và góc hướng dựa trên thông tin định vị GPS thời gian thực, cảm biến góc và la bàn số. Tấm pin quang điện được tự động điều khiển theo 2 bậc tự do để luôn vuông góc với tia nắng tới, định hướng theo sự chuyển động biểu kiến của mặt trời để nâng cao hiệu suất thu năng lượng. Tính toán, thiết kế bộ nạp ắc-quy và bộ chuyển đổi điện công suất nhỏ một pha không nối lưới có dạng sóng đầu ra dạng sin 220V, 50Hz,

công suất 1KW. Hệ thống thu năng lượng mặt trời, lưu trữ và cung cấp năng lượng điện cho thiết bị sử dụng điện. Mô hình được thiết kế dạng mô-đun phục vụ nghiên cứu, đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện-Điện tử tại các trường Đại học, Cao đẳng. Thiết kế một số bài thực hành trên mô hình phục vụ môn học Thực hành Vi xử lý và Điện tử công suất

Số hồ sơ lưu: 21218

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

86474. 05-2023. Nghiên cứu khả năng hấp phụ kim loại nặng của than hydro thu nhận từ quá trình carbon hóa thủy nhiệt rác thực phẩm/ ThS. Đỗ Thị Hoàng Tuyền, Phạm Thị Phương Thùy; Lê Thái Hoàng - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Khảo sát quá trình thủy phân rác thực phẩm với các nhân khác nhau (H_2SO_4 , NaOH, và hỗn hợp enzyme cellulase: protease). Chế tạo than hydro từ rác thực phẩm đã thủy phân. Khảo sát ảnh hưởng của pH, thời gian và nồng độ ion Cu^{2+} của than hydro thu nhận được từ quá trình thủy phân rác với các tác nhân khác nhau. Khảo sát ảnh hưởng của pH, thời gian và nồng độ ion Pb^{2+} , Cd^{2+} của than hydro từ rác thực phẩm chưa qua thủy phân. So sánh hiệu quả xử lý Cu^{2+} , Pb^{2+} , Cd^{2+} của than hydro từ rác thực phẩm so với

than hydro từ các nguồn sinh khối khác.

Số hồ sơ lưu: HCM-076-2022

20402. Kỹ thuật quá trình hóa học nói chung

86151. 05-2023. **Nghiên cứu xử lý phân huỷ phẩm nhuộm gốc azo từ nước thải phân xưởng nhuộm bằng phương pháp chiếu xạ chùm tia điện tử kết hợp với xử lý sinh học/** TS. Nguyễn Ngọc Duy, PGS. TS. Nguyễn Quốc Hiến; ThS. Nguyễn Thị Kim Lan; ThS. Cao Văn Chung; ThS. Nguyễn Thành Được; KS. Chu Nhật Khánh; ThS. Dương Thị Giáng Hương - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trong nghiên cứu này, nước thải thực tế của nhà máy dệt nhuộm được xử lý bằng phương pháp chiếu xạ chùm tia điện tử (EB) kết hợp với H_2O_2 và xử lý sinh học. Sự thay đổi độ màu, nhu cầu oxy hóa học (COD) nhu cầu oxy sinh học (BOD), tổng lượng cacbon hữu cơ (TOC), tổng lượng chất rắn lơ lửng (TSS) của nước thải trước và sau xử lý được nghiên cứu. Kết quả cho thấy, tại liều xạ 1 kGy + 5 mM H_2O_2 mẫu nước thải SV có các thông số như độ màu, COD, BOD5 và TOC tương ứng là 75 (Pt-Co), 137, 48 và 49 mg/l sau 3 ngày xử lý và mẫu nước thải PK có các thông số như độ màu, COD, BOD5 và TOC tương ứng là 103 (Pt-Co), 77, 45 và 35 mg/l sau 5 ngày xử lý đã đạt tiêu chuẩn cho phép xả thải của QCVN

13:2015/BTNMT (cột B). Phương pháp chiếu xạ EB kết hợp xử lý với H_2O_2 và sinh học là phương pháp hiệu quả để xử lý nước thải dệt nhuộm với ưu điểm thân thiện với môi trường và có khả năng áp dụng quy mô công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21275

20404. Kỹ thuật hoá vô cơ

86418. 05-2023. **Động học chi tiết quá trình oxy hóa propylene carbonate trong khí quyển khơi mào bởi gốc tự do OH và các phản ứng đơn phân tử theo sau/** Mai Văn Thanh Tâm, - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu “Động học chi tiết quá trình oxy hóa propylene carbonate trong khí quyển khơi mào bởi gốc tự do OH và các phản ứng đơn phân tử theo sau”. Tìm hiểu bản chất sự chuyển hóa của các phản ứng; Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện khí quyển (ví dụ như nhiệt độ, áp suất, v.v...) lên sự phân bố sản phẩm cũng như là độ bền nhiệt của các chất trung gian; Dự đoán hằng số tốc độ cho các phản ứng này, điều này giúp đánh giá sự phân huỷ propylene carbonate bởi các tác nhân OH cũng như góp phần hiểu rõ hơn bản chất hóa học trong khí quyển.

Số hồ sơ lưu: HCM-083-2022

20507. Vật liệu xây dựng

85797. 05-2023. **Nghiên cứu sử dụng thạch cao từ nhà máy phân bón DAP và thạch cao FGD làm**

nguyên liệu sản xuất tấm thạch cao thông thường/ ThS. Trịnh Thị Châm, ThS. Tạ Văn Luân; TS. Lưu Thị Hồng; ThS. Nguyễn Kiên Cường; ThS. Khổng Thị Giang; ThS. Hà Văn Lâm; KS. Nguyễn Thị Mai; KS. Vũ Hải Quang; KS. Vũ Văn Linh; KTV. Vũ Văn Lực - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2019; 05/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, lấy mẫu và đánh giá tính chất của thạch cao FGD và thạch cao PG (PG). Xác định các yếu tố cần nghiên cứu xử lý của thạch cao FGD và thạch cao PG. Khảo sát tại các cơ sở sản xuất tấm thạch cao. Xác định các yêu cầu kỹ thuật cần có của các loại sản phẩm và thạch cao làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao. Nghiên cứu các biện pháp xử lý thạch cao tái chế để đáp ứng các yêu cầu làm nguyên liệu cho sản xuất tấm thạch cao. Tìm hiểu và nắm vững công nghệ sản xuất tấm thạch cao. Sử dụng thạch cao tái chế đã xử lý để sản xuất thử 50 m² tấm thạch cao thông thường đạt chất lượng theo TCVN 8256 quy mô phòng thí nghiệm. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật "Sử dụng thạch cao tái chế làm nguyên liệu sản xuất tấm thạch cao". Đánh giá hiệu quả kinh tế khi sử dụng thạch cao tái chế làm nguyên liệu sản xuất tấm thạch cao.

Số hồ sơ lưu: 21180

85888. 05-2023. Nghiên cứu sử dụng bùn đỏ làm nguyên liệu thay thế đất sét trong sản xuất gạch lát sàn và ngói lợp/ ThS. Nguyễn Hữu Tài, ThS. Nguyễn Thị Lệ Quyên;

ThS. Ngô Hùng Cường; ThS. Nguyễn Văn Liễu; KS. Nguyễn Thị Thu Hằng; KS. Đàm Thị Mỹ Lương; ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Phạm Đức Nhuận; KS. Mai Trọng Nguyên; TS. Lưu Thị Hồng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất gạch lát sàn và ngói lợp sử dụng bùn đỏ làm nguyên liệu thay thế 50% đất sét. Chế tạo được 100 viên gạch lát sàn kích thước (250x250) mm có chất lượng đạt theo TCVN 7483:2005 Gạch ốp lát đùn dẽo – Yêu cầu kỹ thuật. Chế tạo 100 ngói lợp 22 viên/m² có chất lượng đạt theo và TCVN 1452:2004 Ngói đất sét nung - Yêu cầu kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 21229

85891. 05-2023. Nghiên cứu chế tạo mực in kỹ thuật số cho gạch gốm ốp lát/ ThS. Nguyễn Hữu Tài, ThS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Ngô Hùng Cường; ThS. Nguyễn Văn Liễu; KS. Quách Thanh Tùng; KTV. Nguyễn Thị Lệ Quyên; KS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khảo sát, đánh giá các tính chất nguyên liệu để chế tạo mực in; Nghiên cứu công nghệ chế tạo bột màu có nhiệt độ nung phù hợp với gạch gốm ốp lát ceramic; Nghiên cứu sử dụng dung môi để pha trộn bột màu; Nghiên cứu quy trình công nghệ chế tạo mực in kỹ thuật số màu nâu, màu xanh lá cây, màu xanh nước biển cho gạch gốm

ốp lát ceramic; Nghiên cứu thử nghiệm mực in trên sản phẩm gạch gồm ốp lát ceramic trong phòng thí nghiệm; Nghiên cứu thử nghiệm ứng dụng mực in tại nhà máy sản xuất gạch gồm ốp lát ceramic; Nghiên cứu đánh giá tính chất sản phẩm khi đưa vào ứng dụng cho gạch gồm ốp lát ceramic;

Số hồ sơ lưu: 21230

86089. 05-2023. **Ứng dụng và phát triển công nghệ sản xuất gạch không nung xi măng - cốt liệu tại Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang/** KS. Đặng Tú Anh, CN. Nguyễn Anh Tam; KTV. Trần Văn Hiền; KTV. Phạm Văn Kiệt; CN. Nguyễn Quốc Cường; CN. Nguyễn Thị Lan Phương; KS. Lê Hoàng Minh - Phú Quốc - Công ty TNHH An Phát Phú Quốc, 2022; 04/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ các quy trình công nghệ: phối trộn vật liệu phù hợp với vật liệu tại địa phương; sản xuất tự động, vận hành dây chuyền thiết bị sản xuất; bảo dưỡng đóng gói thành sản phẩm sau ép đạt tiêu chuẩn; bảo dưỡng dây chuyền thiết bị; công nghệ xây dựng bằng gạch không nung xi măng - cốt liệu. Xây dựng mô hình sản xuất gạch không nung xi măng - cốt liệu dây chuyền với công suất 22 triệu viên/năm, sản phẩm đạt tiêu chuẩn TCVN 6477:2016. Ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất gạch không nung, nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao và có khả năng cạnh tranh với sản phẩm gạch nung cùng loại, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và

tiết kiệm nhiên liệu hóa thạch. Xây dựng mô hình sản xuất đồng bộ, tiên tiến, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sản xuất sản phẩm thay thế gạch nung.

Số hồ sơ lưu: 21265

86150. 05-2023. **Nghiên cứu phương pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa chặt theo nguyên lý cân bằng trong điều kiện Việt Nam/** ThS. Lưu Ngọc Lâm, ThS. Vũ Văn Thắng; PGS.TS. Vũ Đức Chính; PGS.TS. Nguyễn Quang Phúc; TS. Lâm Hữu Quang; CN. Nguyễn Trọng Luyện; ThS. Đặng Minh Hoàng; ThS. Tạ Xuân Trường; ThS. Trần Trung Thành; KS. Nguyễn Thị Hiền - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, 2022; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nắm vững được phương pháp thiết kế, chế tạo bê tông nhựa theo nguyên lý thiết kế cân bằng (Balanced Mix Design) giữa các đặc trưng thể tích-độ nhạy âm, khả năng chống lún vệt bánh xe, và khả năng chống nứt, phục vụ cho việc áp dụng phương pháp thiết kế này phù hợp với điều kiện Việt Nam. Lựa chọn phương pháp thử đánh giá khả năng chống lún vệt bánh xe, khả năng chống ẩm và khả năng chống nứt phù hợp với điều kiện Việt Nam. Đề xuất phương pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa chặt theo nguyên lý cân bằng (Balanced Mix Design) trong điều kiện Việt Nam. Đưa ra được những điều kiện để áp dụng phương pháp thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa theo nguyên lý cân bằng tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21278

86201. 05-2023. **Nghiên cứu công nghệ chế tạo xi măng siêu ít clanhke/** Thạc sỹ.Trịnh Thị Sâm, ThS. Khổng Thị Giang; TS. Lưu Thị Hồng; ThS. Nguyễn Văn Liễu; ThS. Phùng Trọng Quyền; KS. Phạm Hữu Thiên; KS. Nguyễn Thị Mai; ThS. Vũ Hải Quang; CN. Nguyễn Hữu Hoàng; KS. Đặng Thị Minh Hoa - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2022; 08/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, thu thập mẫu các nguồn vật liệu và đánh giá tính chất của nguyên vật liệu nghiên cứu. Nghiên cứu chế tạo xi măng siêu ít clanhke: Nghiên cứu chế tạo xi măng siêu sulfat, có sử dụng hàm lượng clanhke dưới 5% theo BS EN 15743:2015; Chế tạo xi măng xỉ lò cao, có sử dụng hàm lượng clanhke dưới 30%, đáp ứng yêu cầu của TCVN 4316:2007; Chế tạo xi măng đa cầu có sử dụng hàm lượng clanhke dưới 30%, đáp ứng yêu cầu của TCVN 9501:2013; 3.3. Nghiên cứu khả năng sử dụng xi măng siêu ít clanhke trong chế tạo bê tông và bê tông cốt thép: Nghiên cứu đánh giá các tính chất của hỗn hợp bê tông; bê tông đóng rắn; bê tông trong các môi trường xâm thực. Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo xi măng siêu ít clanhke. Sản xuất thử nghiệm xi măng siêu ít clanhke: Sản xuất thử nghiệm xi măng siêu ít clanhke tại nhà máy xi măng Hoàng Long. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn và thuyết minh tiêu chuẩn Việt Nam: Xi măng siêu ít clanhke trên cơ sở xi măng siêu sun phát: thành phần, yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

Số hồ sơ lưu: 21292

86493. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng vật liệu Geofom xây dựng đường đầu cầu trên đất yếu ở thành phố Hồ Chí Minh/** PGS.TS. Trần Nguyễn Hoàng Hùng, ThS. Đỗ Thị Mỹ Chinh; ThS. Phạm Quốc Quốc; ThS. Hồ Thị Lan Hương; HVCH. Trần Minh An; HVCH. Phan Phước Vĩnh; HVCH. Trần Lô Kinl; HVCH. Nguyễn Thành Tâm; HVCH. Lý Duyên Hồng Nhung; TS. Huỳnh Ngọc Thi - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan về vật liệu nhẹ Geofom ứng dụng xây dựng đường đầu cầu trên nền đất yếu được nghiên cứu. Các đặc trưng cơ-lý-hóa của vật liệu Geofom được xác định trong phòng thí nghiệm. Loại Geofom phù hợp để ứng dụng xây dựng đường đầu cầu trên nền đất yếu được xác định. Đường đầu cầu trên nền đất yếu bằng vật liệu Geofom được phân tích và thiết kế. Mô hình đường đầu cầu được xây dựng bằng Geofom sản xuất trong nước. Quy trình công nghệ hướng dẫn thiết kế, thi công, kiểm tra chất lượng, và nghiệm thu khi ứng dụng Geofom trong xây dựng đường trực tiếp trên đất yếu được phác thảo. Định mức và đơn giá phục vụ công tác phân tích dự toán xây dựng công trình được xây dựng hoàn chỉnh.

Số hồ sơ lưu: HCM-074-2022

20513. Gỗ, giấy, bột giấy

85898. 05-2023. **Nghiên cứu công nghệ MBR (Membrane Biological Reactors - Bể phản ứng sinh học có sử dụng màng) nhằm nâng cao hiệu quả xử lý sinh học hiếu khí cho nước thải sản xuất bột giấy và giấy./** ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh ., ThS. Tạ Thanh Tùng; TS. Nguyễn Thị Thu Hiền; KS. Phan Thúy Hà; ThS. Võ Thành Lê; KS. Bùi Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện công nghiệp giấy và xenlulô, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ và mô hình thiết bị xử lý sinh học hiếu khí ứng dụng công nghệ MBR nâng cao hiệu quả xử lý sinh học hiếu khí nước thải tại các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy đạt tiêu chuẩn xả thải (QCVN 12:2015/BTNMT, cột A). Kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ MBR trong xử lý nước thải sản xuất bột giấy và giấy mang lại các kết quả khả quan. Chất lượng nước sau xử lý đạt yêu cầu (cột A) QCVN 12-MT:2015/BTNMT. Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình lọc màng đã được loại bỏ và việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải sản xuất bột giấy và giấy sau xử lý bằng công nghệ màng là rất khả thi. Tuy nhiên, chi phí thay thế màng sau một thời gian dài sử dụng vẫn là những con số lớn, hạn chế/ngăn cản sự tiếp cận của các doanh nghiệp ứng dụng. Chính vì vậy mà các nghiên cứu về màng lọc áp suất thấp và nghiên cứu nâng cao tuổi thọ màng cũng sẽ là những

nghiên cứu tiếp theo cần được thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 21232

20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác

86372. 05-2023. **Nghiên cứu phát triển vật liệu zeolite khung hữu cơ cộng hóa trị mới (ZCOFs) bằng tính toán DFT tuần hoàn và mô phỏng Monte Carlo/** Phạm Trần Nguyên Nguyên, - Tp. Hồ Chí Minh - Viện khoa học và công nghệ tính toán, 2020; 12/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong nhiệm vụ này, bằng kỹ thuật mô phỏng tính toán hóa học hiện đại, trong đó kết hợp cả phương pháp động học phân tử, mô phỏng Monte Carlo và Lý thuyết phiếm hàm mật DFT tuần hoàn nghiên cứu phát triển cấu trúc mới của vật liệu COF-2D đơn lớp (Ni-phthalocyanine, NiPc) và COF-3D trên nền cấu trúc Zeolite, tạm gọi vật liệu zeolite-COFs (Z-COFs). Các vật liệu này được nghiên cứu định hướng cho hai ứng dụng chính: đó là vật liệu bán dẫn và lưu trữ khí metan. Nhiệm vụ thực hiện 2 chủ đề i) Phát triển vật liệu COF-2D mới cho định hướng vật liệu dẫn, ii) Phát triển vật liệu COF-3D mới cho định hướng hấp phụ khí metan

Số hồ sơ lưu: HCM-061-2022

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

86030. 05-2023. **Nghiên cứu, sử dụng tro bay nhiệt điện chế tạo vật liệu và giải pháp thi công lớp phủ chống phát tán ô nhiễm và cứng**

hóa cho các bãi chứa chất thải rắn công nghiệp/ ThS. Lê Văn Quang, ThS. Lê Văn Quang; KS. Dương Ngọc Phụng; TS. Mai Ngọc Tâm; ThS. Phạm Đức Nhuận; KS. Trần Quốc Huy; KS. Nguyễn Ngọc Nam; Phạm Tuấn Anh; Nguyễn Hữu Phiên - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2019; 07/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng và biện pháp xử lý chất thải rắn một số nhà máy nhiệt điện, gang thép, xi măng. Nghiên cứu chế tạo vật liệu để thi công lớp phủ và lựa chọn thiết bị cũng như các giải pháp thi công lớp phủ. Tiến hành xây dựng qui trình công nghệ sản xuất và thi công lớp phủ. Sản xuất và thi công thử nghiệm lớp phủ tại nhà máy, qua đó đánh giá chất lượng lớp phủ sau khi thi công và đánh giá hiệu quả kinh tế của việc sử dụng lớp phủ chống phát tán ô nhiễm.

Số hồ sơ lưu: 21250

86047. 05-2023. **Nghiên cứu kiểu quặng đồng - urani trường quặng Kon Rá, Kon Tum để định hướng công tác đánh giá tiếp theo/** ThS. Nguyễn Tiến Dũng, ThS. Vũ Trọng Tấn; KS. Nguyễn Năng Thành; CN. Phạm Văn Hương; CN. Trần Duân; KS. Đỗ Ngọc Chuân; CN. Đặng Văn Rời; TS. Nguyễn Văn Niệm; TS. Mai Trọng Tú; KS. Phạm Văn Hùng - Tp. Hồ Chí Minh - Liên đoàn Bản đồ Địa chất Miền Nam, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đặc điểm thành phần vật chất, điều kiện thành tạo quặng

đồng - urani trường quặng Kon Rá. Nghiên cứu đặc điểm địa chất quặng hóa và xác lập các yếu tố khống chế quặng hóa đồng - urani trường quặng Kon Rá. Nghiên cứu tổng quan các mỏ khoáng sản đồng - urani trên thế giới và Việt Nam làm cơ sở định hướng và đối sánh mô hình khoáng sản đồng - urani tại khu vực Kon Rá. Nghiên cứu tổng hợp đặc điểm cấu trúc địa chất và khoáng sản đồng - urani trong phạm vi đới đứt gãy Ba Tơ - Kon Tum thuộc đề án Kon Plong. Khoanh định các cấu trúc có triển vọng để dự báo tiềm năng và định hướng công tác điều tra khoáng sản đồng - urani và khoáng sản đi kèm trong phạm vi đới đứt gãy Ba Tơ - Kon Tum thuộc đề án Kon Plong.

Số hồ sơ lưu: 21246

20704. Viễn thám

86307. 05-2023. **Ứng dụng GIS phục vụ công tác quản lý hạ tầng đô thị trên địa bàn Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận/** ThS. Lưu Đình Hiệp, - Ninh Thuận - Trung tâm Công nghệ Thông tin địa lý - Ditagis, 2018; 11/2017 - 07/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu GIS chuyên đề về hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Xây dựng phần mềm ứng dụng cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu đã xây dựng phục vụ tác nghiệp liên quan đến công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị tại Sở Xây dựng và Phòng Quản lý đô thị. Đề xuất cơ chế quản lý, vận hành

hệ thống cũng như chia sẻ, cập nhật, tích hợp dữ liệu phù hợp với điều kiện về hạ tầng, nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: NTN-028-2021

20899. Công nghệ sinh học môi trường khác

83332. 05-2023. **Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng màng phủ sinh học tự phân hủy phục vụ sản xuất rau màu trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương/** ThS Bùi Văn Tú, Bùi Văn Tú; Hoàng Thị Hòa; Tăng Thị Phụng; Đỗ Văn Đình; Nguyễn Đức Thắng; Nguyễn Quốc Bình; Nguyễn Thị Kim Nguyên; Trần Thị Diệu; Tạ Hồng Phong; Đinh Thị Hải Hà; Nguyễn Văn Như - Trường Đại học Sao Đỏ - Trường Đại học Sao Đỏ, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thử nghiệm và hoàn thiện quy trình sản xuất màng phủ sinh học tự phân hủy phục vụ sản xuất rau màu từ nguyên liệu sẵn có trên thị trường với 5 công thức khác nhau từ các nguyên liệu: nhựa LDPE/PLA/PHA/PVA/TPS, tinh bột sắn, Chitosan tôm sú, Ethylen - acrylic – acid, Polycaprolactone, phụ gia, Glycerol, bột hữu cơ. Xây dựng mô hình sản xuất màng phủ sinh học tự phân hủy phục vụ sản xuất rau màu từ nguyên liệu sẵn có trên thị trường với quy mô 10.000m². Xây dựng mô hình ứng dụng màng phủ sinh học tự phân hủy vào sản xuất dưa hấu, dưa lê và cà chua trên địa bàn thành phố Chí Linh 10.000m².

Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 03HD.2021

20901. Các công nghệ xử lý sinh học (các quá trình công nghiệp dựa vào các tác nhân sinh học để vận hành quy trình), xúc tác sinh học; lên men

86029. 05-2023. **Hoàn thiện quy trình công nghệ và mô hình thiết bị sản xuất thử nghiệm chế phẩm Protease tái tổ hợp từ *E.coli* BL 21 DE3 ứng dụng thủy phân bã nấm men bia tạo Peptide có hoạt tính sinh học./** ThS. Phạm Thị Thu Hiền, TS. Hoàng Thị Bích; ThS. Nguyễn Trường Giang; ThS. Phạm Thị Hằng Nga; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; PGS.TS. Tạ Thị Thu Thủy; TS. Đỗ Tiến Lâm; ThS. Cao Hải Yên; TS. Đỗ Trung Sỹ; KS. Lê Thị Hằng; GS.TS. Đặng Thị Thu - Hà Nội - Viện nghiên cứu và ứng dụng sinh học công nghệ cao, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất Protease tái tổ hợp từ *E.coli* BL 21DE3 quy mô 100l/mẻ và ứng dụng peptide sinh học trong sản xuất sản phẩm viên nang TPCN quy mô 50.000 viên chứa 150 mg peptide /viên 500 mg và nước uống đóng chai quy mô 3.000 chai nước chứa peptid sinh học (chai 120 ml: 500mg/lit). Đồng thời, nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sử dụng chế phẩm Protease tái tổ hợp thủy phân giới hạn bã men bia tạo peptide phân tử thấp quy mô 200 kg nguyên liệu/mẻ. qua đó xác định cấu

trúc và một số tính chất hóa lý, hoạt tính sinh học của chế phẩm peptide. Hoàn thiện công nghệ sản xuất peptid SH quy mô 500kg nguyên liệu/ mẻ. Ứng dụng peptide sinh học trong sản xuất sản phẩm viên nang thực phẩm chức năng quy mô 50.000 viên chứa 150 mg peptide /viên 500 mg và nước uống đóng chai quy mô 3.000 chai nước chứa peptid sinh học (chai 120 ml: 500mg/lit). Tổ chức sản xuất thử nghiệm, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án.

Số hồ sơ lưu: 21251

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

85778. 05-2023. **Chế tạo và nghiên cứu tính chất vật liệu nano Ag/TiO₂/graphene dạng màng mao quản bột xốp cho ứng dụng quang xúc tác**./ PGS. TS. Vũ Phi Tuyền, TS. Lê Thị Hòa; TS. Phan Văn Độ; TS. Nguyễn Xuân Ca; TS. Lương Duy Thành; ThS. Đặng Thị Thanh Nhân - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2022; 04/2019 - 03/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp chế tạo thành công vật liệu quang xúc tác mao quản bột xốp Ag/TiO₂/graphen. Thu thập, đọc, nghiên cứu tài liệu, tư liệu liên quan. Xây dựng thiết bị, dụng cụ, hóa chất cần thiết cho nghiên cứu. Làm các thí nghiệm để tổng hợp huyền phù tinh thể nano xenlulo từ giấy thải bằng cách thủy phân trong môi trường axit sulfuric. Phân tích các chỉ tiêu của nước. Đánh giá hoạt tính quang xúc tác của các vật liệu. Xử lý số liệu thực nghiệm thu được.

Kết quả nghiên cứu về cấu trúc vật liệu, cấu trúc vùng năng lượng, các tính chất quang phổ, tính chất điện hoá, tính chất quang xúc tác của vật liệu nano Ag/TiO₂/graphen dạng mao quản bột xốp.

Số hồ sơ lưu: 21173

86407. 05-2023. **Nghiên cứu tổng hợp nanocomposite bạc trên cơ sở graphene oxit ứng dụng làm vật liệu kháng khuẩn**/ TS. Hoàng Minh Nam, TS. Nguyễn Hữu Hiếu; PGS. TS. Huỳnh Kỳ Phương Hạ; TS. Lê Minh Viễn; TS. Phạm Trọng Liêm Châu; TS. Huỳnh Ngọc Oanh; KS. Nguyễn Minh Đạt; PGS. TS. Cao Hữu Nghĩa; CN. Nguyễn Thanh Hương; ThS. Lữ Thị Mộng Thy; CN. Trần Hoàng Tú - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2020; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng hợp thành công vật liệu Ag/GO có khả năng kháng khuẩn định hướng ứng dụng trong chế tạo băng dán kháng khuẩn. Đưa ra quy trình tổng hợp vật liệu nanocomposite Ag/GO với đầy đủ các thông số chi tiết; Vật liệu Ag/GO có khả năng phân tán tốt trong nước. Các hạt AgNPs phân bố đồng đều trên các tấm GO với kích thước 10 – 20 nm. Vật liệu Ag/GO có khả năng kháng khuẩn cao được thể hiện qua các thông số: IC₅₀ = 2 – 15 µg/mL, MIC = 10 – 50 µg/mL, MBC = 50 – 150 µg/mL. Đưa ra quy trình chế tạo băng dán vết thương Ag/GO với đầy đủ các thông số chi tiết;

Số hồ sơ lưu: HCM-084-2022

21101. Kỹ thuật thực phẩm

85810. 05-2023. **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vi sinh vật công nghiệp thực phẩm/** PGS.TS. Vũ Nguyên Thành, PGS.TS. Nguyễn La Anh; ThS. Đinh Thị Mỹ Hằng; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Đặng Thu Hương; ThS. Đinh Thị Hoài Thu; ThS. Lã Thị Mỹ Hạnh; ThS. Đỗ Thị Yến; TS. Đỗ Thị Thủy Lê; CN. Nguyễn Bảo Châu - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Duy trì và phát triển nguồn gen vi sinh vật hiện có nhằm tạo cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ sinh học của đất nước. Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen. Kiểm tra sức sống và hoạt lực chủng giống. Bảo tồn an toàn 1510 chủng giống trong sưu tập, trong đó: duy trì bảo quản L-drying 1086 chủng, duy trì bảo quản trong ni tơ lỏng 1109 chủng, bảo quản lạnh sâu 128 chủng, bảo quản cát 272 chủng. Xây dựng bước đầu phần mềm quản lý nguồn gen có thể tra cứu cơ sở dữ liệu trên trang web của Viện Công nghiệp Thực phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21184

86028. 05-2023. **Nghiên cứu thực trạng sản xuất, kinh doanh và mức độ ô nhiễm sinh học, hóa học trong một số thực phẩm cho trẻ em và phụ nữ mang thai/** PGS. TS. Vũ Đình Chính, PGS.TS. Nguyễn Văn Chuyên; PGS.TS. Đinh Thị Diệu Hằng; TS. Trần Quang Cảnh; TS. Đinh Thị Xuyên; PGS.TS. Nguyễn Minh Phương; PGS.TS. Chử Văn Mến; ThS. Phan Văn Mạnh; ThS. Nguyễn Đức Điền; ThS.

Tổng Đức Minh; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; BS. Lê Tuấn Anh; BS. Nguyễn Hoàng Trung; BSCKI. Trần Văn Kha; ThS. Hoàng Thị Thu Huyền; ThS. Hoàng Quỳnh Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy; ThS. Nguyễn Đức Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Hồng; TS. Đặng Thị Thùy Dương; ThS. Hà Quốc Dương - Hải Dương - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, 2022; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh một số thực phẩm cho trẻ dưới 36 tháng và phụ nữ mang thai tại Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng sản xuất, kinh doanh sữa, sản phẩm từ sữa cho trẻ dưới 36 tháng và phụ nữ mang thai tại Việt Nam. Qua đó, xác định mức độ ô nhiễm sinh học, hóa học trong một số thực phẩm cho trẻ dưới 36 tháng và phụ nữ mang thai. Xây dựng tài liệu hướng dẫn và giải pháp truyền thông tích cực nhằm giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm sinh học và hóa học trong một số thực phẩm nói trên.

Số hồ sơ lưu: 21248

21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác

85962. 05-2023. **Nghiên cứu công nghệ lên men sản xuất polysaccharopeptide PSK và PSP từ nấm Vân chi (*Trametes versicolor*) ứng dụng trong sản xuất thực phẩm chức năng/** TS. Phạm Tuấn Anh, PGS.TS. Tô Kim Anh; PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Sâm; PGS.TS. Trương Quốc Phong; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Phạm Ngọc Hưng; TS. Phùng Thị Thủy;

TS. Ngô Thu Hương; ThS. Lê Thị Huyền; TS. Lê Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2022; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tuyển chọn chủng nấm Vân chi cho khả năng sinh tổng hợp PSP, PSK cao trên môi trường lỏng. Tối ưu hoá điều kiện và xác lập kỹ thuật lên men nhằm sinh tổng hợp PSK, PSP. Nghiên cứu chuyển đổi mô hình lên men từ quy mô PTN sang quy mô pilot và bán công nghiệp. Nghiên cứu thu hồi PSK, PSP. Xác định hoạt tính sinh học của PSP, PSK. Nghiên cứu chế tạo viên nang chứa PSP, PSK. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm. Xây dựng mô hình thiết bị tạo chế phẩm sinh học chứa PSK, PSP từ nấm Vân chi. Sản xuất thử nghiệm. Đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và tác động đến môi trường của quy trình công nghệ.

Số hồ sơ lưu: 21244

3. Khoa học y, dược

85699. 05-2023. **Nghiên cứu sự biến đổi tế bào học cổ tử cung liên quan đến nhiễm HPV ở phụ nữ 18-69 tuổi tại thành phố Cần Thơ/ BS. CKII.** Dương Mỹ Linh, GS.TS. Phạm Văn Linh PGS.TS. Trần Ngọc Dung; TS.BS. Bùi Quang Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Thư; ThS. Võ Nhật Ngân Tuyên - Cần Thơ - Trường Đại học Y dược Cần Thơ, 2022; 09/2018 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ biến đổi HPV-DNA, biến đổi tế bào học cổ tử cung và các mối liên quan giữa biến đổi

HPV với biến đổi tế bào học cổ tử cung ở phụ nữ 18 - 69 tuổi nhiễm HPV thành phố Cần Thơ từ năm 2013 đến năm 2020. Xác định một số yếu tố nguy cơ biến đổi HPV-DNA và biến đổi tế bào học cổ tử cung ở phụ nữ 18 - 69 tuổi nhiễm HPV thành phố Cần Thơ.

Số hồ sơ lưu: CTO-2022-03

30107. Hóa học lâm sàng và sinh hóa y học

86174. 05-2023. **Nghiên cứu hoàn thiện và đánh giá chất lượng sinh phẩm realtime-LAMP phát hiện nhanh SARS-CoV-2/ DS.** Nguyễn Hữu Thắng, TS. Lê Quang Hòa; TS. Nguyễn Lê Thu Hà ; ThS. Phạm Tiến Dũng ; ThS. Trần Thanh Tùng; TS. Phùng Thị Thủy ; ThS. Nguyễn Thị Hương Liên; DS. Vũ Văn Ân; DS. Bùi Thị Song Sơn; DS. Lê Thị Thủy Hương; DS. Đoàn Thị Mai Anh; DS. Phạm Quang Hiệp; DS. Đoàn Thị Hà Thu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; DS. Đỗ Thanh Hà; DS. Trịnh Huy Công; DS. Cao Thị Hồng Nhung; KS. Nguyễn Tuấn Vũ; DS. Nguyễn Thị Hương Giang - Hà Nội - Công ty cổ phần Sao Thái Dương, 2022; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tính tương đồng về mặt kết quả trên các hệ thống Realtime PCR khác nhau. Xây dựng đề cương thử nghiệm lâm sàng sinh phẩm realtime-LAMP dựa theo yêu cầu của Bộ Y Tế Việt Nam, WHO, Bộ Y tế Anh Quốc và FDA. Hoàn thiện được quy trình sản xuất sinh phẩm realtime LAMP phát hiện nhanh SARS-CoV-2. Đánh giá tiền lâm

sàng, lâm sàng và ổn định của sinh phẩm realtime LAMP phát hiện nhanh SARS-CoV-2.

Số hồ sơ lưu: 21176

30206. Huyết học và truyền máu

86549. 05-2023. **Vai trò của chỉ dấu sinh học CD64 trên bạch cầu đa nhân trung tính, HLA-DR trên bạch cầu đơn nhân ở bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết/sốc nhiễm khuẩn tại khoa hồi sức tích cực Bệnh viện Chợ Rẫy/ PGS.TS.BS. Phạm Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Lý Minh Duy; Phan Thị Xuân; Phạm Văn Lợi; Phạm Minh Huy; Lê Ngọc Ánh; Hồ Thị Thi; Trần Thanh Tùng; Lê Hùng Phong - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện Chợ Rẫy, 2020; 12/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Phân tích biểu hiện CD64 trên BCĐNTT và HLA-DR trên BCĐoN ở nhóm bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết / sốc nhiễm khuẩn tại khoa Hồi Súc so với nhóm không nhiễm khuẩn, từ đó đánh giá ý nghĩa của chỉ dấu này trong chẩn đoán, tiên lượng nhiễm khuẩn huyết, sốc nhiễm khuẩn. Xác định giá trị chẩn đoán CD64 trên BCĐNTT, HLA-DR trên BCĐoN, chỉ số nhiễm khuẩn huyết giữa 2 nhóm nhiễm khuẩn huyết/sốc nhiễm khuẩn tại khoa Hồi Súc với nhóm không nhiễm khuẩn huyết. Xác định giá trị tiên lượng CD64 trên BCĐNTT, HLA-DR trên BCĐoN, chỉ số nhiễm khuẩn huyết ở nhóm nhiễm khuẩn huyết/sốc nhiễm khuẩn.

Số hồ sơ lưu: HCM-063-2022

30219. Tiêu hoá và gan mật học

76434. 05-2023. **Ứng dụng nội soi có dải tần ánh sáng hẹp (NBI) trong chẩn đoán polyp đại trực tràng và điều trị bằng phương pháp đốt điện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương/ TS. Bsy Lê Quang Đức, TS Lê Quang Đức; TS Vũ Thanh Tùng; TS Đặng Xuân Cường; BSCK1 Phạm Thái Long; TS Phạm Thị Kim Dung; BS Đặng Thị Ân; TS Vũ Thị Nhân - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Ứng dụng nội soi có dải tần ánh sáng hẹp (NBI) trong chẩn đoán polyp đại trực tràng và điều trị bằng phương pháp đốt điện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương Đồng thời hoàn thiện quy trình chẩn đoán polyp đại trực tràng và điều trị polyp đại trực tràng bằng phương pháp đốt điện qua nội soi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 08HD.2019

83331. 05-2023. **Ứng dụng phương pháp nội soi can thiệp thắt vòng cao su trong điều trị và dự phòng chảy máu do vỡ tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan/ TS. Lê Quang Đức, Lê Quang Đức; Vũ Thanh Tùng; Phạm Thị Kim Dung; Trần Ngọc Hân; Đàm Thị Phương; Nguyễn Hải Hòa; Vũ Thị Nhân - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Ứng dụng phương pháp nội soi can thiệp thắt vòng cao su trong điều trị và dự phòng chảy máu do vỡ tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương bằng hệ thống máy nội soi Olympus CV-H170, và bộ dụng cụ thắt tĩnh mạch thực quản. Sử dụng kỹ thuật thắt vòng cao su điều trị với 25 bệnh nhân đang chảy máu và kỹ thuật thắt vòng cao su dự phòng với 25 bệnh nhân không chảy máu. Xây dựng và hoàn thiện quy trình nội soi can thiệp thắt vòng cao su trong điều trị và dự phòng chảy máu do vỡ tĩnh mạch thực quản ở bệnh nhân xơ gan tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 02HD.2021

30225. Thần kinh học lâm sàng

86541. 05-2023. **Nghiên cứu dịch tễ học động kinh tại nội thành thành phố Hồ Chí Minh/ Th.S.** Phạm Hồng Đức, - Thành phố Hồ Chí Minh - Bệnh viện 30-4, 2020; 10/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ hiện mắc, tỷ lệ mới mắc, các loại cơn động kinh của bệnh động kinh tại nội thành, thành phố Hồ Chí Minh. Mô tả tỷ lệ bệnh nhân động kinh được điều trị, tỷ lệ các thuốc chống động kinh đang sử dụng. Sàng lọc đối tượng nghi ngờ mắc động kinh tại cộng đồng. Chúng tôi điều tra theo phương pháp “gõ cửa từng nhà” (door to door). Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, thăm khám chuyên khoa thần kinh và xác định động kinh, quá trình điều trị của bệnh nhân động kinh. Nghiên cứu

đặc điểm cận lâm sàng, ghi điện não thông thường, chụp CT scan (chụp cắt lớp vi tính – CLVT) sọ não không tiêm thuốc cản quang.

Số hồ sơ lưu: HCM-075-2022

30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng

86400. 05-2023. **Đánh giá hàm lượng hợp chất thứ cấp trong sinh khối rễ bất định cây ba kích (*Morinda officinalis* How)/ TS.** Trịnh Thị Hương, Nguyễn Phạm Hương Huyền; Nguyễn Minh Phương; Ngô Thị Kim Mộng - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu đã xây dựng quy trình nuôi cấy thu nhận sinh khối rễ bất định cây ba kích, tạo ra nguồn vật liệu rễ ba kích ban đầu có chứa hoạt chất anthraquinone tương đương với củ ba kích ở điều kiện trồng tự nhiên và hàm lượng polysacharide đạt yêu cầu của dược điển. Kết quả thu của đề tài là cơ sở cho việc thu nhận và lựa chọn nguồn vật liệu thích hợp cho quá trình nuôi cấy sinh khối ba kích đạt hiệu quả cao. Kết quả đạt được ứng dụng để nuôi cấy sinh khối ba kích ở quy mô lớn cung cấp nguồn nguyên liệu cho các công ty sản xuất trà, thực phẩm chức năng, y dược,... Từ đó, giúp đẩy mạnh việc sản xuất các dạng thực phẩm chức năng từ cây ba kích, phục vụ nhu cầu sức khỏe con người cũng như giúp giảm giá thành của sản phẩm. Kết quả của nghiên cứu cũng giúp làm giảm tình trạng khai

thác ba kích trong tự nhiên, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.

Số hồ sơ lưu: HCM-088-2022

30399. Các vấn đề y tế khác

86317. 05-2023. **Khảo sát sai sót, sự cố y khoa tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận năm 2016-2017/ BSCK II.** Phạm Viết Thái, BSCK II. Thái Phương Phiên Trịnh Du Thế; Trần Thái An; Bùi Viết Tuấn; Nguyễn Phước; Trương Khắc Chí; BS. Nguyễn Hữu Thoại; Nguyễn Thị Ngọc Hảo; Đặng Anh Vũ - Ninh Thuận - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tỷ lệ sai sót, sự cố y khoa chung và các khoa tại Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận năm 2016-2017; Xác định nguyên nhân và phân loại các sai sót, sự cố y khoa đối với các sai sót, sự cố y khoa từ mức độ E trở lên; Thiết lập Phần mềm quản lý sai sót, sự cố y khoa, sử dụng các nguyên lý về chuẩn hóa dữ liệu, khai khoáng dữ liệu để số hóa và thiết lập các quan hệ giữa các sự cố y khoa.

Số hồ sơ lưu: NTN-022-2021

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

83623. 05-2023. **Xây dựng mô hình trồng, sơ chế dược liệu thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.) theo tiêu chuẩn GACP-WHO trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ ThS Trần Thị Lan, TS. Phan Thúy Hiền; KS Lê Thị Huê; ThS Nguyễn Thị**

Hương; ThS Trần Hữu Khánh Tân; ThS Nguyễn Văn Tâm; TS Trần Ngọc Thanh - Trung tâm Nghiên cứu trồng và Chế biến cây thuốc Hà Nội - Trung Tâm Nghiên Cứu Trồng Và Chế Biến Cây Thuốc Hà Nội, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát lựa chọn địa điểm và phân tích đất, nước và xác định vùng trồng thiên môn đông phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn GACP – WHO tại TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương là phù hợp. Hoàn thiện quy trình trồng và sơ chế dược liệu thiên môn đông theo tiêu chuẩn GACP-WHO phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Xây dựng mô hình sản xuất dược liệu thiên môn đông theo tiêu chuẩn GACP-WHO với diện tích trồng 01ha. Liên kết với các doanh nghiệp Công ty Dược phẩm DIVA, Công ty TNHH Hải Vân Đường, Công ty TNHH MTV Dược liệu xanh Nam Hà thuộc Công ty CP Dược phẩm Nam Hà thu mua 24.592 kg dược liệu thiên môn đông. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình .

Số hồ sơ lưu: 14HD.2021

86423. 05-2023. **Nghiên cứu phát triển dạng bào chế cho thuốc điều trị vết thương mạn tính dựa trên protein PDG-BB tái tổ hợp/ TS. Nguyễn Trí Nhân, PGS.TS. Đặng Thị Phương Thảo; ThS. Lê Mai Hương Xuân; ThS. Ngô Thị Huyền Trang; ThS. Nguyễn Hiếu Nghĩa; TS. Nguyễn Thị Mỹ Trinh; CN. Đoàn Thúy Vân; DS. Nguyễn Xuân Thảo; DS. Bùi Huỳnh Quốc Đạt; DS. Bùi Huỳnh Quốc Đạt;**

TS.DS. Trần Cát Đông - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, 2020; 12/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình lên men thu nhận nguyên liệu thô đáp ứng qui mô sản xuất 1000 tuýp gel. Xây dựng quy trình tinh chế thu nhận rhPDGF-BB có độ tinh sạch $\geq 95\%$ đáp ứng qui mô sản xuất 1000 tuýp gel. Nghiên cứu điều kiện bảo quản protein rhPDGF-BB nguyên liệu. Xây dựng tiêu chuẩn và phương pháp kiểm nghiệm nguyên liệu rhPDGF-BB. Thiết lập quy trình tạo sản phẩm gel chứa 0,01% rhPDGF-BB quy mô 1000 tuýp. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và phương pháp kiểm nghiệm gel rhPDGF-BB 0,01%. Đánh giá độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm trên mô hình chuột.

Số hồ sơ lưu: HCM-082-2022

4. Khoa học nông nghiệp

85682. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất nhãn E-Dor theo tiêu chuẩn VietGAP tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ/** GS.TS. Trần Văn Hậu, ThS. Nguyễn Thanh Dục; KS. Trịnh Thanh Phúc; TS. Trần Sỹ Hiếu; ThS. Nguyễn Văn Nhiều Em; KS. Nguyễn Thành Nghi; Nguyễn Thành Hánh - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 09/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Cây nhãn (*Dimocarpus longan* Lour.) là cây ăn trái có giá trị kinh tế cao, được trồng khá phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long. E-Dor là

giống nhãn nổi tiếng, được trồng chủ yếu ở Thái Lan. Gần đây nhờ biện pháp sử dụng Chlorate kali để kích thích ra hoa có hiệu quả nên nông dân bắt đầu phát triển trở lại giống nhãn này. Do đó, để đạt được hiệu quả kinh tế cao đòi hỏi nhà vườn phải nắm vững kỹ thuật xử lý ra hoa vào những thời vụ thích hợp mới có thể bán được giá cao. Giống nhãn E-Dor không ra hoa tự nhiên trong điều kiện khí hậu ở ĐBSCL nói chung, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ nói riêng mà cần phải xử lý bằng hóa chất Chlorate kali. Do đó, cần rà soát lại quy trình xử lý ra hoa, xác định lượng hóa chất có hiệu quả đến sự ra hoa để giảm chi phí cho nông dân.

Số hồ sơ lưu: CTO-2021-15

85683. 05-2023. **Ứng dụng hệ thống lọc sinh học tuần hoàn nước trong ương giống và nuôi thương phẩm lươn đồng (*Monopterus albus*) tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ/** ThS. Nguyễn Thanh Hiệu, PGS.TS. Phạm Thanh Liêm; TS. Nguyễn Văn Triều; PGS.TS. Lam Mỹ Lan; ThS. Phạm Thị Cẩm Lài; KS. Trần Ngọc Hoài Nhân; ThS. Phan Văn Thành; ThS. Nguyễn Thị Thúy An; CN. Đặng Thị Huyền Trinh; ThS. Lê Trần Tường Vi - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 11/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Dự án đã tổ chức thành công 01 lớp tập huấn kỹ thuật với 30 học viên là nông dân, cơ sở sản xuất lươn giống và cán bộ kỹ thuật của Chi cục Thủy sản, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp TP. Cần Thơ cùng tham gia. Một số chỉ tiêu môi trường

nước như: nhiệt độ, pH, Oxy, NO₂-, TAN có biến động trong ương và nuôi, nhưng vẫn nằm trong mức cho phép cho lươn phát triển. Lợi nhuận từ 0,503 – 1,543 triệu đồng/m². Tỷ suất lợi nhuận dao động từ 13,4 – 38,5%.

Số hồ sơ lưu: CTO-2022-01

85697. 05-2023. **Ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước nuôi thâm canh lươn đồng (*Monopterus albus*) tại thành phố Cần Thơ/** PGS.TS. Phạm Thanh Liêm, GS.TS. Nguyễn Thanh Phương; PGS.TS. Bùi Minh Tâm; PGS.TS. Lam Mỹ Lan; ThS. Nguyễn Thanh Hiệu - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhằm xây dựng và quảng bá mô hình ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước nuôi thâm canh lươn đồng đạt năng suất và chất lượng cao, Dự án “Ứng dụng công nghệ tuần hoàn nước nuôi thâm canh lươn đồng (*Monopterus albus*) tại thành phố Cần Thơ” được thực hiện từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2020. Xây dựng được quy trình nuôi lươn trong RAS đạt năng suất 25-30 kg/m², lươn đạt cỡ 150 g sau 6 tháng nuôi từ lương giống cỡ 30 g. Kết quả vận hành 2 mô hình nuôi theo quy trình với mật độ 200 và 300 con/m² cho kết quả về năng suất, tỷ lệ sống lần lượt là 25,5 và 41,9 kg/m²; 78,5 và 82,9%. Hiệu suất lợi nhuận tương ứng đạt 38,1 và 59,8% sau khi khấu trừ chi phí xây dựng hệ thống.

Số hồ sơ lưu: CTO-2022-02

85700. 05-2023. **Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học chứa vi khuẩn *Serratia nematodiphila* CT-78 đối kháng với vi khuẩn *Xanthomonas oryzae* pv. *oryzae* gây bệnh cháy bìa lá lúa ở Cần Thơ/** PGS.TS. Nguyễn Đắc Khoa, ThS. Nguyễn Quang Tiến; TS. Nguyễn Thị Phi Oanh; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 10/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Vi khuẩn *Serratia nematodiphila* CT-78 đã được chứng minh hiệu quả làm giảm bệnh cháy bìa lá lúa do vi khuẩn *Xanthomonas oryzae* pv. *Oryzae* (Xoo) gây ra trong điều kiện nhà lưới và ngoài đồng. *S. nematodiphila* CT-78 còn được nghiên cứu khả năng kích thích tăng trưởng cây lúa; vi khuẩn này có khả năng tổng hợp IAA và gibberellin, cố định đạm và hòa tan lân trong điều kiện phòng thí nghiệm. Trong điều kiện nhà lưới, cây lúa được xử lý 107 CFU/mL và 108 CFU/mL vi khuẩn đối kháng có các thông số tăng trưởng tốt hơn. Về cơ chế đối kháng, *S. nematodiphila* CT-78 có khả năng sản xuất siderophores, sinh enzyme protease và lipase trong điều kiện phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: CTO-2022-04

85703. 05-2023. **Nghiên cứu tính khả thi của mô hình “Nông nghiệp hỗ trợ cộng đồng” (CSA, community supported agriculture) trên một số cây trồng chính tại thành phố Cần Thơ/** ThS. Kỳ Quang Vinh, PGS.TS. Nguyễn Phú Sơn; ThS. Huỳnh Ngọc Đức; ThS.

Lê Thị Thúy Kiều; ThS. Nguyễn Thị Mỹ An; ThS. Võ Thị Lào; ThS. Cao Thị Diễm Phúc; ThS. Huỳnh Việt Thy - Cần Thơ - Trung tâm Dịch vụ Khoa học và Công nghệ Cần Thơ, 2021; 10/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trong hoàn cảnh nông sản thực phẩm được sản xuất chưa có đầu ra ổn định và không thực sự an toàn cho tiêu dùng cùng với môi trường tự nhiên bị tổn hại do canh tác nông sản của những năm sau 2010. Nghiên cứu, mô hình CSA trên rau được thực hiện tại Phường Bình Thủy, trên 2000m² đất rẫy. Với nguyên tắc vận hành có khác so với mô hình CSA gốc. Nếu theo quan điểm thực hiện một mô hình thuần CSA thì cần phải có nhiều thời gian nghiên cứu để có bộ số liệu khả tính hơn; nhưng nếu lấy mục tiêu cung cấp rau sạch, an toàn cho cộng đồng thì mô hình CSA có thể khả thi ở thành phố Cần Thơ; chỉ cần cập nhật và hiện đại hóa mô hình CSA phù hợp với hoàn cảnh, nhận thức của người tham gia và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thời hiện đại.

Số hồ sơ lưu: CTO-2022-06

86196. 05-2023. **Nghiên cứu chiết xuất và tạo chế phẩm chứa anthocyanin từ khoai lang tím Vĩnh Long/** ThS. Hoàng Thị Thu Hằng, ThS. Hoàng Thị Thu Hằng; KS. Nguyễn Lê Tấn Thiện; Ngô Văn Degol; ThS. Đỗ Hồng Khánh; ThS. Huỳnh Ngọc Tâm; PGS.TS. Lê Tiến Dũng; CN. Lê Thị Hồng Điệp; Trương Quốc Thắng; Thái Huỳnh Bảo Trân - Vĩnh Long - Liên hiệp

Các hội Khoa học và Kỹ thuật Vĩnh Long, 2022; 10/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình chiết xuất anthocyanin cho hiệu suất cao từ khoai lang tím Bình Tân, Vĩnh Long. Tạo chế phẩm cao, bột chứa anthocyanin từ khoai lang tím.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS013.2022-0000352

86197. 05-2023. **Khảo nghiệm tính thích nghi và chất lượng thịt của giống gà GTP-Thụy Phương 2 nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Lâm Minh Khánh, ThS. Lâm Minh Khánh; KS. Nguyễn Văn Bùng; KS. Nguyễn Văn Phiêu; ThS. Trần Quý Xuyên - Vĩnh Long - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Vĩnh Long, 2022; 05/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo nghiệm tính thích nghi giống gà GTP-Thụy Phương 2 nuôi thương phẩm tại 3 huyện (Tam Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm) tỉnh Vĩnh Long. Với các chỉ tiêu đánh giá theo dõi tỷ lệ sống, trọng lượng xuất chuồng, thời gian nuôi, tiêu tốn thức ăn, tỷ lệ bệnh của giống gà GTP-Thụy Phương 2 so sánh với các thông số kỹ thuật của nhà sản xuất. Đánh giá chất lượng thịt gà GTP-Thụy Phương 2: Qua đó, đánh giá sự thích nghi và chất lượng thịt của giống gà GTP-Thụy Phương 2 nuôi thương phẩm trong điều kiện nông hộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS018.2021-0000323

86199. 05-2023. **Ứng dụng chỉ thị phân tử để chọn lọc giống gà Nòi nuôi thịt thả vườn tại Vĩnh Long/** ThS. Nguyễn Huy Tường, ThS. Nguyễn Huy Tường; ThS. Phan Minh Duyên; ThS. Nguyễn Thế Vững - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2022; 10/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng chỉ thị phân tử xác định và chọn lọc dòng gà Nòi nuôi thịt thả vườn có năng suất cao, phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân tại tỉnh Vĩnh Long và cũng là góp phần cho công tác bảo tồn nguồn gen gà địa phương của tỉnh Vĩnh Long

Số hồ sơ lưu: VLG.CS021.2021-0000326

86215. 05-2023. **Xây dựng quy trình xử lý nước và chất thải từ ao nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh bằng phương pháp sinh học tại Trà Vinh/** ThS. Nguyễn Phú Bảo, ThS. Nguyễn Phú Bảo; ThS. Nguyễn Thị Nhạn; PGS.TS. Phạm Hồng Nhật; TS. Trần Tuấn Việt; TS. Ngô Văn Thanh Huy; ThS. Lê Thị Thúy Hằng; ThS. Trần Ái Quốc; TS. Đỗ Đăng Giáp; KS. Nguyễn Văn Phùng; KS. Huỳnh Thị Thu Phương - Trà Vinh - Viện Nhiệt đới Môi trường, 2022; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình hệ thống xử lý tuần hoàn nước nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao bằng phương pháp sinh học; Quy trình xử lý chất thải từ ao nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh bằng phương pháp sinh học để sản xuất khí sinh học biogas; Quy

trình sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh xử lý từ chất thải ao nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh bằng phương pháp sinh học

Số hồ sơ lưu: TVH-2022-0011

86326. 05-2023. **Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi/** ThS. Trần Thị Cẩm Vân, ThS. Nguyễn Thế Vĩnh CN. Võ Tín Dũng; PGS.TS. Đặng Minh Nhật; KS. Nguyễn Tấn Thọ; ThS. Ngô Văn Thông; ThS. Võ Thị Thanh Nhân; KS. Võ Diệu Hiền; KS. Nguyễn Thị Kim Thoa; Lê Thị Thúy Hạnh - Quảng Ngãi - Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ, 2022; 04/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra hiện trạng sử dụng, kinh doanh, quản lý thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; khảo sát, đánh giá dư lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư trên các sản phẩm lúa, gạo và các loại rau chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; đề xuất giải pháp về: quản lý, kỹ thuật và truyền thông để hạn chế việc lạm dụng và tồn dư thuốc BVTV trong canh tác lúa, rau của nông hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng mô hình chuyển giao, ứng dụng và tuyên truyền giải pháp kỹ thuật đến cộng đồng người trực tiếp canh tác lúa, rau và các nhà quản lý chính quyền địa phương cũng như chuyên môn liên quan đến thuốc BVTV

Số hồ sơ lưu: QNI-2022-007

86429. 05-2023. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất mè luân canh trên nền đất lúa gắn với tiêu thụ tại tỉnh Đồng Tháp.**/ PGS.TS. Lê Vĩnh Thúc; ThS. Nguyễn Hồng Huế; TS. Võ Thị Bích Thủy; TS. Trần Thị Bích Vân; KS. Phan Hồng Nhung; KS. Lê Tuấn; KS. Ngô Văn Trai; KS. Võ Thị Thủy; KS. Đào Phước Long; KS. Nguyễn Thanh Dũng - Trường Đại học Cần Thơ - Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp, 2019; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Cây mè là một trong những đối tượng cần được quan tâm phát triển không chỉ ở hiện tại mà còn ở tương lai vì những lý do: Cây mè là một trong những cây trồng phát triển được trong điều kiện canh tác khô hạn và bán khô hạn, chịu đựng được trong điều kiện mặn; Giá trị sử dụng của cây mè được dùng rộng rãi trong thực phẩm và ngành công nghiệp dược phẩm dinh dưỡng ở nhiều quốc gia do hàm lượng dầu cao, chất chống oxy hóa và các thành phần protein của nó...Thêm vào đó, vị thế của cây mè ngày càng khẳng định được tầm quan trọng của nó trong xu thế phát triển hiện nay tại tỉnh Đồng Tháp thông qua các đơn đặt hàng, các dự án nghiên cứu đa dạng. Trong đó, nổi bật là dự án nghiên cứu phát triển giống mè có năng suất cao của Đồng Tháp, kết quả đã chọn được các giống mè phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương.

Số hồ sơ lưu: DTP-2022-010

86445. 05-2023. **Sản xuất phân hữu cơ từ nguồn phụ phẩm, phế**

phẩm trong quá trình chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp./ ThS. Nguyễn Văn Tính; KS. Võ Phú Đức; ThS. Nguyễn Phước Tuyên; KS. Từ Công Tính; ThS. Đặng Thị Thương; KS. Lê Trung Hiếu - Công ty TNHH Mai Thiên Thanh - Công ty TNHH Mai Thiên Thanh, 2020; 05/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Cá tra là ngành hàng chủ lực trong việc thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp. Theo Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Tháp, tính tới tháng 8/2021, diện tích nuôi cá tra của tỉnh hơn 1.600 ha và sản lượng 227.411 tấn. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có hơn 20 nhà máy chế biến cá tra với công suất thiết kế hơn 467.000 tấn thành phẩm/năm. Bên cạnh đó, bùn thải chế biến cá là chất thải rắn thứ cấp trong quá trình xử lý nước thải, phát sinh với số lượng lớn, thành phần chứa hàm lượng chất dinh dưỡng cao, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nếu không có giải pháp xử lý hiệu quả. Tính trong 6 tháng đầu năm 2021, tại nhà máy chế biến cá tra thuộc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn phát sinh 2.550 tấn bùn thải (tương đương 15 tấn/ngày). Việc xử lý bùn thải là trách nhiệm xuyên suốt trong quá trình chế biến cá tra nhằm đáp ứng nhu cầu khắt khe của khách hàng cũng như quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: DTP-2022-011

40101. Nông hoá

86454. 05-2023. **Ứng dụng công nghệ Fitoocmon để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh đa lượng từ chất thải chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/** Đào Văn Thịnh, Nguyễn Văn Tuấn; Trịnh Thị Thu Huyền; Nguyễn Văn Thái; Nguyễn Hữu Thành; Trịnh Thị Liên - Thanh Hóa - Công ty CP phân bón hữu cơ Miền Trung, 2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình sản xuất 02 loại phân bón hữu cơ vi sinh mới chuyên dùng cho cây rau màu. Sản xuất 10 tấn phân bón hữu cơ vi sinh mới (bao gồm: 5 tấn phân bón lót, 5 tấn bón thúc) đảm bảo các yêu cầu: có 70% nguyên liệu trở lên từ chất thải chăn nuôi, tăng năng suất cây trồng hoặc hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với phân hữu cơ thông thường và được đơn vị do Bộ NN&PTNT chỉ định đánh giá đạt chất lượng theo quy định. Xây dựng quy trình kỹ thuật bón phân hữu cơ vi sinh cho 03 loại cây rau màu (cải bắp, cà chua, khoai tây) tại tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng 03 mô hình trình diễn sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh mới chuyên dùng cho rau màu.

Số hồ sơ lưu: THA-043-2022

40102. Thổ nhưỡng học

76433. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng bản đồ thổ nhưỡng, nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp tỉnh Hải Dương./** TS. Nguyễn Văn Phú, Vũ Thị Hà; Nguyễn Anh Cương;

Nguyễn Quang Hải; Lê Thái Nghiệp; Nguyễn Phú Thụy; Nguyễn Xuân Nam; Phạm Văn Nhớn; Tạ Hồng Minh; Trần Văn Hà; Nguyễn Hữu Đáng; Nguyễn Tuấn Dũng - Sở nông nghiệp và PTNT - Sở Nông nghiệp và PTNT, 2019; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hải Dương. Thu thập, phân tích, tổng hợp và chuẩn hóa các nguồn tài liệu hiện có. Khảo sát chính lý, xây dựng bản đồ thổ nhưỡng vùng sản xuất nông nghiệp các huyện và toàn tỉnh. Xác định yêu cầu sử dụng đất của các loại cây trồng/nhóm cây trồng cần đánh giá. Đề xuất một số giải pháp để sử dụng và khai thác bền vững tài nguyên đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Hải Dương. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất nông nghiệp khác.

Số hồ sơ lưu: 15HD.2019

83625. 05-2023. **Đánh giá hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng trong đất và một số biện pháp quản lý, cải tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** ThS Tạ Hồng Minh, KS. Nguyễn Văn Tươi; KS. Vũ Mạnh Tường; CN. Phạm Thị Phương Thanh; KS Vũ Mạnh Hùng; ThS Lê Phú Đồng; CN Chu Minh Huân Liên; KS Đoàn Văn Thanh; ThS Nguyễn Xuân Thành - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương, 2021;

01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định 07 nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương đó là các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế, bãi rác, nước thải sinh hoạt và hoạt động thâm canh của người dân. Đánh giá hiện trạng và xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng (Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Crom (Cr), Đồng (Cu), Kẽm (Zn)) trong đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Hải Dương. Xây dựng bản đồ ô nhiễm kim loại nặng tỉnh Hải Dương đồng thời xây dựng bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến về hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng trong đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Hải Dương và được gắn kết với bộ cơ sở dữ liệu của đề tài “Nghiên cứu xây dựng bản đồ thổ nhưỡng, nông hóa phục vụ thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất nông nghiệp tỉnh Hải Dương”. Đề xuất một số biện pháp quản lý, cải tạo, sử dụng hợp lý đất sản xuất nông nghiệp bị ô nhiễm kim loại nặng phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: 15HD.2021

86279. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng Bentonite để tăng cường giữ ẩm và nâng cao dinh dưỡng cho đất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trong điều kiện hạn hán ở tỉnh Ninh Thuận/** TS. Nguyễn Quang Chơn, ThS. Mai Thanh Trúc; TS. Phan Thị Công; TS. Hoàng Văn Tám; Đỗ Thị Thanh Trúc; ThS. Đỗ Đình Đan; ThS.

Nguyễn Đức Hoàng; KS. Trần Đăng Dũng; KS. Nguyễn Văn Mạnh; KS. Đỗ Hồng Kỳ - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 2020; 07/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát và đánh giá khí hậu thời tiết, đất và hiện trạng sản xuất nông nghiệp, biện pháp canh tác cây ớt, hành lá và măng tây xanh. Nghiên cứu khả năng giữ ẩm của bentonite và đề xuất giải pháp sử dụng bentonite trên đất cát. Nghiên cứu ứng dụng và xây dựng quy trình sử dụng bentonite kết hợp với phân bò, tưới nước tiết kiệm và phân nhả chậm cho cây ớt, hành lá và măng tây xanh trên đồng ruộng. Xây dựng mô hình ứng dụng bentonite kết hợp với phân bò, tưới nước tiết kiệm và phân nhả chậm cho cây ớt, hành lá và măng tây xanh trên diện rộng.

Số hồ sơ lưu: NTN-017-2021

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

56594. 05-2023. **Đánh giá hiện trạng, tiềm năng sử dụng hợp lý, sản xuất thử nghiệm rượu và các sản phẩm khác từ cây thiên niên kiện tại vườn Quốc gia Côn Đảo/** PGS.TS. Phan Phước Hiền, ThS. Lê Xuân Ái; ThS. Trần Đình Huệ - Thành phố Hồ Chí Minh - trường Đại Học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh, 2013. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài đã triển khai và hoàn thành các mục tiêu và nội dung đã được duyệt, cả về số lượng và chất

lượng thể hiện như sau: Về vật liệu nghiên cứu: đã tổ chức đi khảo sát thực địa ba đợt ở nhiều địa điểm ở Côn đảo, thu hái đúng và đủ số lượng mẫu theo yêu cầu nghiên cứu. Các phương pháp xử lý sơ chế, chiết xuất trích ly, phân tích thành phần hóa và đánh giá hiệu lực tác dụng của các hoạt chất sinh học đã được tiến hành ở hai phòng thí nghiệm của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM và Trung tâm và Dược liệu TP. Hồ Chí Minh với các quy trình kỹ thuật phân tích từ truyền thống đến hiện đại đều đã được chuẩn hóa, ổn định nên kết quả thu được rất tin cậy và có đủ cơ sở khoa học. Các sản phẩm cụ thể sản xuất từ thân rễ TNK và BB: Cao, rượu phối vị, nước tăng lực kèm theo các quy trình kỹ thuật chiết xuất, phân tích, bào chế cụ thể. Các bài báo và báo cáo khoa học đã công bố và sẽ tiếp tục công trong và ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: BTU-0016-2018

75524. 05-2023. **Sản xuất thử giống lúa CNC11 ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** KS Vũ Văn Tân; KS Trịnh Thị Hiếu; CN Trương Thị Thùy Vân; KS Nguyễn Thị Quỳnh Mai; KS Nguyễn Văn Tuấn; TS Vũ Thị Hương; TSKH Đồng Thị Kim Cúc - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa CNC11 ngắn ngày năng suất cao, chất lượng trên địa bàn tỉnh Hải Dương Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất lúa CNC11 phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương tại vùng rươi và tại vùng thâm canh, đối với mô hình sản xuất lúa CNC 11 tại vùng rươi quy trình hoàn thiện về thời vụ gieo cấy, mật độ cấy, lượng phân bón, cách bón, làm cỏ và phòng trừ sâu bệnh; đối với mô hình sản xuất đại trà quy trình hoàn thiện về thức gieo cấy và mật độ cấy lượng phân bón, cách bón.

Số hồ sơ lưu: 05HD.2019

75528. 05-2023. **Sản xuất thử giống lúa QP 5 ngắn ngày, năng suất cao, chất lượng trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** Nguyễn Thị Hồng Thủy, KS Trịnh Thị Hiếu; KS Phạm Thị Tuyết Nhung; KS Nguyễn Cao Đàm; KS Phạm Thị Hải Hà; CN Nguyễn Văn Thọ; Tăng Đức Tiên; KS Phạm Duy Hưng; KS Nguyễn Thị Quỳnh Mai; CN Phạm Thị Nhung; KTVTT Dương Hải Đoàn - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2019; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất thử giống lúa QP-5 ngắn ngày, năng suất cao chất lượng với quy mô 160ha/02 năm, 80ha/vụ, quy mô từ 10ha/điểm/vụ trở lên tại các huyện Thanh Hà, Kim Thành, Ninh Giang, tỉnh Hải Dương, năng suất

bình quân vụ xuân đạt từ 70,01-72,23 tạ/ha, vụ mùa từ 69,38- 70,64 tạ/ha. Đồng thời xây dựng mô hình sử dụng chế phẩm sinh học Fito - Biomix RR để xử lý rạ tại ruộng trên diện tích 60ha lúa sau khi cây vụ xuân đê cấy lúa vụ mùa, ở mô hình cấy lúa QP-5 sử dụng chế phẩm Fito biomix RR xử lý rạ tại ruộng có bộ rễ nhiều hơn và thời gian bén rễ hồi xanh nhanh hơn, trên ruộng cấy lúa không có hiện tượng ngộ độc hữu cơ, gây nghẹt rễ do chuyên vụ gập, cây lúa sinh trưởng phát triển đều và tốt, đê nhánh tập trung hơn, mức độ nhiễm sâu, bệnh thấp hơn so với không sử dụng chế phẩm Fito biomix RR. Hoàn thiện quy trình sản xuất lúa QP-5 về lượng phân Kaliclorua, mật độ cấy phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 6HD.2019

75529. 05-2023. **Xây dựng mô hình phát triển giống ngô biến đổi gen NK 4300 BT/GT gắn với bao tiêu sản phẩm trên địa bàn huyện Nam Sách/** Ths. Bùi Văn Thăng, KS. Nguyễn Mạnh Hà; KS. Võ Hồng Nam. KS. Nguyễn Thị Thân; ThS. Đào Thị Làn - UBND huyện Nam Sách - UBND huyện Nam Sách, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình trồng giống ngô biến đổi gen NK 4300BT/GT gắn với bao tiêu sản phẩm phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi tại huyện Nam Sách. Đồng thời tổ chức tiêu thụ sản phẩm của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 07HD.2019

76435. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa mới N25 ngắn ngày phục vụ luân canh tăng vụ tại Hải Dương./** ThS Hoàng Sĩ Tiến, ThS Hoàng Sĩ Tiến; TS Trần Thị Liên; TS Nguyễn Thành Luân ; TS Trần Thị Khen; TS Phạm Thị Bích; TS Hà Văn Nhân; TS Nguyễn Thị Lý; Kỹ sư Lê Thị Ngoan; TS Dương Văn Quý. - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm - Viện Cây lương thực - Cây thực phẩm, 2019; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa mới N25 ngắn ngày phục vụ luân canh tăng vụ trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Đồng thời hoàn thiện quy trình sản xuất giống lúa mới N25 phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 09HD.2019

78870. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa chất lượng cao HDT10 trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Dương Xuân Tú, - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm - Cơ sở II viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa HDT10 tại các vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Đồng thời nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác giống lúa HDT10 phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 03HD.2020

78909. 05-2023. **Xây dựng mô hình chuỗi giá trị hàng hoá đối với giống lúa ĐS1 phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Hải Dương/ TS.** Trương Công Tuyền, Lê Huy Nghĩa; Hà Văn Nhân; Nguyễn Văn Tùng; Nguyễn Thị Bích; Trần Thanh Mai; Nguyễn Thị Hối - Công ty CP Giống cây trồng Viện cây lương thực và Cây thực phẩm - Công ty Cổ phần giống cây lương thực và cây thực phẩm, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất lúa giống ĐS1 hàng hóa với quy mô 200ha tại các huyện Thanh Miện, Bình Giang và Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, năng vụ xuân đạt từ 6,8-7,2 tấn/ha, vụ mùa đạt 6,3-6,6 tấn/ha. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất lúa ĐS1 đạt từ 58-62 triệu đồng/ha, giá trị hơn so với giống đang sản xuất đại trà từ 13-20 triệu đồng/ha. Xây dựng mô hình tiêu thụ sản phẩm thóc ĐS1 hàng hóa bằng việc ký kết hợp đồng bao tiêu 80-90% sản phẩm thóc tươi tại đầu bờ nhằm phục vụ chế biến khép kín từ khâu sấy, xay sát, đánh bóng, tách màu, tách tấm... đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng gạo cao phục vụ xuất khẩu. Tuyên truyền kết quả của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 08HD.2020

78910. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống khoai tây ERIKA thương phẩm trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** Trương Công Tuyền; Lê Huy Nghĩa; Vũ Văn Bình; Phạm Đức Trọng; Nguyễn Đức Khôi - Công ty Cổ phần giống

cây lương thực và cây thực phẩm - Công ty Cổ phần giống cây lương thực và cây thực phẩm, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất khoai tây Erika thương phẩm gắn liền với tiêu thụ sản phẩm, quy mô 12 ha (vụ xuân 6ha, vụ đông 6ha) tại huyện Gia Lộc, Nam Sách và Thanh Miện, thời gian sinh trưởng của giống khoai tây Erika trong điều kiện vụ xuân và vụ đông tại các điểm triển khai mô hình là 90 ngày, khả năng sinh trưởng phát triển của giống Erika tốt, độ đồng đều đạt ở mức 4,8 - 5 điểm, sức sinh trưởng tốt đạt ở điểm 5 và độ che phủ luống ở giai đoạn 60 ngày sau trồng đạt 95-100%, năng suất trung bình 28,1 tấn/ha, sản lượng thu hoạch vụ Xuân.168 tấn, vụ Đông 160 tấn. Giống Erika sinh trưởng, phát triển tốt, kháng sâu bệnh, chất lượng cao, ruột màu vàng, củ dài. Giống Erika nếu người dân để giống trong điều kiện bình thường thì tuổi thọ kéo dài hơn so với các giống đang trồng phổ biến 2-3 đời. Hoàn thiện quy trình canh tác giống khoai tây Erika thương phẩm phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương về mật độ trồng, chế độ phân bón, chăm sóc, cỡ củ giống, cắt củ, phủ luống, phòng trừ sâu bệnh.

Số hồ sơ lưu: 09HD.2020

78987. 05-2023. **Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa Nhiệt đới 15 trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** Bùi Công Hiến; Phạm Thị Loan; Nguyễn Thị Thủy; Vũ Thị Lan Anh; Hoàng Minh Tú; Đỗ Thị Thu Thủy;

Nguyễn Thị Ngát; và một số CTV Trung tâm Ứng dụng Khoa học; công nghệ và Khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương - Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình trình diễn lúa Nhiệt đới 15 trên địa bàn tỉnh Hải Dương với quy mô: 60 ha (trong đó vụ xuân 30 ha, vụ mùa 30 ha) theo phương pháp ô thửa lớn, quy mô 10-15 ha/điểm tại huyện Thanh Miện, Kim Thành và Gia Lộc, năng suất vụ xuân đạt từ 70,87-73,25 tạ/ha, vụ mùa 64,53-67,25 tạ/ha. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất lúa Nhiệt đới 15 phù hợp với điều kiện của Hải Dương về chế độ phân bón (xác định lượng phân đạm phù hợp để giống lúa Nhiệt đới 15 sinh trưởng, phát triển tốt và cho năng suất cao nhất), về mật độ cây (xác định được mật độ cây để đạt được năng suất tối ưu và phù hợp với điều kiện sản xuất của tỉnh, nhất là trong điều kiện áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp).. Tuyên truyền mở rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 16HD.2020

83319. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa thuần chất lượng Đài thơm 8 trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Ngát. Vũ Thị Lan Anh. Đỗ Thị Thu Thủy. Phạm Thị Uyên. Bùi Công Hiên. Nguyễn Thị Doan. Nguyễn Thị Kim Cúc. - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương

- Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát và lựa chọn được 05 điểm thực hiện đề tài tại xã An Thanh huyện Tứ Kỳ, xã An Đức huyện Ninh Giang, xã Ngũ Hùng huyện Thanh Miện, xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang và xã An Bình huyện Nam Sách. Xây dựng mô hình sản xuất lúa thuần chất lượng Đài thơm 8 tại xã An Thanh huyện Tứ Kỳ, xã An Đức huyện Ninh Giang, xã Ngũ Hùng huyện Thanh Miện, xã Vĩnh Hồng huyện Bình Giang và xã An Bình huyện Nam Sách, qui mô 100 ha (50 ha trong vụ Xuân, 50 ha trong vụ Mùa), năng suất trung bình đạt 63,04 tạ/ha. Hoàn thiện quy trình sản xuất lúa thuần chất lượng Đài thơm 8 thích nghi với điều kiện sinh thái tỉnh Hải Dương về khung thời vụ, tỷ lệ phân bón, mật độ cây.

Số hồ sơ lưu: 01HD.2021

83344. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất lúa lai TH6-6 năng suất, chất lượng cao, có mùi thơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Nguyễn Văn Mười; Vũ Thị Bích Ngọc; Vũ Văn Quang; Lê Văn Thành; Nguyễn Thị Ngọc Thúy; Phạm Thị Ngọc Yên; Vũ Bình Hải; Phùng Danh Huân - Xây dựng mô hình sản xuất lúa lai TH6-6 năng suất, chất lượng cao, có mùi thơm trên địa bàn tỉnh Hải Dương - Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất thử nghiệm lúa lai TH6-6 với quy mô 60 ha để đánh giá tính thích ứng, cho năng suất cao, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Hải Dương, năng suất vụ xuân đạt 7,1-8,2 tấn/ha, vụ mùa đạt 6,8-7,0 tấn/ha. Chất lượng gạo TH6-6: tỷ lệ gạo lật từ 81,84 - 82,45%; tỷ lệ gạo xát (gạo trắng) từ 69,75 - 71,28%; tỷ lệ gạo nguyên đạt từ 68,93 - 79,27%; chiều dài hạt đạt trên 7 mm và tỷ lệ dài trên rộng đạt trên 3 lần; xếp loại hạt thon dài. Gạo của TH6-6 có tỷ lệ trắng trong cao, đạt từ 88,93 - 93,71%. Nhiệt độ hóa hồ thuộc loại trung bình. Gạo TH6-6 có hàm lượng amylose thấp (12,34 - 12,92%), cơm của TH6-6 thuộc loại mềm và dẻo; hàm lượng protein đạt từ 8,92 - 9,24%, có mùi thơm đậm, điểm 2. Đồng thời hoàn thiện quy trình thâm canh thương phẩm giống lúa lai TH6-6 phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh Hải Dương ở nội dung thời vụ và phân bón. Phát triển mô hình sản xuất hàng hóa giống lúa lai hai dòng TH6-6 với quy mô 400 ha đạt năng suất từ 7,0-7,5 tấn/ha (vụ Xuân), 6,5-6,8 tấn/ha (vụ Mùa). Liên kết các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm của mô hình với tổng lượng thóc thương phẩm thu mua là 352,2/300 tấn thóc. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 04HD.2021

83355. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống lúa Hồng Đức 9 (HD9) và M1-NĐ có năng suất, chất lượng cao kết hợp sử dụng phân bón Lục Thần Nông trên địa bàn huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương/ CN.** Nguyễn Tiến Tàng,

ThS. Nguyễn Đình Tranh; Nguyễn Đình Tranh; Hà Văn Nghị; Bùi Minh Chương; Nguyễn Thị Liên; Hà Thị Lan Anh ; Nguyễn Văn Thường; Nguyễn Văn Tú; Trần Trung Thông; Nguyễn Ngọc Dũng - UBND huyện Ninh Giang - UBND huyện Ninh Giang, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa Hồng đức 9 và M1-NĐ kết hợp sử dụng phân bón Lục Thần Nông trên địa bàn huyện Ninh Giang với quy mô 305 ha (trong đó: năm 2019 là 180 ha, năm 2020 là 125 ha). Hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống lúa Hồng đức 9 và M1-NĐ ứng dụng máy cấy, kết hợp sử dụng phân bón Lục Thần phù hợp với điều kiện sản xuất tại Ninh Giang: Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình trình diễn sản xuất lúa Hồng đức 9 và M1-NĐ.

Số hồ sơ lưu: 10HD.2021

83660. 05-2023. **Nghiên cứu phục tráng, duy trì và phát triển thương hiệu giống lúa nếp Quýt huyện Kim Thành tỉnh Hải Dương/ ThS.** Phạm Thị Hải Hà, Nguyễn Cao Đàm; Nguyễn Thế Vin; Nguyễn Văn Thọ; Nguyễn Thị Hồng Thủy; Đồng Quang Thái; Hà Thị Thu Hoài; Vũ Thuý Hằng; Nguyễn Thị Phương; Nguyễn Tiên Phong; Nguyễn Hoài Bắc; Nguyễn Văn Hán; Vũ Văn Hải; Trần Thị Xuân - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương,

2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá thực trạng về giống, sản xuất thương phẩm và khả năng phát triển sản xuất nếp Quýt tại huyện Kim Thành đồng thời nhận dạng, miêu tả cảm quan về các đặc điểm nông, sinh học chung của giống nếp Quýt, từ đó xây dựng được bản mô tả về giống nếp Quýt Kim Thành với 29 tính trạng. Phục tráng giống và xây dựng bản mô tả sơ bộ giống lúa nếp Quýt huyện Kim Thành với 39 tính trạng. Xây dựng và phát triển nhãn hiệu tập thể “gạo nếp Quýt Kim Thành” bao gồm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể “gạo nếp Quýt Kim Thành”, xây dựng chiến lược phát triển thị trường và quảng bá sản phẩm, hình thành kênh phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể. Duy trì và sản xuất siêu nguyên chủng, giống nguyên chủng nếp Quýt. Xây dựng mô hình sản xuất nếp Quýt thương phẩm tại 06 xã Cô Dũng, Tuấn Hưng, Cộng Hòa, Kim Xuyên, Ngũ Phúc, Phúc Thành với quy mô 400ha.

Số hồ sơ lưu: 21HD.2021

86162. 05-2023. **Sản xuất thử giống ngô nếp lai TG10 ở một số vùng phía Bắc/ TS.** Lê Văn Hải, TS. Châu Ngọc Lý; KS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Mai Thành Luân; ThS. Bùi Văn Duy; TS. Nguyễn Văn Thu; ThS. Cán Văn Cường; CN. Bùi Văn Cường; KS. Phạm Văn Thắng; KS. Nguyễn Thị Hằng Nga; KS. Nguyễn Thị Huyền; KS. Nguyễn Thị Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô,

2022; 02/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất ngô thương phẩm (bắp tươi) giống ngô nếp lai TG10. Giống ngô nếp lai TG10 được công nhận chính thức (Công nhận lưu hành). Sản xuất được 5 ha hạt F1 của giống ngô nếp lai TG10 đạt năng suất $\geq 2,0$ tấn/ha, chất lượng hạt theo QCVN01-53-2011. Xây dựng 50 ha mô hình trình diễn cho giống ngô nếp lai TG10. Đào tạo tập huấn chuyên gia quy trình kỹ thuật sản xuất hạt F1 và kỹ thuật thâm canh giống ngô nếp lai TG10 cho 150 lượt người. Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống F1, quy trình kỹ thuật thâm canh ngô thương phẩm (bắp tươi) và mở rộng sản xuất giống ngô nếp lai TG10 có chất lượng tốt phục vụ ăn tươi, sản xuất hàng hóa. Mở rộng sản xuất, thu hút 1-2 doanh nghiệp đầu tư sản xuất và tiêu thụ hạt giống ngô nếp lai TG10.

Số hồ sơ lưu: 21281

86163. 05-2023. **Sản xuất thử 2 giống ngô lai LVN26 và QPM NL13-1 tại các tỉnh phía Bắc/ ThS.** Nguyễn Chí Thành, KS. Đào Hữu Hoàng; TS. Châu Ngọc Lý; KS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Lưu Cao Sơn; ThS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Hoàng Thu Hằng; KS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KS. Nguyễn Thị Thanh Hà; ThS. Trần Hợp Minh Nghĩa; ThS. Hà Văn Giới - Hà Nội - Viện Nghiên cứu ngô, 2022; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống ngô lai F1 LVN26 đạt

năng suất 2,5-3,0 tấn/ha. Hoàn thiện quy trình sản xuất hạt giống ngô lai F1 QPM NL13-1 đạt năng suất 2,5-3,0 tấn/ha. Xác định được liều lượng phân bón và mật độ trong sản xuất ngô thương phẩm LVN26 tại Đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung bộ. Sản xuất hạt giống lai F1 cho giống LVN26 và QPM NL13-1. Xây dựng mô hình trình diễn giống ngô lai LVN26 và QPM NL13-1 đạt năng suất 6-7 tấn/ha trong điều kiện khó khăn và 7-8 tấn/ha cho vùng thâm canh.

Số hồ sơ lưu: 21280

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

75521. 05-2023. **Xây dựng mô hình trồng Cam Vinh trên vùng đất bãi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại huyện Thanh Miện/ KS. Bùi Hữu Tiếp, - Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện - UBND huyện Thanh Miện, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng mô hình trồng cam Vinh trên vùng đất bãi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại xã Tiên Phong huyện Thanh Miện với quy mô thực hiện: 05 ha; Tổng số cây: 3.570 cây (mật độ 714 cây/ha x 5ha), cây 10 tháng tuổi, Tỷ lệ hoa hữu hiệu trên cây dao động 144-232 hoa/cây, điều này cho thấy cây Cam Vinh sinh trưởng tốt, thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng đất đai và điều kiện tiểu khí hậu của vùng đất bãi xã Tiên Phong huyện Thanh Miện. Hiệu quả kinh tế của mô hình trồng cam Vinh được đánh giá có

hiệu quả hơn các loại cây trồng cũ là đỗ, lạc đã được người dân trồng trước đó.

Số hồ sơ lưu: 02HD.2019

78903. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất rau , củ, quả theo phương pháp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ TS. Lê Đình Sơn, Trần Thị Thu Hà; Phạm Văn Chuân; Nguyễn Thị Lương; Đồng Quốc Trà; Vũ Thị Miện; Nguyễn Việt Anh; Phạm Đức Lộc - Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Hải Dương, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng mô hình sản xuất một số cây rau , củ, quả theo phương pháp hữu cơ và liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm . Hoàn thiện quy trình sản xuất cây rau , củ, quả theo phương pháp hữu cơ phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Xây dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm của mô hình.

Số hồ sơ lưu: 05HD.2020

78911. 05-2023. **Nghiên cứu chọn lọc giống hành, tỏi để nâng cao giá trị và phát triển thương hiệu cho sản phẩm chủ lực của tỉnh Hải Dương/ ThS. Trần Văn Quân; Vũ Thị Hà; Mạc Đăng Mạnh; Lê Thái Nghiệp; Vũ Thị Thủy; Vũ Hà Phương; Nguyễn Xuân Hạ; Nguyễn Xuân Nam - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hải Dương - Sở Nông nghiệp và PTNT, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát, thu thập thông tin về các giống hành, tỏi tại huyện Kinh Môn và huyện Nam Sách và Thu thập nguồn gen các giống hành, tỏi, qua khảo sát cho thấy trên địa bàn tỉnh Hải Dương có ít nhất 5 giống hành và 5 giống tỏi khác nhau, Xây dựng được bản mô tả đặc điểm nông sinh học (31 chỉ tiêu) làm cơ sở cho nghiên cứu chọn giống, phục tráng giống và chọn giống sản xuất phù hợp với nhu cầu đầu ra của sản phẩm và lựa chọn được 3 giống hành và 3 giống tỏi có nhiều đặc tính nổi trội là hành trắng Hải Dương, hành tím Hải Dương, hành xanh Hải Dương và tỏi trắng Kinh Môn, tỏi trắng tía Kinh Môn, tỏi tía nâu Kinh Môn. Xây dựng mô hình sản xuất tỏi để làm nguyên liệu cho chế biến, sản xuất sản phẩm hỗ trợ sức khỏe quy mô 2 ha, trong đó: giống tỏi trắng 1ha, giống tỏi tía 1ha.

Số hồ sơ lưu: 10HD.2020

78913. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất cây rau màu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu phục vụ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ TS.** Đoàn Xuân Cảnh; ThS. Nguyễn Văn Tân; Nguyễn Đình Thiệu; Th S. Nguyễn Thị Thanh Hà; Th S. Đoàn Thị Thanh Thuý; KS. Nguyễn Thanh Loan; Th S. Đỗ Thị Thuý; KS. Trịnh Thị Lan; Tăng Xuân Trường; Trần Trọng Vinh - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, 2020; 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, lựa chọn vùng sản xuất, doanh nghiệp tham gia sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm rau màu cho nông dân. Xây dựng mô hình sản xuất cây rau màu tập trung đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tại Hải Dương với quy mô 300 ha cải bắp (VL 560, Sakata No71, Globe Master, Hai mũi tên, giống VL560, Globe Master), 200 ha súp lơ (Sakata 1506, TV12, Incle Hoa Tuyệt (VA83), NH1610) và 400 ha cà rốt Ti103. Tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm với 03 doanh nghiệp. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 11HD.2020

80564. 05-2023. **Nghiên cứu cải tạo và xây dựng vùng na theo quy trình VietGAP nhằm phát triển bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả na Chí Linh/ ThS Lưu Văn Bản; Cao Văn Hào; Nguyễn Đức Hoá; Trần Văn Dục; Diệp Thị Thu; Lê Thị Hué; Phan Công Long; Nguyễn Văn Hà; Nguyễn Văn Chính; Nguyễn Quốc Bình - Ủy ban nhân dân TP Chí Linh - Ủy ban nhân dân TP Chí Linh, 2020; 01/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát đánh giá hiện trạng sản xuất và tiêu thụ na trên địa bàn thành phố Chí Linh. Cải tạo vườn na trên địa bàn thành phố Chí Linh theo hướng phát triển bền vững bằng phương pháp ghép chồi (na dai, na bở và na Thái) tại các vườn na kém hiệu quả ở các phường Hoàng Tiến và Bến Tắm, trên những gốc ghép là những cây na có chất lượng kém nhưng sinh trưởng phát triển tốt làm Dai, Bở và Thái gốc ghép. Xây dựng mô hình trồng mới na dai, na

bở và na Thái Lan trên địa bàn thành phố Chí Linh với quy mô 1,5 ha/3 giống tại các hộ gia đình Hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, sử dụng phân bón, phòng trừ sâu bệnh, tuyển chọn cây tốt, thu hoạch và bảo quản, sau thu hoạch đối với diện tích na hiện có trên địa bàn thành phố Chí Linh. Xây dựng và giám sát vùng sản xuất na theo quy trình VietGAP trên địa bàn thành phố Chí Linh với quy mô 30 ha (Phường Hoàng Tiến: 20 ha; Phường Bến Tâm: 10 ha). Tuyên truyền kết quả thực hiện dự án.

Số hồ sơ lưu: 19HD.2020

83345. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm vi sinh vật quang dưỡng trong sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ ThS Nguyễn Thị Sơn; Phạm Thị Hải; Nguyễn Thị Sen; Nguyễn Thị Thủy; Hồ Thị Thu Thanh; Vũ Thị Hằng ; Vương Đức Dũng - Viện Sinh học Nông nghiệp - Viện Sinh học Nông nghiệp, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra khảo sát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và hiện trạng sản xuất cây rau (cà rốt, xà lách của huyện Cẩm Giàng). Xây dựng mô hình ứng dụng chế phẩm vi sinh vật quang dưỡng trong sản xuất rau an toàn trên địa bàn tỉnh Hải Dương, gồm: cà rốt với quy mô 4,5 ha (1,5 ha/mô hình/ xã) và cây rau xà lách, quy mô: 1,5 ha (0,5ha/mô hình/ xã của 3 xã Cẩm Văn, Cẩm Vũ và Đức Chính huyện Cẩm Giàng). Mô hình sản xuất cà rốt cho năng suất tăng lên từ 15,04-15,16 %, hiệu quả kinh

tế tăng 26,23 %, sản xuất cây rau xà lách cho năng suất tăng lên từ 25,35% đến 29,93% so với đối chứng sản xuất theo quy trình của địa phương, hiệu quả kinh tế tăng 38,21 %. Hoàn thiện quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh vật quang dưỡng trong sản xuất rau an toàn (cà rốt và rau xà lách) phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 05HD.2021

83347. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống khoai lầy ngó “Ngọc môn Thanh Miện/ ThS Phạm Thị Nhung; Phan Thị Thảo; Hoàng Thị Nga; Vũ Thế Sáng; Vũ Khắc Diệp ; Nguyễn Thị Nhật; Nguyễn Thị Thúy Hằng - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Thanh Miện - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Thanh Miện, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng mô hình và khảo nghiệm đặc điểm nông sinh học, thành phần dinh dưỡng của cây khoai lầy nõg “Ngọc môn Thanh Miện” theo hướng sản xuất an toàn trên địa bàn huyện Thanh Miện với quy mô 10 ha tại xã Lê Hồng và Cao Thắng, sản lượng nõg thu hoạch đạt từ 30 đến 50 kg/sào/lần thu hoạch, tương đương từ 1.500kg- 2.000 kg/sào/năm. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác khoai lầy nõg “Ngọc môn Thanh Miện” theo hướng an toàn trên địa bàn huyện Thanh Miện. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình

Số hồ sơ lưu: 07HD.2021

83356. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất thử giống cà chua cao sản T15 trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ TS. Đào Xuân Thắng, ThS. Đặng Hồng Giang; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Miên; ThS. Đoàn Văn Thảo; ThS. Phạm Văn Nghĩa; ThS. Trần Thị Thúy - Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm - Cơ sở II viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng mô hình sản xuất thử giống cà chua cao sản T15 ngoài đồng ruộng với tổng diện tích 6,2 ha tại các huyện Thanh Miện, Bình Giang, Nam Sách, TP. Hải Dương và trong nhà mái che với diện tích 0,2 ha. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng giống cà chua cao sản T15 ngoài đồng ruộng, trong nhà mái che phù hợp điều kiện tỉnh Hải Dương. Đánh giá hiệu quả của mô hình sản

xuất giống cà chua cao sản T15 ngoài đồng ruộng và trong nhà có mái che. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 11HD.2021

83357. 05-2023. **Xây dựng mô hình trình diễn hai giống dưa hấu mới ruột vàng Ngọt Giai Nhân và Hoàng Khôi trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ KS. Vũ Văn Tân, KS Nguyễn Thị Hồng Thủy; KS Nguyễn Văn Hiệp; KS Nguyễn Đình Huy; KS Phạm Thị Tuyết Nhung; KS Tăng Đức Tiến; CN Trương Thị Thủy Vân; CN Mai Xuân Thịnh; CN Đỗ Thị Hải Hà; CN Nguyễn Thị Thu Hương- Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng mô hình trồng giống dưa hấu ruột vàng Ngọt Giai Nhân và Hoàng Khôi trong điều kiện canh tác ngoài đồng ruộng có sử dụng màng phủ nông nghiệp (màng nilon hoặc bạt Plastic với quy mô 10,0 ha, mỗi giống 5ha tại huyện Bình Giang, Gia Lộc, Thanh Hà và TP Chí Linh. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng giống dưa hấu ruột vàng Ngọt Giai Nhân và Hoàng Khôi phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Tuyên truyền kết quả xây dựng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 12HD.2021

83626. 05-2023. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật bảo tồn và phát triển nguồn gen quý cây vải tổ tại xã**

Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương/ Ngô Bá Định, Ngô Bá Định; Nguyễn Văn Viên; Nguyễn Thị Lan; Nguyễn Ngọc Dũng; Nguyễn Mai Thơm; Nguyễn Thị Huệ; Trịnh Văn Cường; Phan Công Dũng; Vũ Xuân Hải; Nguyễn Văn Khánh; Đinh Nguyệt Thu; Vũ Thị Minh Huyền; Phạm Văn Chung; Tiêu Hoàng Trung; Trần Đức Loan; Đoàn Đình Goòng; Phạm Thị Đông; Bùi Văn Long - Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà - Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng sinh trưởng, phát triển của cây vải tở và hiện trạng bảo tồn phát triển nguồn gen cây vải tở tại địa phương (bao gồm: đánh giá hiện trạng sinh trưởng, phát triển của cây vải tở; Đánh giá hiện trạng bảo tồn và phát triển nguồn gen cây vải tở tại địa phương ; Xây dựng phương án bảo tồn và phát triển nguồn gen cây vải tở). Áp dụng một số biện pháp kỹ thuật nhằm bảo tồn cây vải tở tại thôn Thúy Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà cho của cây vải tở và 02 cây thế hệ 2 (cải tạo bề mặt môi trường sống; Áp dụng các kỹ thuật cắt tỉa, dọn cành thích hợp với từng thời kỳ sinh trưởng, phát triển; Áp dụng kỹ thuật bón phân phù hợp cho cây vải tở và 02 cây thế hệ hai; Điều tiết sinh trưởng và phòng trừ sâu bệnh hại phù hợp với sinh trưởng, phát triển của cây vải tở và cây thế hệ 2 đã giúp cây tăng khả năng sinh trưởng, phát triển). Thiết lập Phương án kế vị, sử dụng biện

pháp kỹ thuật chiết cành (sử dụng phương pháp chiết cành và bó rễ 2 lần đã phát triển được 20 cây vải từ cây vải tở. Số lượng cây thế hệ 2 trên được trồng tại vườn cây của xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, hiện sinh trưởng và phát triển tốt.

Số hồ sơ lưu: 16HD.2021

83628. 05-2023. **Ứng dụng tiến bộ khoa học xây dựng mô hình nhân giống, trồng dâu tây trong nhà màng, nhà lưới trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** Nguyễn Cao Đàm, Vũ Thị Lan; Phạm Thị Tuyết Nhung; Vũ Thị Hương; Nguyễn Thị Phương; Tăng Đức Tiến; Trần Trung Kiên; Dương Hải Đoàn; Nguyễn Như Thoáng; Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương - Trung tâm ứng dụng khoa học công nghệ và khảo nghiệm giống tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận các quy trình bao gồm: Quy trình nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô giống dâu tây Mỹ có tên là Newzealand và giống dâu tây Nhật có tên là Tochiotome (quy trình nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô (In vitro), tách mô từ nõng cây, nuôi cấy tái sinh chồi, tạo cây hoàn chỉnh trong phòng thí nghiệm); Quy trình ươm trồng và chăm sóc cây con cây mô hoàn chỉnh trong vườn ươm thành cây giống đưa ra sản xuất; Quy trình trồng và chăm sóc cây dâu tây thương phẩm trong nhà màng, nhà lưới. Xây dựng mô hình trồng dâu

tây trong nhà màng, nhà lưới tại Hải Dương với quy mô 1.500m². Hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản xuất dâu tây trong nhà màng, nhà lưới phù hợp với điều kiện sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 18HD.2021

83663. 05-2023. **Nghiên cứu phát triển cây bưởi Tân Thắng, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương/** ThS. Bùi Văn Thắng, KS. Nguyễn Tiến Khắc; TS. Nguyễn Mai Thơm; ThS Nguyễn Thu Thủy; KS Võ Hồng Nam; Ths Đào Thị Làn; KS Nguyễn Thị Thân; ThS Nguyễn Ngọc Dũng; ThS Vũ Thị Chanh - Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách - Ủy ban Nhân dân huyện Nam Sách, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội và khả năng phát triển của vùng trồng bưởi Tân Thắng, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, đồng thời phân tích mẫu đất, nước của xã Tân Thắng để đánh giá sự khác biệt của các thành phần dinh dưỡng, nguyên tố vi lượng đến chất lượng cây bưởi Tân Thắng. Xây dựng bản mô tả giống (gốc) bưởi Tân Thắng tại xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương gồm 79 tính trạng. Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình chăm sóc các cây đầu dòng, nhân giống ghép cải tạo và thâm canh cây bưởi Tân Thắng. Xây dựng vùng trồng bưởi Tân Thắng tại xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với quy mô 3,78 ha tại 27 hộ dân, tổng số cây trồng là 1.890

cây, đồng thời xây dựng và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho bưởi Tân Thắng.

Số hồ sơ lưu: 22HD.2021

86175. 05-2023. **Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan hồ điệp (Phalaenopsis Blume) và hoa Đồng tiền (Gerbera L.) quanh năm tại huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng/** TS. Đặng Quang Bích, Đào Quang Trinh; Vũ Thị Liên Hoa; Trần Thị Hương; Đào Quang Thuật; PGS.TS Đặng Văn Đông; Ths Hà Thị Thanh Nga; Ths Đặng Tiến Dũng; Ths Lê Thị Thu Hương; Ks Lê Thanh Hùng - Hải Phòng - Công ty cổ phần nông nghiệp công nghệ cao Châu Giang, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận được 6 quy trình công nghệ về sản xuất hoa thương phẩm, điều khiển ra hoa theo mong muốn cho hoa lan hồ điệp, hoa đồng tiền phù hợp với điều kiện của huyện Thủy Nguyên - TP Hải Phòng. Xây dựng mô hình sản xuất hoa lan hồ điệp quy mô công nghiệp với diện tích 6.000m² (150.000 cây) trong nhà lưới hiện đại và mô hình sản xuất hoa đồng tiền với quy mô 4.000m² (60.000 cây) nở hoa theo thời điểm mong muốn, chất lượng hoa cao, đồng đều, lãi thuần 300-500 triệu đồng/1.000m²/2 năm (hoa lan hồ điệp) và từ 250 - 300 triệu đồng/1.000m²/2 năm (hoa đồng tiền). Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, hiểu biết, quản lý cho người dân địa phương về sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao trong nhà lưới:

đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật sản xuất, điều khiển sinh trưởng, nở hoa, thu hoạch, bảo quản cho cây hoa lan hồ điệp, hoa đồng tiền: 8 người. Tập huấn đại trà về kỹ thuật trồng, chăm sóc hoa lan hồ điệp, hoa đồng tiền trong nhà lưới cho 100 lượt người dân.

Số hồ sơ lưu: 21239

86212. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng giải pháp sinh học trong phòng chống sinh vật hại phục vụ sản xuất một số loại cây trồng hàng năm chủ lực theo hướng hữu cơ, an toàn và bền vững tại tỉnh Kon Tum/** TS.Trịnh Xuân Hoạt, TS. Nguyễn Mạnh Hùng; TS. Dương Thị Nguyên; Ths. Ngô Quang Huy; KS. Lê Thị Hiền - Viện Bảo vệ thực vật - Viện Bảo vệ thực vật - Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam, 2022; 08/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài nhằm đưa ra giải pháp sinh học phòng chống một số đối tượng sinh vật hại chính trên một số loại cây trồng hàng năm chủ lực, tập trung một số đối tượng cây rau (khổ qua, dưa leo, cà chua, một số loại rau ăn lá,...) theo hướng hữu cơ, an toàn và bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Qua đó, Xây dựng được các quy trình ứng dụng các giải pháp sinh học phòng chống sinh vật hại trên các đối tượng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 09.2022

86274. 05-2023. **Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận/** ThS.

Phạm Văn Phước, - Ninh Thuận - Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2019; 09/2017 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định một số biện pháp kỹ thuật canh tác nhằm hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận: Xác định công nghệ tưới nước tiết kiệm phù hợp trên giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận; Kỹ thuật sử dụng phân bón phù hợp với công nghệ tưới nước tiết kiệm trên giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận; Kỹ thuật cắt cành, tạo quả thích hợp trên giống nho NH01-152 trong điều kiện tưới nước tiết kiệm tại Ninh Thuận; Xác định thời điểm bao chùm quả thích hợp cho giống nho ăn tươi NH01-152 tại Ninh Thuận; Biện pháp kỹ thuật tia quả, tạo chùm thích hợp cho giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận; Đánh giá hiệu quả của một số loại thuốc phòng trừ sâu bệnh hại trên giống nho NH01-152 trong điều kiện tưới nước tiết kiệm tại Ninh Thuận. Xây dựng mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật cho giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: NTN-029-2021

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

86275. 05-2023. **Khảo sát, điều tra cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2017/** TS. Lê Văn Minh, ThS. Lê Đức Thanh; PGS.TS. Bạch Long Giang; DS. Nguyễn Xuân Tuyên; ThS. Nguyễn Quốc Đạt; ThS. Lý Hải Triều; CN. Ngô Thi Minh Huyền; CN. Trần Hồng

Diễm; TS. Nguyễn Hoàng Dũng; CN. Cao Ngọc Giang - Ninh Thuận - Đại học Nguyễn Tất Thành, 2019; 09/2017 - 02/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Thu thập tài liệu liên quan trên cơ sở kế thừa các dữ liệu điều tra trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Khảo sát, điều tra các loại cây thuốc trong thiên nhiên và cây thuốc được trồng chủ yếu tại tỉnh Ninh Thuận. Nghiên cứu định danh và xây dựng bộ tiêu bản, tập tài liệu, cơ sở dữ liệu cây thuốc trọng tâm của tỉnh Ninh Thuận. Xây dựng bản đồ phân bố các loài cây thuốc trọng tâm, đặc trưng của tỉnh Ninh Thuận. Xây dựng phương án bảo tồn, phát triển và khai thác sử dụng bền vững các loài cây thuốc có triển vọng.

Số hồ sơ lưu: NTN-026-2021

40106. Bảo vệ thực vật

78952. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu emina, phân hữu cơ trong sản xuất hành và biện pháp baro quản hành bằng rơm tại Hải Dương/ GS. TS Nguyễn Quang Thạch, Phạm Thị Hải; Nguyễn Thị Sơn; Nguyễn Thị Thủy; Đỗ Thị Thu Hà; Vũ Thị Hà; Nguyễn Xuân Hạ; Vũ Thị Hằng; Hồ Thị Thu Thanh - Viện Sinh học Nông nghiệp - Viện Sinh học Nông nghiệp, 2020; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Khảo sát tình hình sản xuất và bảo quản hành tại một số xã ở Kinh Môn. Nghiên cứu giảm lượng phân bón hóa học khi phun EMINA để

sản xuất hành sạch. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật bảo quản hành giống không hóa chất. Xây dựng mô hình trình diễn công nghệ sản xuất hành thương phẩm sạch. Xây dựng mô hình trình diễn bảo quản hành giống bằng công nghệ không hóa chất tại hộ nông dân.

Số hồ sơ lưu: 15HD.2020

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

86398. 05-2023. **Nâng cao hàm lượng tinh bột kháng tiêu hóa bằng phương pháp nhiệt ẩm và axit citric/ KS. Trịnh Thị Mỹ Duyên, Phạm Văn Hùng; Nguyễn Hà Thu - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)**

Tách tinh bột tự nhiên từ 3 giống đậu xanh có hàm lượng amylose khác nhau. Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện xử lý lên hàm lượng tinh bột kháng tiêu hóa và tính chất lý-hóa của tinh bột sau khi đã qua xử lý. Nghiên cứu phương pháp giúp cải thiện tinh bột kháng tiêu hóa có trong tinh bột đậu xanh với hàm lượng amylose khác nhau. Xử lý tinh bột đậu xanh theo các điều kiện khác nhau (nhiệt-ẩm với độ ẩm của tinh bột được điều chỉnh lên 30% bằng axit citric và áp dụng nhiệt 110oC (heat-moisture); nhiệt-ẩm với độ ẩm của tinh bột được điều chỉnh bằng cách trộn tinh bột với axit citric theo tỉ lệ 1:2 và áp dụng nhiệt ở 40oC (annealing)). Xác định hàm lượng tinh bột kháng tiêu hóa trước và sau

khi xử lý. Xác định tính chất lý hóa của tinh bột đậu xanh không được xử lý (tinh bột tự nhiên) và đã được xử lý.

Số hồ sơ lưu: HCM-090-2022

86496. 05-2023. **Sử dụng dịch chiết vỏ quả ca cao để tổng hợp nano đồng có hoạt tính cao oxy hóa sâu VOCs/** ThS. Nguyễn Phụng Anh, KS. Dương Huỳnh Thanh Linh; ThS. Nguyễn Thị Thùy Vân; TS. Hoàng Tiến Cường - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát ảnh hưởng các yếu tố đến quá trình tổng hợp nano đồng sử dụng dịch chiết vỏ cacao: thời gian, nhiệt độ, nồng độ $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, tỷ lệ thể tích dung dịch $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ /dịch chiết, pH dung dịch. Phân tích các tính chất lý hóa của nano đồng được tổng hợp. Đánh giá hoạt tính xúc tác nano đồng và nano đồng trên các chất mang khác nhau (TiO_2 , CeO_2 và Al_2O_3) trong phản ứng oxy hóa benzene ở pha khí. Đánh giá hoạt tính xúc tác tốt nhất ở nội dung 3 trong phản ứng oxy hóa các hợp chất hữu cơ khác nhau (benzene, ethyl benzene, toluene và xylene) ở pha khí.

Số hồ sơ lưu: HCM-072-2022

86534. 05-2023. **Xây dựng mô hình động học sấy, tối ưu hoá quá trình chiết xuất hợp chất phenolic, khảo sát tính kháng oxi hoá và kháng enzyme tiêu hoá của lá húng quế/** TS. Lê Ngọc Liễu, Lê Thị Hà Thanh; Mã Bích Như; Nguyễn Quang Nhật - Thành phố Hồ Chí

Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát ảnh hưởng của quá trình xử lý chân và nhiệt độ không khí lên động học sấy của lá húng quế. Khảo sát thời gian sấy thích hợp bằng cách điều chỉnh dữ liệu thí nghiệm với các mô hình toán học khác nhau có sẵn trong tài liệu. Khảo sát độ khuếch tán ẩm của mẫu và năng lượng hoạt hóa của quá trình sấy. Đánh giá ảnh hưởng của quá trình xử lý chân và nhiệt độ không khí đến hoạt tính sinh học của lá sấy khô. Tối ưu hóa điều kiện chiết xuất các hợp chất phenolic của lá húng quế khô và đánh giá hoạt tính sinh học của dịch chiết. Tối ưu hóa điều kiện chiết xuất các hợp chất phenolic của lá húng quế tươi và đánh giá hoạt tính sinh học của dịch chiết.

Số hồ sơ lưu: HCM-066-2022

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

83540. 05-2023. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, xây dựng mô hình sản xuất khoai tây (Hà Lan, Pháp nhập khẩu) theo chuỗi giá trị, phục vụ phát triển sản xuất khoai tây tỉnh Bắc Giang/** ThS. Thân Liêu Minh Nhật, KS. Cao Văn Sinh; ThS. Nguyễn Thị Mai Hà; CN. Kiều Thu Thủy; KS. Nguyễn Văn Thao; KS. Hán Thị Minh Tâm; KS. Mai Quý Đông; KS. Phạm Văn Chuyển; KS. Lê Thị Vân; KS. Nguyễn Đức Anh; KS. Hoàng Thị Ngọc Lý - Bắc Giang - Công ty cổ phần GVA,

2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất giống khoai tây Hà Lan từ cấp giống cấp nguyên chủng (cấp giống nhập khẩu A) với quy mô 10ha theo hướng VietGAP, năng suất tối thiểu đạt 15 tấn ha, đạt tiêu chuẩn củ giống theo quy định. Xây dựng mô hình sản xuất khoai tây Hà Lan, Pháp thương phẩm theo hướng VietGAP, quy mô 150 ha, khoai tây thương phẩm đảm bảo chất lượng, năng suất tối thiểu đạt 21 tấn ha. Xây dựng mô hình bảo quản khoai tây giống bằng công nghệ kiểm soát môi trường với thể tích 300m³ kho, với quy mô bảo quản 100 tấn/kho bảo quản, thời gian bảo quản từ 9-10 tháng, tỷ lệ hao hụt thấp từ 2-5%. Xây dựng mô hình chuỗi giá trị khép kín từ khâu nhân giống, bảo quản giống, sản xuất thương phẩm tới tiêu thụ hàng hoá góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: DACT 26/2021

40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi

76489. 05-2023. **Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất lợn choai cấp đông xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ Phạm Thị Đào; Nguyễn Thị Hảo; Bùi Thị Bền; Trần Quang Huy; Nguyễn Hữu Sanh; Nguyễn Tiến Tráng; Bùi Thị Dung; Bùi Duy Hưng; Nguyễn Thanh Tùng; Nguyễn Đình Tính - Sở Nông nghiệp và PTNT - Sở Nông nghiệp và PTNT, 2019; 11/2017 -**

12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu lựa chọn công thức lai và xây dựng mô hình sản xuất lợn choai cấp đông xuất khẩu: sử dụng tinh dịch lợn đực giống 399, Pietrain và PiDu75 cho phối với lợn nái GF24 và F₁(L x MC) đưa vào nuôi trong trang trại đã lựa chọn công thức lai từ đực PiDu75, Peitrain, 399 với nái GF24 và F₁(L x MC), các con lai đều có các chỉ tiêu năng suất thân thịt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, trong đó công thức lai giữa đực Pietrain x F₁(LxMC) có năng suất sinh sản và đáp ứng được các yêu cầu, tiêu chuẩn để sản xuất lợn choai đạt cao nhất, tiếp đến là công thức lai 399 x GF24, thứ 3 là Pietrain x GF24 và cuối cùng là PiDu75 x F₁(LxMC). Đồng thời xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm lợn choai xuất khẩu giữa doanh nghiệp và người chăn nuôi góp phần ổn định sản xuất chăn nuôi lợn, đem lại hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 18HD.2019

83348. 05-2023. **Phát triển mô hình chăn nuôi bò thịt quy mô nông hộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ ThS Nguyễn Ngọc Thái; Lưu Xuân Lâm; Phạm Văn Giới; Lê Bá Quế; Nguyễn Văn Trí; Đinh Văn Ước; Nguyễn Văn Quyết; Đinh Văn Quý; Đỗ Minh Tâm - Trung tâm Tư vấn bồi dưỡng và Phát triển KHCN tỉnh Hải Dương - Trung tâm Tư vấn bồi dưỡng và Phát triển KHCN tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tuyển chọn đàn bò cái nền Lai Zebu có sức sinh sản tốt tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương với quy mô 500 con tại 05 huyện Kinh Môn, Kim Thành, Thanh Hà, Ninh Giang và Nam Sách. Phát triển mô hình chăn nuôi bò thịt cao sản, chất lượng từ bò cái nền sinh sản Lai Zebu phối với các giống chuyên dụng Brahman, Drought Master, Red Angus trên địa bàn tỉnh Hải Dương cho sinh sản và chăm sóc 450 con bê lai quy mô nông hộ tại 25 xã của 05 huyện Kinh Môn, Kim Thành, Thanh Hà, Ninh Giang và Nam Sách. Chuyển giao kỹ thuật nuôi bê lai cho các hộ chăn nuôi bò kỹ thuật vỗ béo bê lai hướng thịt kết hợp với sử dụng thức ăn tự phối trộn đảm bảo vệ sinh an toàn. Tuyên truyền kết quả thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 08HD.2021

86061. 05-2023. **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen gà nhiều ngón và gà Lạc Sơn/ TS.** Ngô Thị Kim Cúc, TS. Nguyễn Văn Trung; TS. Phạm Văn Sơn; ThS. Trần Trung Thông; TS. Nguyễn Công Định; ThS. Phạm Thị Bích Hường; ThS. Lê Hồng Giang; KS. Hoàng Thị Kim Thoa; KS. Triệu Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra bổ sung, đánh giá hiện trạng về tình hình chăn nuôi gà Nhiều Ngón và gà Lạc Sơn. Nghiên cứu chọn lọc, xây dựng đàn hạt nhân gà Nhiều Ngón và gà Lạc Sơn, xây dựng đàn sản xuất gà Nhiều Ngón và

gà Lạc Sơn. Đồng thời nghiên cứu xây dựng quy trình chăn nuôi gà Nhiều Ngón và gà Lạc Sơn theo hướng VietGap. Từ những nghiên cứu trên xây dựng mô hình gà Nhiều Ngón và gà Lạc Sơn thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21254

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

83358. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất gà Mía lai Sasso thương phẩm trên địa bàn huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương/ KS** Phạm Thanh Thủy, KS. Phạm Đức Hội; ThS Bùi Đăng Duy; ThS Bùi Mạnh Hà; KS Vũ Thị Tuấn; ThS Đặng Quang Hưng; BSTY Ngô Thị Thơ - Hội Nông dân tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình sản xuất gà thương phẩm trên địa bàn huyện Thanh Hà quy mô 20.000 con. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi gà Mía lai Sasso thương phẩm phù hợp với điều kiện chăn nuôi của tỉnh Hải Dương (vệ sinh vườn chuồng, cách tạo môi trường thông thoáng chuồng nuôi, độ dày chất độn chuồng, thiết bị sưởi, dàn đậu trong chuồng, máng uống nước,...); Chế độ chăm sóc (ánh sáng, số bữa ăn/ngày, mật độ nuôi,...); Vệ sinh phòng bệnh. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình nuôi gà Mía lai Sasso.

Số hồ sơ lưu: 13HD.2021

85798. 05-2023. **“Ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật theo phương thức chăn nuôi an toàn sinh học (Lợn rừng lai, Gà thả vườn) trong chuỗi giá trị khép kín**

tại tỉnh Tuyên Quang”/ KS. Phạm Quốc Hợi, KS. Ma Trọng Hà; BSTY. Lê Hoàng; KS. Bùi Thị Hương Giang; KS. Thiều Minh Nguyệt; KS. Trần Văn Hiền; CN. Văn Trọng Dũng - Tuyên Quang - Công ty Cổ phần giống vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang, 2022; 03/2019 - 02/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và tiếp nhận thành công 04 quy trình kỹ thuật, trong đó: Nhận chuyển giao 03 quy trình kỹ thuật từ Trung tâm Nghiên cứu gia cầm Thụy Phương; 01 quy trình kỹ thuật từ Trung tâm nghiên cứu Bò và đồng cỏ Ba Vì. Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn rừng lai, gồm: Mô hình chăn nuôi lợn rừng lai sinh sản tập trung và mô hình chăn nuôi lợn rừng lai thương phẩm quy mô hộ gia đình; Mô hình nuôi gà bố mẹ LV sinh sản, gồm: Mô hình nuôi gà bố mẹ LV sinh sản tập trung và mô hình nuôi gà bố mẹ LV sinh sản quy mô hộ gia đình. Xây dựng mô hình chế biến thức ăn bằng công nghệ ủ men sinh học (sử dụng chế phẩm E.M). Ứng dụng thành công tiến bộ khoa học công nghệ trong phát triển chăn nuôi lợn (Lợn rừng x lợn đen địa phương/ lợn Mán/lợn Mông), gà thương phẩm ML-VCN và gà HA hướng trứng nuôi an toàn sinh học theo hướng chăn nuôi hữu cơ và chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, góp phần phát triển chăn nuôi theo hướng hữu cơ, tăng thêm thu nhập cho người dân tại Tuyên Quang.

Số hồ sơ lưu: 21183

86059. 05-2023. **Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi lợn Táp Ná tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình/** KS. Phạm Trọng Nương, BSTY. Hoàng Xuân Thủy; ThS. Trương Đức Nghĩa; KS. Lê Hoài Đức; ThS. Ngô Thị Lý; ThS. Đinh Văn Tiên; CN. Đinh Văn Trang; ThS. Nguyễn Quyết Thắng; ThS. Phạm Hải Ninh; ThS. Phạm Đức Hồng - Ninh Bình - Công ty TNHH ứng dụng và phát triển công nghệ Trang Ninh, 2020; 06/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, tiếp nhận và chuyển giao 05 quy trình công nghệ về sản xuất giống và chăn nuôi lợn Táp Ná. Xây dựng 04 mô hình chăn nuôi lợn Táp Ná (01 mô hình trang trại chăn nuôi lợn sinh sản, quy mô 60 con (55 nái, 05 đực); 01 mô hình trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm, quy mô 500 con/năm; 02 mô hình gia trại chăn nuôi lợn thương phẩm dưới tán vườn tạp quy mô 150 con/năm (trong đó có 10 hộ chăn nuôi tham gia, quy mô 15 con/hộ/năm). Đồng thời tiến hành đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho người dân.

Số hồ sơ lưu: 21256

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

86080. 05-2023. **Nghiên cứu xác định tác nhân gây bệnh và xây dựng biện pháp phòng trừ hiệu quả bệnh tiêu chảy trên đàn bò nuôi tại tỉnh Bến Tre/** PGS.TS Trần Ngọc Bích, PGS.TS. Trần Ngọc Bích; TS. Nguyễn Thanh Lãm; TS. Nguyễn Khánh Thuận; TS. Nguyễn

Phúc Khánh; KS. Lê Quang Trung; ThS Danh Út; KS. Nguyễn Quốc Thái; KS. Nguyễn Minh Dũng; ThS. Ngô Hoàng Khanh; ThS. Đặng Thị Thắm. - Cần Thơ - Trường Đại học Cần Thơ., 2022; 08/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra tình hình chăn nuôi bò và tình hình bệnh tiêu chảy trên bò tại tỉnh Bến Tre. Nghiên cứu các tác nhân gây bệnh tiêu chảy từ virus, vi khuẩn và ký sinh trùng. Xây dựng quy trình điều trị và phòng bệnh cho các tác nhân gây bệnh từ virus, vi khuẩn và ký sinh trùng. Chuyển giao quy trình cho cán bộ kỹ thuật và cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-181-2022

86270. 05-2023. **Nuôi thâm canh ếch Thái Lan thương phẩm trong bể bạt HDPE trên vùng đất cát ven biển huyện Lệ Thủy/** ThS. Trần Thị Yên; Phan Thị Mỹ Hạnh; Lê Hà Giang - Công ty TNHH Dịch vụ Kim Long Việt Nam - Công ty TNHH Dịch vụ Kim Long Việt Nam, 2022; 11/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đa dạng hóa đối tượng nuôi và hình thức nuôi trồng thủy sản ở tỉnh Quảng Bình, nâng cao hiệu quả sản xuất cho người dân, góp phần phát triển mô hình sản xuất bền vững ở địa phương. Theo dõi, đánh giá được các chỉ tiêu về tăng trưởng của ếch Thái Lan cũng như đánh giá được hiệu quả kinh tế của mô hình để làm cơ sở đề xuất phát triển mô hình tại địa phương. + Tỷ lệ sống của ếch: 70% + Kích cỡ thu hoạch: 200g/con

tương ứng 12.600 kg ếch 2 - Hoàn thiện kỹ thuật nuôi ếch Thái Lan trong bể bạt HDPE trên vùng đất cát bãi ngang của huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 11/2022/QLKH-CN-CS

86347. 05-2023. **Mô hình nuôi gà kiến thả vườn tại xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa/** KS. Đoàn Ngọc Anh; Cao Thị Ánh Nguyệt; Đinh Thị Lê Giang; Nguyễn Văn Minh; Đinh Thị Thu Liễu; Đinh Thanh Hà; Đinh Tuấn Anh - Công ty TNHH Giải pháp Chất lượng VQB - Công ty TNHH giải pháp chất lượng VQB, 2022; 03/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm gà kiến (gà ri $\frac{3}{4}$), theo dõi khả năng sinh trưởng, phát triển và thích nghi. Hoàn thiện quy trình nuôi gà kiến (gà ri $\frac{3}{4}$) thả vườn phù hợp với điều kiện ở địa phương

Số hồ sơ lưu: 12/ 2022-QLKH-CN-CS

83538. 05-2023. **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi giống giun Pont. *Corethrus* tại huyện Việt Yên và Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang/** K.s Đỗ Thị Thu Hà, Th.s Trần Quang Vinh Th.s Hà Ngọc Linh - Bắc Giang - Trung tâm Ứng dụng KH&CN Bắc Giang, 2021; 01/2021 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng của giun Pont. *Corethrus*, hiệu quả kinh tế của mô hình và hoàn thiện kỹ thuật nuôi giống giun thuộc loài Pont. *Corethrus* theo quy mô hộ gia

đình nhằm phổ biến và áp dụng vào sản xuất là cần thiết. Kết quả nuôi cho thấy giống giun Pont.*Corethrurus* có khả năng sinh trưởng và phát triển, thích ứng tốt với điều kiện nuôi tại các hộ gia đình. Mô hình đã đem lại hiệu về mặt kinh tế và xã hội cho các hộ gia đình tham gia dự án; giải quyết được những khó khăn mà các hộ đang gặp phải về vấn đề thức ăn và xử lý môi trường. Trong khuôn khổ của dự án, đã hoàn thiện được 01 bản hướng dẫn kỹ thuật nuôi giống giun Pont.*Corethrurus* phù hợp với quy mô hộ gia đình.

Số hồ sơ lưu: NVCS103/2021

86060. 05-2023. **Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nuôi dê lai (Boer x Bách Thảo) tại tỉnh Trà Vinh/** TS. Lý Thị Thu Lan, TS. Nguyễn Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Anh Thư; ThS. Danh Út; CN. Kiều Minh Chơn; CN. Nguyễn Văn Nói; CN. Nhan Hoài Phong; CN. Phạm Lý Hải - Trà Vinh - Viện Phát triển nguồn lực, 2022; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận 05 quy trình kỹ thuật liên quan đến chăn nuôi dê phù hợp với điều kiện của tỉnh Trà Vinh. Xây dựng 01 mô hình nuôi dê lai (Boer x Bách Thảo) thương phẩm cho năng suất thịt cao, tăng trên 15 phần trăm so với giống dê địa phương. Đồng thời đào tạo 15 kỹ thuật viên và tập huấn được 100 lượt người dân về kỹ thuật nuôi, chăm sóc, phòng trị bệnh và sản xuất

thức ăn cho dê và xây dựng 02 cơ sở thu mua và giết mổ dê thịt.

Số hồ sơ lưu: 21255

40402. Tài nguyên rừng

86202. 05-2023. **Các yếu tố ảnh hưởng đến mật độ vi khuẩn chỉ thị phân (FIB) ở hệ sinh thái rừng ngập mặn cửa sông Hồng, Bắc Việt Nam: tác động của con người và biến đổi khí hậu/** TS. Nguyễn Thị Mai Hương, ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Hoàng Trung Kiên; ThS. Nguyễn Bích Thủy; TS. Hoàng Văn Vinh; KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Lê Như Đa - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2022; 04/2017 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mức độ đa dạng và phân bố của vi khuẩn chỉ thị phân (FIB) theo thời gian và không gian trong Rừng ngập mặn Vườn quốc gia Xuân Thủy; Xây dựng cơ sở dữ liệu về FIB trong Rừng ngập mặn Vườn quốc gia Xuân Thủy. Xác định nguyên nhân gây ô nhiễm FIB và các yếu tố môi trường (khí hậu, dinh dưỡng, nguồn thải...) góp phần gia tăng gây nhiễm khuẩn FIB trong Rừng ngập mặn cửa sông Hồng; Đánh giá phản ứng của vi khuẩn chỉ thị phân (FIB) với những thay đổi của môi trường, bao gồm tác động của tự nhiên và hoạt động của con người; từ đó phát triển hiểu biết toàn diện về các mối liên hệ giữa chế độ khí hậu - thủy văn và các quá trình sinh hóa của hệ sinh thái Rừng ngập mặn sông Hồng, các tác động của con người tới động thái của FIB; Đưa ra cảnh báo nguy cơ ô nhiễm

cũng như đề ra một số giải pháp trong quản lý và bảo vệ môi trường hệ sinh thái Rừng ngập mặn cửa sông Hồng nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Số hồ sơ lưu: 21291

Số hồ sơ lưu: BTE-180-2022

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

85777. 05-2023. **Khai thác và phát triển nguồn gen cá song chanh (*Epinephelus malabaricus* Bloch&Schneider, 1801)**/ ThS. Hoàng Nhật Sơn, ThS. Bùi Văn Diên; KS. Phạm Văn Thìn; ThS. Đỗ Xuân Hải; ThS. Vũ Đình Thúy; KS. Trần Trọng Lượng; ThS. Nguyễn Đức Tuấn; KS. Đoàn Bá Thi; ThS. Lê Minh Toán; KS. Bùi Mỹ Ánh - Hải Phòng - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2020; 06/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng đàn cá bố mẹ, cá hậu bị. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất giống cá song chanh, với một số chỉ tiêu (tỷ lệ chuyển giới tính > 70%, tỷ lệ thành thực >70%, tỷ lệ đẻ >50%, tỷ lệ thụ tinh >60%, tỷ lệ nở thành cá bột >80%, tỷ lệ sống từ cá bột lên cá hương (2-3 cm/con) \geq 2%, tỷ lệ sống từ cá hương lên cá giống (5-7 cm/con) > 80%). Xây dựng quy trình công nghệ nuôi thương phẩm cá song chanh đạt năng suất cao và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, một số chỉ tiêu (tỷ lệ sống >60%, khối lượng trung bình >1kg/con).

Số hồ sơ lưu: 21174

86068. 05-2023. **Hoàn thiện quy trình công nghệ ương giống cá tra/** ThS. Trần Hữu Phúc, KS. Võ Thị Hồng Thắm; KS. Phạm Đăng Khoa; ThS. Nguyễn Thị Đang; KS. Trần Thị Mộng Nghi; KS. Nguyễn Huỳnh Duy; CN. Hà Thị Ngọc Nga; KS. Nguyễn Trung Ký; KS. Huỳnh Thị Bích Liên; ThS. Đặng Văn Trường - Tiền Giang - Trung tâm quốc gia Giống Thủy sản nước ngọt Nam Bộ, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình ương cá tra bột lên cá hương đạt tỷ lệ sống, năng suất và chất lượng cao qui mô thực nghiệm - Cụ thể, thực nghiệm các giải pháp tổng hợp để nâng cao năng suất và tỷ lệ sống ở giai đoạn ương cá tra bột lên cá hương trên bể và kiểm nghiệm lại quy trình ương nuôi. Tiến tới xây dựng mô hình ứng dụng quy trình sản xuất cá hương ở quy mô sản xuất hàng hóa và tiến hành tập huấn quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá tra hương chất lượng cao cho cán bộ kỹ thuật của công ty

Số hồ sơ lưu: 21249

86142. 05-2023. **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực Nam Bộ/** ThS. Nguyễn Hữu Thanh, ThS. Đặng Văn Trường; ThS. Trần Văn Nhiên; ThS. Trần Hữu Phúc - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát và thu thập bổ sung 3 nguồn gen thủy hải sản gồm 20 cá thể cá hồ sọc nhỏ (*D. undecimradiatus*), 20 cá thể cá sừ

(*B. microlepis*), 20 cá trê Phú Quốc (*C. gracilentus*). Các loài thích nghi tương đối tốt với điều kiện nuôi nhốt, tỷ lệ sống sau khi thuần dưỡng dao động từ 90 - 100%, tùy vào từng loài. Lưu giữ an toàn tổng số 8 nguồn gen (346 cá thể) các loài thủy hải sản bằng phương pháp ex-situ. Tỷ lệ sống của các nguồn gen đạt cao từ 93,7%- 100% (ngoại trừ móng tay chúa chỉ đạt 48,3%). Đánh giá sơ bộ 8 nguồn gen gồm đặc điểm hình thái, thích nghi, thuần dưỡng và sinh trưởng. Đánh giá chi tiết về các đặc điểm sinh học sinh của 3 nguồn gen bao gồm cá dứa, trê PQ và cá sừ. Thăm dò sinh sản nhân tạo đối với cá hồ sọc nhỏ.

Số hồ sơ lưu: 21273

40503. Bệnh học thủy sản

86325. 05-2023. “Nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật có khả năng ức chế *Vibrio parahaemolyticus* gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND) trên tôm thẻ chân trắng nuôi tôm thương phẩm tại Ninh Thuận/ ThS. Dư Ngọc Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Minh - Ninh Thuận - Trung tâm Giống Hải sản cấp I Ninh Thuận, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân lập, định danh, xác định chủng vi khuẩn là tác nhân gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND) ở tôm thẻ chân trắng nuôi thương phẩm tại Ninh Thuận và xác định độc lực của chúng đối với tôm thẻ chân trắng (LD50). Xác định khả năng ức chế vi khuẩn *V. parahaemolyticus* đã phân lập được từ những mẫu tôm bệnh AHPND tại

Ninh Thuận của chủng vi khuẩn *Bacillus polyfermenticus* F27 (hoặc chủng vi khuẩn *Bacillus* tiềm năng khác có khả năng ức chế *V. parahaemolyticus*). Xác định khả năng ức chế vi khuẩn *V. parahaemolyticus* đã phân lập được từ những mẫu tôm bệnh AHPND tại Ninh Thuận của chủng vi khuẩn *Bacillus polyfermenticus* F27 (hoặc chủng vi khuẩn *Bacillus* tiềm năng khác có khả năng ức chế *V. parahaemolyticus*). Khảo sát, thử nghiệm tính hiệu quả của 2 loại chế phẩm vi sinh dùng xử lý nước nuôi tôm và trộn thức ăn hỗ trợ tiêu hóa nhằm hạn chế bệnh AHPND trong điều kiện nuôi tôm thí nghiệm quy mô bể 1,5 m³. Thử nghiệm tính hiệu quả của 2 loại chế phẩm vi sinh dùng xử lý nước nuôi tôm và trộn thức ăn hỗ trợ tiêu hóa nhằm phòng bệnh AHPND ngoài ao nuôi tôm thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: NTN-014-2021

40504. Nuôi trồng thủy sản

75434. 05-2023. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chạch bùn (*Misgurnus alquilicaudatus*) trên địa bàn tại Hải Dương/ ThS Hoàng Thị Dung; KS Vũ Thị Kim Hoa; KS Phạm Văn Tình; KS Hoàng Quý Hưng; KS Phan Thành Thiêm; ThS Phạm Minh Thu; CN Vũ Thị Dịu; KS Phan Thị Thảo - tỉnh Hải Dương - Chi cục thủy sản Hải Dương, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chạch bùn trong ao với quy mô 2ha tại huyện Gia Lộc, tỉnh

Hải Dương, kích cỡ cá thả: 3-4 cm/con (0,2-0,5 g/con), mật độ nuôi: 40 con/m², lượng giống thả: 800.000 con, nuôi chuyên canh. Tốc độ tăng trưởng của đàn cá tại các ao nuôi tương đối đồng đều, sau 120 ngày nuôi cá Chạch bùn đạt kích cỡ thương phẩm, khối lượng từ 29,62 đến 32,51 gam/con (tương ứng với mẫu 30-35con/kg), chiều dài tương ứng từ 17,71-18,65 cm/con. Đồng thời Hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm cá Chạch bùn trong ao phù hợp điều kiện tỉnh Hải Dương là cơ sở phục vụ cho việc nhân rộng trên toàn tỉnh. về cơ cấu giống thả, độ sâu mực nước, chế độ thức ăn. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 01HD.2019

76487. 05-2023. **Ứng dụng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi cá nước ngọt theo hướng công nghệ cao "Sông trong ao" trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** ThS. Đỗ Văn Sáng; Nguyễn Thanh Tùng; Vũ Thị Mai; Lê Văn Việt; Vũ Thị Mai; Tăng Thị Hạnh; Nguyễn Thành Long; Phạm Văn Chung. - UBND huyện Gia Lộc - UBND huyện Gia Lộc, 2019; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi cá cá nước ngọt theo hướng công nghệ cao "Sông trong ao". Đồng thời hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi cá công nghệ cao "Sông trong ao" phù hợp với điều kiện huyện Gia Lộc (bao gồm hồ sơ thiết kế ao nuôi theo công nghệ cao "Sông trong ao" và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản

lý, điều hành sản xuất và truy nguyên nguồn gốc). Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 16HD.2019

83349. 05-2023. **Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm tôm đồng *Macrobrachium lanchesteri* phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương/** ThS Vũ Thị Kim Hoa, Hoàng Thị Dung; Phạm Văn tình; Hoàng Quý Hưng; Hà Văn Quốc; Nguyễn Thị Thanh Vân; Vũ Thị Dịu; Đặng Thị Hiền; Bùi Duy Hưng; Phan Thành Thiêm - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hải Dương - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm tôm đồng *Macrobrachium lanchesteri* phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương tại 03 xã Ngọc Kỳ, Hưng Đạo, Quảng Nghiệp - Tứ Kỳ theo phương thức nuôi chuyên canh với tổng diện tích nuôi 20.000m², tổng số lượng giống thả 600 vạn con, sau 2,5 – 3 tháng nuôi, đạt kích cỡ thương phẩm 4,2-5,2gram/con; tỷ lệ sống đạt được từ 60-70%; hệ số thức ăn thấp từ 1,26-1,34; sản lượng đạt 16.518,78 kg, năng suất đạt được hơn 8 tấn/ha. Hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm Tôm đồng *Macrobrachium lanchesteri* phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 09HD.2021

83627. 05-2023. **Tiếp nhận kỹ thuật sản xuất giống cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus*) trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** Đào Văn Thượng; Nguyễn Hữu Hỷ; Đặng Ngọc Bắc; Hồ Xuân Võ; Trịnh Huy Đăng; Bùi Thị Ngọc - Công ty Cổ phần giống cây trồng Hải Dương - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hải Dương, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo đàn cá bố mẹ giống cá nheo Mỹ đủ tuổi thành thực có thể tham gia sinh sản, đảm bảo về kiểu hình và kích cỡ với quy mô 500 cá bố, mẹ tại Trung tâm Nghiên cứu và Nhân giống thủy sản Tứ Kỳ. Đồng thời tổ chức tiếp nhận các quy trình kỹ thuật (bao gồm 6 quy trình: Kỹ thuật tái sản xuất quần đàn cá bố mẹ; Kỹ thuật tuyển chọn đàn và nuôi vỗ cá bố mẹ; Kỹ thuật chọn cá bố mẹ cho đẻ và kích thích sinh sản; Kỹ thuật thụ tinh và ấp nở trứng ra cá bột; Kỹ thuật ương cá bột lên cá hương; Kỹ thuật ương cá hương lên cá giống). Sản xuất giống cá nheo mỹ với quy mô: 100.000 con cá giống tại Trung tâm Nghiên cứu và Nhân giống thủy sản Tứ Kỳ; xã Quang Phục – huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương. Tái sản xuất quần đàn cá bố mẹ hậu bị quy mô 300 – 600 con để duy trì mô hình.

Số hồ sơ lưu: 17HD.2021

85890. 05-2023. **Ứng dụng công nghệ sản xuất giống tôm chân trắng chất lượng cao và nuôi thâm canh sử dụng các chế phẩm sinh học đạt năng suất cao và bền vững tại Thái Bình/** KS. Phạm Văn

Cửu, Đỗ Quang Ba; Vũ Văn Cửa; Bùi Thị Bích; Phạm Thị Tuyết - Thái Bình - Công ty TNHH Phương Nam, 2022; 09/2019 - 05/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận thành công các quy trình kỹ thuật công nghệ; sản xuất tôm giống, nuôi thương phẩm tôm chân trắng sử dụng chế phẩm sinh học đạt năng suất cao và bền vững; Xây dựng thành công mô hình sản xuất giống từ nguồn tôm bố mẹ chọn giống trong nước với các chỉ tiêu: Số lượng mô hình, cơ sở sản xuất, số lượng Nauplius; Số lượng thành công mô hình nuôi thâm canh tôm chân trắng sử dụng chế phẩm sinh học.

Số hồ sơ lưu: 21231

86034. 05-2023. **Xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá bè đưng (*Gnathanodon speciosus* Forsskal, 1775) trong lồng bằng thức ăn công nghiệp tại Khánh Hòa./** Võ Thế Dũng, - KS. Lê Hồng Tuấn - TS. Trương Quốc Thái - KS. Nguyễn Văn Cảnh - Hà Đăng Khoa - ThS. Võ Thị Dung - TS. Nguyễn Thị Thanh Thùy - ThS. Trần Trọng Tấn - Trần Chí Toàn - Nha Trang - Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 3, 2022; 10/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quy trình nuôi cá bè đưng thương phẩm trong lồng với mật độ ban đầu là 80-90 con/m². con giống kích thước 5-6cm, cho ăn bằng thức ăn công nghiệp thời gian đầu cho ăn 3 lần/ngày, sau giảm xuống 2 lần/ngày. Mô hình nuôi cá bè đưng

thương phẩm đạt năng suất 8,9 - 9,7 kg/m³, kích thước cá đạt 0,7kg/con.tỷ lệ sống >80%, FCR =2,3 sau 12 tháng nuôi

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/327

86112. 05-2023. **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm rươi (*Tylorrhynchus heterochaetus*) quy mô hàng hóa/** ThS. Cao Văn Hạnh, Phạm Đăng Tuấn; Phạm Văn Thức; Nguyễn Thị Tho; Lê Minh Toán; Phạm Văn Hoàng; Vũ Văn Lương - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 01/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất rươi giống quy mô hàng hóa (được Hội đồng nghiệm thu đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật) đạt: Tỷ lệ rươi bố mẹ thành thực >80%; Tỷ lệ đẻ >15%; Tỷ lệ sống đến giai đoạn giống (>1,0 cm/con) >15%; - Xây dựng được dự thảo tiêu chuẩn giống rươi; Xây dựng quy trình công nghệ nuôi rươi trong bể quy mô hàng hóa (được Hội đồng nghiệm thu đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật) đạt: Tỷ lệ sống >80%; Năng suất đạt 1,0 kg/m²/vụ; Không nhiễm tác nhân gây bệnh cho tôm và đảm bảo VSATTP cho người; Xây dựng quy trình công nghệ nuôi rươi trong ao quy mô hàng hóa (được Hội đồng nghiệm thu đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật) đạt: Tỷ lệ sống >70%; Năng suất đạt 0,7 tấn/ha/vụ; Không nhiễm tác nhân gây bệnh cho tôm và đảm bảo VSATTP cho người. Sản xuất 20 triệu con giống cỡ 1-1,2cm/con, 5 tấn rươi thương

phẩm/vụ (02 mô hình kỹ thuật nuôi trong ao vào trong bể), cỡ 0,8-1,0g/con. Đào tạo 30 cán bộ kỹ thuật của >15 cơ sở nuôi rươi thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 21263

86228. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ nhằm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất tôm - lúa vùng ven biển Tây đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)/** ThS. Doãn Văn Huế, ThS. Tống Đình Quyết; PGS.TS. Tô Văn Thanh; GS.TS. Tăng Đức Thắng; TS. Nguyễn Đình Vượng; ThS. Nguyễn Trọng Tuấn; ThS. Lê Thị Vân Linh; ThS. Tiến Thị Xuân Ái; ThS. Phan Quý Anh Tuấn; ThS. Doãn Quốc Quyền; KS. Tô Duy Hoàn; KS. Phạm Văn Thuận - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2022; 11/2018 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng hạ tầng kỹ thuật phục vụ canh tác tôm-lúa vùng ven biển Tây ĐBSCL; Đề xuất được giải pháp công nghệ hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật canh tác tôm-lúa; Đề xuất được giải pháp quản lý vận hành hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật canh tác tôm-lúa; Thiết kế, xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho 02 mô hình tôm-lúa, quy mô 40ha/mô hình.

Số hồ sơ lưu: 21309

86249. 05-2023. **Nuôi thương phẩm tôm càng xanh trong ao đất tại huyện Tuyên Hóa/** KS. Lê Thị Hồng Diễm; Nguyễn Đức Dũng; Hoàng Quốc Dũng; Võ Thị Thành. -

Hợp tác xã trồng rừng, Nuôi trồng thủy sản và dịch vụ Nông nghiệp xã Văn Hóa - Hợp tác xã Trồng rừng, Nuôi trồng thủy sản và dịch vụ Nông nghiệp xã Văn Hóa, 2022; 12/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển, thích nghi và hiệu quả kinh tế của giống tôm càng xanh trong ao đất trên địa bàn xã Văn Hóa, huyện Tuyên Hóa. - Hoàn thiện quy trình nuôi thương phẩm tôm càng xanh trong ao đất phù hợp với điều kiện tại địa phương để chuyển giao nhân rộng trên toàn huyện. Khảo sát thực tế, xây dựng thuyết minh. Xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thương phẩm trong ao đất trên diện tích 0,5 ha, theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng phát triển, bệnh dịch, năng suất để đánh giá khả năng thích nghi và hiệu quả kinh tế. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nuôi tôm càng xanh thương phẩm trong ao đất phù hợp với địa phương.

Số hồ sơ lưu: 10/2022- QLKH-CN

86424. 05-2023. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nuôi trồng và tiêu thụ một số sản phẩm thủy sản vùng ven biển Thanh Hóa/** TS. Lê Thị Minh Huệ, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng nuôi trồng và tiêu thụ một số sản phẩm thủy sản vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng mô hình liên kết nuôi trồng và tiêu thụ một số sản phẩm thủy sản vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. Đề

xuất các giải pháp phát triển nuôi trồng và tiêu thụ một số sản phẩm thủy sản vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa. Với mục đích khai thác lợi thế của vùng ven biển nhằm phát triển các loại thủy sản thích hợp, thực hiện chiến lược tái cơ cấu ngành của tỉnh Thanh Hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và thúc đẩy phát triển tiêu thụ thủy sản vùng ven biển theo hướng bền vững. Đề tài sẽ triển khai nghiên cứu thực tế tình hình nuôi trồng và tiêu thụ một số sản phẩm thủy sản nói chung và xây dựng cụ thể mô hình liên kết nuôi trồng và tiêu thụ tôm thẻ chân trắng, ngao Bến Tre đáp ứng yêu cầu tiêu thụ thủy sản nội địa và xuất khẩu.

Số hồ sơ lưu: THA-038-2022

86439. 05-2023. **Xây dựng mô hình sản xuất giống cá sặc rằn đạt năng suất, chất lượng cao và mang lại hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp/** KS. Đỗ Phước Thành; KS. Lê Tấn Đạt; KS. Huỳnh Thanh Long - Trung tâm Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao Đồng Tháp - Trung tâm Ứng dụng Nông nghiệp Công nghệ cao Đồng Tháp, 2020; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Trong những năm gần đây nghề nuôi thủy sản đã trở thành mũi nhọn của tỉnh Đồng Tháp, với các đối tượng nuôi phổ biến như: tôm càng xanh, cá tra, cá điêu hồng... Hiện nay nghề nuôi cá sặc rằn ở mức thâm canh rất cao và kỹ thuật nuôi không ngừng được cải tiến. Bên cạnh đó, đòi hỏi con giống phải chất lượng cao góp phần giảm giá thành sản

xuất năng cao giá trị lợi nhuận trên cùng đơn vị diện tích. Để tạo nên thành công đó cần có một dự án về sản xuất con giống nâng cao chất lượng, giảm rủi ro trong ương nuôi. Vì vậy, cần thực hiện dự án "Xây dựng mô hình sản xuất giống cá sặc rằn đạt năng suất, chất lượng cao và mang lại hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp".

Số hồ sơ lưu: DTP-2022-12

86446. 05-2023. **Ứng dụng tiến bộ KH&CN nuôi trai nước ngọt tại Thanh Hóa/ TS.** Đậu Quang Vinh, Hoàng Ngọc Thảo; Cung Thị Lý; Lê Văn Ninh; Đào Văn Hồng - Thanh Hóa - Công ty TNHH Hiệp Hưng, 2020; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Dự án thành công sẽ cung cấp quy trình nuôi nước ngọt cho người lao động động, tạo việc làm mới cũng như sự phong phú các đối tượng nuôi nước ngọt và cung cấp sản phẩm mới cho thị trường trong tỉnh và hướng đến xuất khẩu. Góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong tự nhiên; Góp phần làm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích nuôi trồng thủy sản tại các thủy vực.

Số hồ sơ lưu: THA-041-2022

86456. 05-2023. **Nghiên cứu đánh giá và đề xuất phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững cho huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh/ TS.** Nguyễn Văn Tú, ThS. Lê Thị Trang; ThS. Lê Thị Nguyệt Nga; ThS. Trần Thị Lan Anh; TS. Trương Quốc Thái; CN.

Phan Doãn Đăng; CN. Lương Đức Thiện; CN. Trần Văn Tiến; ThS. Lê Văn Thọ; CN. Lê Thị Cẩm Hà - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới, 2021; 07/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Góp phần phát triển nghề nuôi trồng thủy sản cho huyện Cần Giờ Tp. HCM theo hướng bền vững. Đánh giá hiện trạng hoạt động nuôi trồng thủy sản và những nguy cơ thiếu bền vững ở một số mô hình nuôi trồng thủy sản điển hình của huyện Cần Giờ. Đề xuất các tiêu chí nuôi trồng thủy sản bền vững cho huyện Cần Giờ, thiết lập các tiêu chí bền vững cho một số mô hình nuôi trồng thủy sản điển hình. Thử nghiệm một số mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững cho huyện Cần Giờ. Đánh giá khả năng phát triển và nhân rộng của các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững cho huyện Cần Giờ.

Số hồ sơ lưu: HCM-078-2022

40506. Quản lý và khai thác thủy sản

85811. 05-2023. **Nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thất sản phẩm sau thu hoạch của tàu khai thác xa bờ (nghề chụp, lưới vây, lưới rê, kéo đôi, câu cá ngừ đại dương)/ TS.** Bùi Thị Thu Hiền, ThS. Phạm Thị Diễm; TS. Nguyễn Khắc Bát; ThS. Phan Thị Hương; ThS. Đặng Văn An; ThS. Phạm Văn Tuyên; ThS. Vũ Thị Quyên; KS. Nguyễn Văn Thành; TS. Nguyễn Việt Nghĩa; TS. Đặng Tất Thành; CN. Nguyễn Thanh Bình; KS. Vũ

Xuân Sơn; CN. Bùi Thị Minh Nguyệt; CN. Lê Anh Tùng; CN. Trần Thị Hương; TS. Lê Mạnh Hùng - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí để đánh giá tổn thất sản phẩm trên tàu khai thác xa bờ (nghề chụp, lưới vây, lưới rê, kéo đôi và câu cá ngư đại dương). Đánh giá thử nghiệm bằng Bộ tiêu chí mức độ tổn thất sau thu hoạch một số sản phẩm thủy sản chủ lực của tàu khai thác xa bờ (nghề chụp, lưới vây, lưới rê, kéo đôi và câu cá ngư đại dương). Đề xuất các giải pháp giảm tổn thất sau thu hoạch đối với tàu cá xa bờ ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 21181

86207. 05-2023. **Nghiên cứu dự báo ngư trường khai thác nguồn lợi cá nổi nhỏ ở biển Việt Nam/** TS. Bùi Thanh Hùng, PGS.TS. Đoàn Văn Bộ; ThS. Nguyễn Hoàng Minh; TS. Nguyễn Văn Hương; TS. Nguyễn Khắc Bát; TS. Vũ Việt Hà; TS. Nguyễn Việt Nghĩa; TS. Nguyễn Phi Toàn; PGS.TS. Nguyễn Xuân Huân; TS. Hà Thị Thanh Hương - Hải Phòng - Viện nghiên cứu hải sản, 2021; 06/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng, phát triển, hoàn thiện và cập nhật hệ thống thông tin các cơ sở dữ liệu phục vụ dự báo ngư trường khai thác nguồn lợi cá nổi nhỏ ở biển Việt Nam; Nghiên cứu các cơ sở khoa học xây dựng và phát triển quy trình công nghệ dự báo ngư trường khai thác cá nổi nhỏ hạn mùa

và tháng ở biển Việt Nam; Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống công cụ dự báo cấu trúc các trường hải dương và dự báo ngư trường khai thác cá nổi nhỏ ở biển Việt Nam; Nghiên cứu triển khai các mô hình và quy trình dự báo ngư trường khai thác cá nổi nhỏ (hạn mùa, hạn tháng, giai đoạn 2019-2020), kiểm chứng và đánh giá hiệu quả các bản dự báo ngư trường.

Số hồ sơ lưu: 21300

86322. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ, đội tàu khai thác thủy sản trên vùng biển xa phù hợp với nghề cá hiện nay của tỉnh Ninh Thuận/** Trần Gia Thái, - Ninh Thuận - Đại học Nha Trang, 2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình quy hoạch tối ưu nghề cá và dựa trên cơ sở đó xác định số lượng và cơ cấu hợp lý cho đội tàu khai thác hải sản của tỉnh Ninh Thuận hiện tại. Xác định quy mô đội tàu mẹ - tàu con đảm bảo an toàn, hiệu quả và dựa trên cơ sở đó thiết kế các mẫu tàu mẹ làm dịch vụ hậu cần phù hợp nghề cá xa bờ Ninh Thuận. Tổ chức triển khai thực tế đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình tổ đội khai thác - dịch vụ hậu cần dưới dạng đội tàu mẹ - tàu con. Đề xuất giải pháp duy trì và phát triển bền vững các tổ đội tàu khai thác hải sản.

Số hồ sơ lưu: NTN-011-2021

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

86203. 05-2023. **Khai thác và phát triển nguồn gen cam Thanh Lân tại huyện đảo Cô Tô/** TS. Hoàng Đăng Dũng, TS. Đoàn Văn Lữ; TS. Nguyễn Đình Thi; PGS.TS. Trần Thị Lan Hương; TS. Đoàn Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thị Năng; ThS. Nguyễn Thế Thập; ThS. Nguyễn Văn Hà; TS. Vũ Thanh Hải; ThS. Vũ Thị Xuân Bình - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 10/2017 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bản mô tả đặc điểm nông sinh học nguồn gen cam Thanh Lân. Tuyển chọn và lưu giữ tại chỗ được 10 cây đầu dòng, sạch bệnh. Xây dựng được vườn lưu giữ giống gốc S0 và vườn cây mẹ cung cấp mắt ghép sạch bệnh S1 đáp ứng yêu cầu nhân giống phát triển sản xuất (20 cây S0 và 100 cây S1). Xây dựng vườn ươm nhân giống sạch bệnh và nhân được 10.000 cây giống. Xây dựng mô hình trồng và chăm sóc giống cam Thanh Lân quy mô 10 ha. Mô hình thâm canh/cải tạo: 5 ha, tăng năng suất 15%. Hoàn thiện 01 quy trình trồng và chăm sóc cam Thanh Lân.

Số hồ sơ lưu: 21295

86205. 05-2023. **Nghiên cứu một số giải pháp khoa học nhằm nâng cao năng suất và chất lượng hạt giống sâm Ngọc Linh tại Kon Tum/** TS. Đinh Xuân Tú, TS. Vũ Duy Dũng; TS. Nguyễn Minh Lý; ThS. Nguyễn Thị Dung; KS. Nguyễn

Văn Phương; KS. Dương Thị Yên; KS. Nguyễn Phúc Quân; KS. Vũ Đức Thanh; KS. Tống Văn Anh; KS. Lê Văn Khoa - Hà Nội - Trung tâm ươm tạo và hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 2021; 02/2019 - 07/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được đặc điểm sinh học quá trình sinh sản hữu tính cây sâm Ngọc Linh bao gồm: đặc điểm hình thái, cấu trúc hoa, hạt phấn, khả năng sống của hạt phấn, quá trình thụ tinh thụ phấn ở hoa sâm Ngọc Linh; Xác định được các biện pháp kỹ thuật nâng cao năng suất và chất lượng hạt giống; Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở hạt giống và cây giống từ hạt; Xây dựng mô hình thử nghiệm sản xuất hạt giống và cây giống tại tỉnh Kon Tum.

Số hồ sơ lưu: 21297

86280. 05-2023. **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen 14 giống Nopal tại Ninh Thuận/** KS. Huỳnh Văn Hiếu, - Ninh Thuận - Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Ninh Thuận, 2018; 04/2015 - 03/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng vườn ươm giống Nopal với diện tích 500m² (sử dụng nhà lưới hiện có của Trung tâm) để bố trí ươm giống. Tiếp nhận 14 giống Nopal, với số lượng 903 hom giống từ Viện Nghiên cứu và Phát triển vùng - Bộ Khoa học và Công nghệ. Xây dựng mô hình bảo tồn và lưu giữ 14 giống Nopal trong 3 năm (từ năm 2015-2018) tại Xưởng sản xuất thực nghiệm thuộc Trung tâm Thông tin - Ứng dụng tiến bộ Khoa

học và công nghệ Ninh Thuận. Tiến hành theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển của 14 giống xương rồng Nopal trong 3 năm (từ năm 2015-2018).

Số hồ sơ lưu: NTN-012-2021

86281. 05-2023. **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài lan rừng (Ochidaceae) đặc trưng, quý hiếm tại vườn quốc gia Núi Chúa, tỉnh Ninh Thuận/ CN.** Nguyễn Tường Giao, ThS. Trần Hải Đông ThS. Trần Văn Tiếp; ThS. Nguyễn Như Hiến; ThS. Nguyễn Thành Trung; KS. Từ Công Ty; ThS. Nguyễn Lê Văn; Nguyễn Văn Hùng; CN. Nguyễn Ngọc Anh Thi; KS. Phạm Thị Loan; KS. Nguyễn Khắc Giác; CN. Trần Ngọc Hiếu - Ninh Thuận - Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát về số lượng loài, khu vực phân bố, cập nhật bổ sung vào danh lục lan rừng của Ban quản lý (BQL) Vườn quốc gia Núi Chúa. Đánh giá chi tiết nguồn gen 30 loài lan rừng theo các chỉ tiêu sinh học như đặc điểm hình thái thân, lá, hoa, thời điểm ra hoa, mức độ sinh trưởng, phát triển.... Thu thập trong rừng tự nhiên (thuộc phạm vi quản lý BQL Vườn quốc gia Núi Chúa) 30 loài lan rừng/05 đơn vị mỗi loài, đưa về vườn lan rừng (xây dựng vườn sưu tập lan rừng diện tích 250m²) tại BQL Vườn quốc gia Núi Chúa để bảo tồn ngoại vi (ex situ). Xây dựng quy trình nhân giống 03 loài lan rừng bằng phương pháp nhân giống bằng

hạt và nhân giống in vitro (Xác định môi trường gieo hạt và môi trường để mầm hạt phát triển thành cây con hoàn chỉnh; Xác định môi trường và các yếu tố bổ sung để nuôi cấy, tạo protocorm và cây con in vitro hoàn chỉnh từ protocorm). Xây dựng quy trình đưa cây lan từ ống nghiệm ra vườn (Xác định các điều kiện chăm sóc trong vườn; Theo dõi mức độ sinh trưởng của từng loài lan khi đưa ra vườn).

Số hồ sơ lưu: NTN-016-2021

86324. 05-2023. **Bảo tồn nguồn gen họ nấm linh chi (Ganodermataceae) có nguồn gốc từ Vườn quốc gia Phước Bình/ ThS. Nguyễn Công Vân, - Ninh Thuận - Ban quản lý Vườn Quốc gia Phước Bình, 2020; 11/2016 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra, khảo sát, thu thập bổ sung và tư liệu hóa nguồn họ nấm Linh chi *Ganodermataceae* tại Vườn quốc gia Phước Bình. Bảo tồn an toàn nguồn gen họ nấm Linh chi *Ganodermataceae* có nguồn gốc từ Vườn quốc gia Phước Bình. Đánh giá nguồn họ nấm Linh chi *Ganodermataceae* có nguồn gốc từ Vườn quốc gia Phước Bình. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật và chuyển giao mô hình nuôi trồng nấm Linh chi tại Vườn quốc gia Phước Bình.

Số hồ sơ lưu: NTN-031-2021

499. Khoa học nông nghiệp khác

76490. 05-2023. **Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất lúa theo**

nguyên tắc sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh Hải Dương/ TS. Chu Anh Tiệp, Chu Anh Tiệp; Nguyễn Thị Loan, Phạm Tiến Dũng; Hồ Minh Việt; Đỗ Thị Hương; Đinh Hồng Duyên; Nguyễn Thu Huyền; Phạm Ngọc Thúc - Trung tâm nông nghiệp hữu cơ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Trung tâm nông nghiệp hữu cơ, 2019; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất lúa trong mô hình lúa-rươi và điều kiện đường đất, tập quán canh tác lúa vùng rươi của huyện Tứ Kỳ, lựa chọn địa bàn thực hiện. Xây dựng quy trình xử lý phân hữu cơ truyền thống hiện đang sử dụng địa phương phục vụ sản xuất lúa hữu cơ. Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất lúa theo nguyên tắc sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm gạo nông nghiệp hữu cơ giữa doanh nghiệp với người sản xuất bằng cơ chế đóng góp vốn của doanh nghiệp với HTX. Hợp đồng giữa 3 bên: doanh nghiệp, hợp tác xã và nhà khoa học (Trung tâm nông nghiệp hữu cơ) về việc đảm bảo chỉ đạo kỹ thuật, giám sát quá trình sản xuất và đảm bảo chất lượng cho sản phẩm gạo hữu cơ. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình địa phương áp dụng, nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: 19

83645. 05-2023. **Điều tra hiện trạng, đánh giá khả năng ảnh hưởng của sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Hải Dương và đề xuất giải pháp phòng ngừa, kiểm soát/ TS. Lê Trung Dũng, ThS**

Nguyễn Thanh Vân; PGS; TS Nguyễn Lâm Hùng Sơn; TS Bùi Thu Hà; Nguyễn Quảng Trường; PGS; TSBình Minh Hồng - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra lập danh lục và xác định hiện trạng, phân bố sinh vật ngoại lai xâm hại bao gồm: xác định danh pháp, lập danh lục các loài ngoại lai xâm hại trên các hệ sinh thái. Thu thập mẫu vật loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Hải Dương (13 loài thực vật và 06 loài động vật). Xây dựng bản đồ hiện trạng phân bố loài ngoại lai xâm hại tại địa phương, tỉ lệ 1:500.000 và in 4 bản đồ cung cấp cho 12 huyện, thành phố, thị xã. Đánh giá khả năng ảnh hưởng của loài ngoại lai xâm hại vào các hệ sinh thái nông lâm, ngư nghiệp, đến sức khỏe người dân. Đề xuất các nhóm giải pháp để kiểm soát, giảm thiểu hoặc diệt trừ một số loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 19HD.2021

5. Khoa học xã hội

85616. 05-2023. **Nghiên cứu đề xuất giải pháp để các doanh nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long thực hiện tốt trách nhiệm xã hội/ PGS. TS. Nguyễn Đức Lộc, TS. Nguyễn Thị Tuyết Thanh; TS. Nguyễn Khánh Diệp; ThS. Nguyễn Văn San; ThS. Trương Hữu Hậu; ThS. Tạ Thị Phan; CN. Nguyễn Sơn Thủy; ThS. Hồ Minh Trung; ThS. Vân Thị Mỹ Trang; CN. Phan Thanh Hoàng; CN.**

Nguyễn Xuân Trường - Vĩnh Long - Viện nghiên cứu Đời sống Xã hội, 2022; 05/2020 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài tìm hiểu thực trạng việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Đề xuất giải pháp để các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm xã hội

Số hồ sơ lưu: VLG.TI008.2022-0000274

86512. 05-2023. **Một số giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý khoa học tại tỉnh Thái Nguyên/** TS. Phạm Quốc Chính; ThS. Tạ Ngọc Minh; Trần Thị Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dung; KS. Nguyễn Vinh Quang - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên, 2022; 12/2016 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá công tác quản lý và kết quả của các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên được triển khai trong giai đoạn 2011-2015. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khoa học tại tỉnh Thái Nguyên. Đánh giá công tác quản lý các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khoa học tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn tới. Xây dựng Kỹ yếu các đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015.

Số hồ sơ lưu: TNN-2022-08

86518. 05-2023. **Nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú có nguy hiểm về cháy, nổ trên địa bàn thành phố Nha Trang./** Đường Trung Thành, - KS. Hứa Vũ Bình - ThS. Đỗ Vũ Hồng Minh - KS. Nguyễn Văn Bằng Thanh - KS. Vũ Thị Hoa - ThS. Vũ Xuân Du - KS. Điền Xuân Hùng - KS. Phạm Sỹ Dược - KS. Nguyễn Trọng Nghĩa - KS. Đỗ Trung Kiên - Nha Trang, Khánh Hòa - Công an tỉnh Khánh Hòa, 2022; 04/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thực trạng công tác phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú có nguy hiểm về cháy, nổ trên địa bàn thành phố Nha Trang. Tổ chức tuyên truyền, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; tổ chức diễn tập, thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú có nguy hiểm về cháy, nổ trên địa bàn thành phố Nha Trang. Hoàn thành Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/328

86519. 05-2023. **Xây dựng và triển khai các bài tập tình huống quản lý nhà nước phục vụ cho chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và chuyên viên chính**

tại Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa./ Nguyễn Văn Thắng, - ThS. Đỗ Thị Ánh Nguyệt - ThS. Lê Thị Kim Chung - ThS. Đặng Thịnh - ThS. Nguyễn Thị Lệ Hằng - ThS. Trần Thị Khánh Hòa - ThS. Đặng Thịnh - Nha Trang, Khánh Hòa - Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa, 2022; 03/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Cơ sở lý luận về xây dựng và áp dụng tình huống quản lý nhà nước trong dạy và học chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước. Xây dựng các bài tập tình huống quản lý nhà nước phục vụ chương trình bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng tại trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa. Xây dựng các bài tập tình huống quản lý nhà nước phục vụ chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính tại trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa. Xây dựng các bài tập tình huống quản lý nhà nước phục vụ chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên tại trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/329

50101. Tâm lý học nói chung

86495. 05-2023. **Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng có trách nhiệm của thanh niên/** TS. Lê Đình Minh Trí, TS Nguyễn Ngọc Duy Phương; TS Võ Tường Huân; TS Kiều Anh Tài; ThS Nguyễn Tấn Minh; HVCH Đỗ Hoàng Huy; HVCH Nguyễn Thị Thùy Trang; SV Nguyễn Thị Minh Thư - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và

Công nghệ Trẻ, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm hiểu về hành vi tiêu dùng có trách nhiệm của thanh thiếu niên Việt Nam. Kết quả của các nghiên cứu giúp chúng ta hiểu thêm về các yếu tố ảnh hưởng đến các khía cạnh của hành vi tiêu dùng có trách nhiệm theo thang đo EMCB này, đặc biệt là các yếu tố nhân khẩu học. kết quả nghiên cứu giúp hiểu rõ hành vi tiêu dùng có trách nhiệm của người dân Việt Nam nói chung và giới trẻ nói riêng, giúp chính quyền và các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là các tổ chức thanh thiếu niên có thể hiểu rõ và vận dụng các kiến thức này trong việc thiết kế các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi trường, về tiêu dùng xanh, tiêu dùng có đạo đức. Góp phần tăng sự hiểu biết của các công ty về đối tượng khách hàng trẻ của mình, giúp nâng cao hiệu quả các chiến lược truyền thông, các hoạt động kinh doanh có liên quan đến bảo vệ môi trường. nâng cao chất lượng sống xanh cũng nên được khuyến khích.

Số hồ sơ lưu: HCM-073-2022

86500. 05-2023. **Tác động của nhận thức, niềm tin và cảm xúc đến tính tuân thủ thuế của người nộp thuế tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Mạnh Hoài Vũ, ThS. Nguyễn Thị Bích Vân; TS. Nguyễn Cửu Đình; ThS. Nguyễn Thị Thu Vân; ThS. Ngô Thị Ngọc Thủy; ThS. Lý Ngọc Phượng - Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ Trẻ, 2020;

12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu này hướng đến việc xác định và đo lường sự tác động của cảm xúc và niềm tin của người nộp thuế đối với tính tự giác tuân thủ thuế của họ, qua đó giúp các cơ quan thuế hiểu được thực trạng và có giải pháp nhằm nâng cao tính tự giác tuân thủ thuế của cá nhân cũng như tổ chức tại Việt Nam. Xác định sự tác động của cảm xúc và niềm tin của các cá nhân và tổ chức tại Việt Nam đối với tính tự giác tuân thủ thuế của họ. Đo lường mức độ tác động của cảm xúc và niềm tin của các cá nhân và tổ chức tại Việt Nam đối với tính tự giác tuân thủ thuế của họ. Đề xuất các hàm ý quản trị nhằm giúp các cơ quan thuế đưa ra các giải pháp, chính sách nâng cao mức độ tuân thủ thuế của các cá nhân và tổ chức tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: HCM-071-2022

50102. Tâm lý học chuyên ngành

86160. 05-2023. **Đánh giá hiệu quả mô hình trợ giúp tâm lý xã hội nhằm nâng cao sức khỏe tâm thần trong lao động của nhân viên y tế Việt Nam/** PGS. TS. Bùi Thị Hồng Thái, GS.TS. Trần Thị Minh Đức; PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hằng; TS. Đỗ Thị Lệ Hằng; TS. Nguyễn Thị Hằng Phương; TS. Vũ Thy Cẩm; TS. Đặng Hoàng Ngân - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng khung lý luận trong nghiên cứu về sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế. Đánh giá về tình trạng sức khỏe tâm thần trong lao động của nhân viên y tế, thể hiện ở cả khía cạnh “đau ốm tinh thần” (nguy cơ có trầm cảm, lo âu, căng thẳng, kiệt sức trong công việc) và khía cạnh “khỏe mạnh tinh thần” (qua các chỉ báo về cảm nhận hạnh phúc). Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần trong lao động của nhân viên y tế. Theo đó, nghiên cứu quan tâm đến các yếu tố về đặc điểm tổ chức và tính chất công việc, các đặc điểm nhân khẩu của nhân viên y tế, và các đặc điểm tâm lý của nhân viên y tế. Nghiên cứu các mô hình tác động tâm lý và đánh giá mức độ tác động của các yếu tố vừa nêu đối với sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế. Thực hiện can thiệp và đánh giá hiệu quả can thiệp tâm lý đối với sức khỏe tâm thần của nhân viên y tế thông qua các phiên tham vấn phòng ngừa (cho nhân viên y tế được xác định không có rối nhiễu sức khỏe tâm thần) và các phiên tham vấn can thiệp (cho những nhân viên y tế được xác định có các biểu hiện trầm cảm, lo âu, căng thẳng, suy kiệt trong công việc). Trên cơ sở đó, nghiên cứu hướng tới mục đích đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sức khỏe tâm thần trong lao động của nhân viên y tế.

Số hồ sơ lưu: 21282

86533. 05-2023. **Các mô hình giao dịch việc làm ở thành phố Hồ Chí Minh - thực trạng và xu hướng phát triển/** Nguyễn Tôn Thị

Tường Vân, ThS. Trần Thị Lệ; Nguyễn Thị Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Thị Lê Uyên; ThS. Phạm Hoàng Phước; Hồ Thị Luân; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương; Nguyễn Thái Đăng Hồng Ân; Lê Thị Dung; ThS. Lương Ngọc Thảo; Nguyễn Hải Loan; ThS. Trần Lê Thanh Trúc; ThS. Bùi Quốc Cường - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả những bất hợp lý giữa chính sách và thực tiễn gây thiếu hiệu quả trong hoạt động của các mô hình giao dịch việc làm (thông qua hệ thống hóa quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của các mô hình giao dịch việc làm ở TP.HCM). Hệ thống hóa mạng lưới, đánh giá hiệu quả hoạt động và hạn chế của các mô hình giao dịch việc làm ở TP.HCM. Thông qua phân tích số liệu thống kê và kết quả khảo sát thực tế về lựa chọn sử dụng mô hình và phân tích các yếu tố tác động đến hành vi lựa chọn, từ đề tài đó chỉ ra xu hướng lựa chọn mô hình của người lao động. Đề xuất giải pháp và kiến nghị nhằm định hướng hoạt động của các mô hình giao dịch việc làm phù hợp với xu hướng lựa chọn của người lao động.

Số hồ sơ lưu: HCM-067-2022

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

76488. 05-2023. **Xây dựng mô hình thí điểm về Điểm bán hàng nông sản, thực phẩm an toàn/** Phạm Thanh Hải, Phạm Thanh Hải;

Vũ Công; Vũ Thị Kim Phượng; Nguyễn Văn Thuận; Phạm Văn Việt; Nguyễn Văn Quang; Kiều Bảo Anh; Lê Đức Anh; Lê Minh; Phạm Thuý Trang. - Sở công thương - Sở Công thương, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình thí điểm điểm bán hàng nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn TP. Hải Dương: đề xuất mô hình (mô hình được thực hiện theo một chuỗi liên tiếp gồm các khâu sản xuất, vận chuyển, bảo quản, tiêu thụ), xây dựng quy chế quản lý, quy trình kiểm soát chất lượng, hệ thống nhận diện của điểm bán hàng; thực hiện mô hình điểm bán hàng nông sản, thực phẩm an toàn quy mô 12 điểm trên địa bàn TP. Hải Dương. Xây dựng mạng lưới cung cấp sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn phục vụ cho các điểm bán hàng đã thiết lập; Đề xuất giải pháp thực hiện mô hình gồm một số nhóm giải pháp chủ yếu về chỉ đạo, điều hành; công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao ý thức, nhận thức của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng; chuyên môn kỹ thuật, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; đào tạo, phát triển nguồn lực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện mô hình. Tuyên truyền kết quả thực hiện mô hình.

Số hồ sơ lưu: 17HD.2019

85794. 05-2023. **Việc làm trong phát triển kinh tế biển Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045/** ThS. Nguyễn Thị Hoàng Nguyên, ThS. Lê Thị Lương; ThS. Lưu Quang Tuấn; PGS.TS. Mạc Văn

Tiến; PGS.TS. Nguyễn Hữu Dũng; ThS. Phạm Ngọc Toàn; ThS. Nguyễn Thành Tuấn; ThS. Trần Thị Tuyết Mai; ThS. Ngô Thị Hồng Hà; ThS. Đỗ Thùy Trang - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2022; 01/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận và dự báo nhu cầu việc làm trong phát triển kinh tế biển ở Việt Nam nhằm đề xuất giải pháp chính sách việc làm trong phát triển kinh tế biển Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tạo việc làm trong phát triển kinh tế biển; Phân tích thực trạng việc làm trong phát triển kinh tế biển ở Việt Nam hiện nay; Dự báo nhu cầu và xu hướng việc làm trong phát triển kinh tế biển Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề xuất giải pháp tạo việc làm và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế biển Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: 21177

86185. 05-2023. **Chi phí phúc lợi của lạm phát xu thế trượt trong nền kinh tế có sự bất ổn chính sách: Hoa Kỳ và Việt Nam/** TS. Lê Thanh Hà, PGS.TS. Tô Trung Thành; TS. Đoàn Ngọc Thắng; PGS.TS. Phạm Thế Anh; PGS.TS. Hồ Đình Bảo - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2022; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một mô hình DSGE phù hợp phục vụ cho các mục tiêu nghiên cứu. Một mô hình hoàn thiện sẽ được sử dụng để thực hiện mô

phỏng mối quan hệ tương giữa lạm phát xu hướng thay đổi và rủi ro chính sách ở cả khía cạnh kinh tế lượng và lý thuyết. Mở rộng mô hình ban đầu bằng việc xem xét các kênh truyền tải mới tiềm năng. Cụ thể, kênh tài chính được dự báo là một kênh mà thông qua đó cả lạm phát trượt và rủi ro chính sách sẽ truyền tải tác động của nó tới nền kinh tế. Tiến hành mở rộng nghiên cứu về các mối quan hệ này ở Việt Nam để xác nhận mối quan hệ hoặc các kết luận hiện có. Cung cấp một số hàm ý chính sách để cải thiện chất lượng thực thi chính sách.

Số hồ sơ lưu: 21288

86227. 05-2023. **Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Vai trò của loại hình đầu tư, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và văn hóa quốc gia/** PGS. TS. Nguyễn Thành Hiếu, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Loan; ThS. Chu Tuấn Vũ; ThS. Lưu Ngọc Hiệp; ThS. Hoàng Gia Thịnh - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá sự tác động của các loại hình đầu tư FDI và hiệu quả của các hình thức này đến sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam; Xác định thực thi trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam và tác động của nó đến thúc đẩy đổi mới - sáng tạo, cơ hội thị trường và tăng trưởng kinh tế; Đánh giá sự tác động điều tiết của văn hóa quốc gia đến mối quan hệ giữa môi trường kinh doanh và hiệu quả hoạt động

của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (FDI)

Số hồ sơ lưu: 21312

86240. 05-2023. Tác động của kinh tế ngầm, tỷ lệ đô la hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam/ PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh, PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga; TS. Hồ Thị Lam; TS. Nguyễn Thị Kim Liên; ThS. Bùi Ngọc Toàn; ThS. Thái Duy Tùng; ThS. Đoàn Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Thương; CN. Đinh Song Hà; ThS. Hoàng Văn Luận - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tác động của kinh tế ngầm và các số biến số khác đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Đánh giá tác động của tỷ lệ đô la hóa và các số biến số khác đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Đánh giá tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài và các số biến số khác đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Kiểm định tính ngưỡng của kinh tế ngầm, tỷ lệ đô la hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế. Xem xét mối quan hệ tương tác giữa các biến số kinh tế ngầm, tỷ lệ đô la hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế. Đề xuất các giải pháp, khuyến nghị hạn chế các tác động tiêu cực từ khu vực kinh tế ngầm, tỷ lệ đô la hóa, đầu tư

trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21311

50202. Kinh doanh và quản lý

86076. 05-2023. Phổ biến hướng dẫn và thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho chuỗi cung ứng thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc toàn cầu của GS1/ ThS. Nguyễn Đắc Minh, TS. Hoàng Quốc Việt; TS. Phạm Xuân Thảo; TS. Bùi Bá Chính; KS. Trần Đăng Khoa; ThS. Bùi Quang Tân; TS. Lê Ngọc Thúc; ThS. Nguyễn Thị Kim Huế; ThS. Trần Văn Việt; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Vũ Quang Phúc; ThS. Nguyễn Hằng Nga; ThS. Nguyễn Thị Mai Hương; KS. Hoàng Thị Hường; ThS. Vũ Việt Linh; ThS. Nguyễn Thị Lan Thanh - Hà Nội - Trung tâm Mã số, mã vạch Quốc gia, 2021; 01/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm trong chuỗi cung ứng thực phẩm (rau và trái cây) phù hợp tiêu chuẩn GS1. Xây dựng bộ tài liệu chung về quy trình đánh giá hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm trong chuỗi cung ứng thực phẩm (rau và trái cây) phù hợp với tiêu chuẩn GS1. Tổ chức hội thảo phổ biến về hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm trong chuỗi cung ứng thực phẩm (rau và trái cây) cho các doanh nghiệp và tổ chức quan tâm. Áp dụng và đánh giá thí điểm hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm trong chuỗi

cung ứng thực phẩm (rau và trái cây) phù hợp tiêu chuẩn GS1. Tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về truy xuất nguồn gốc, phổ biến, hướng dẫn và quảng bá về chương trình. Khảo sát, phân tích thực trạng việc áp dụng truy xuất nguồn gốc tại một số vùng trồng xoài và đề xuất phương án hạn chế các vấn đề không trung thực trong truy xuất nguồn gốc liên quan đến vùng trồng xoài Mỹ Xương, Đồng Tháp.

Số hồ sơ lưu: 21257

86077. 05-2023. **Nâng cao chất lượng công tác quản lý hướng dẫn viên du lịch ở Việt Nam/** ThS. Đỗ Trần Phương, ThS. Ma Thị Quỳnh Hương; PGS.TS. Dương Văn Sáu; ThS. Phạm Thị Hải Yến; ThS. Phạm Lê Trung; ThS. Nguyễn Thị Minh Thúy; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; ThS. Phan Thị Bích Thảo; ThS. Lưu Ngọc Thành; ThS. Nguyễn Thị Kim Thìn - Hà Nội - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2022; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở khoa học và những căn cứ pháp lý về quản lý hướng dẫn viên du lịch ở Việt Nam; Đánh giá thực trạng chất lượng công tác quản lý hướng dẫn viên du lịch ở Việt Nam hiện nay; Đề xuất những giải pháp và mô hình quản lý hướng dẫn viên, nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý hướng dẫn viên du lịch ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21260

86084. 05-2023. **Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp phục hồi, tăng**

trưởng năng suất trong và sau dịch covid – 19 thông qua hướng dẫn thực hành các giải pháp cải tiến năng suất, chất lượng dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin/ ThS. Nguyễn Thanh Hải, CN. Vũ Thị Thu Hà; CN. Hồ Vĩnh Lộc; CN. Trần Sỹ Quân; Nguyễn Huy Đoàn; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; CN. Mai Phúc Anh; NCS. Cao Hoàng Long; CN. Vũ Nguyên Xoái; ThS. Vũ Thị Hồng Minh; CN. Đặng Thị Mai Phương; CN. Hoàng Thị Thanh Hương; CN. Lê Xuân Biên; ThS. Nguyễn Mạnh Dân; ThS. Mai Thị Hương; ThS. Hà Kim Ngân; ThS. Hà Thu Hương; CN. Lưu Cẩm Tú; CN. Huỳnh Thị Kim Dung; ThS. Đỗ Tuấn Long; CN. Nguyễn Minh Đức; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Trương Quốc Anh; CN. Tôn Nữ Như Huyền; CN. Hoàng Đức Hiếu; CN. Đặng Thanh Tùng; Nguyễn Hồng Vân; Trần Vũ Dương; Đào Quốc Toàn; Ngô Văn Long; Đặng Đức Sơn; Đặng Kim Lợi; CN. Nguyễn Thế Nam; Nguyễn Thanh Tùng; Đỗ Đình Quân; Trần Quốc Cường; Trần Quốc Sư; Lê Thị Lan; Đỗ Thị Thanh Thơ; Lê Văn Thái; Tôn Thất Huy; Trương Ngọc Dũng; CN. Phạm Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thu Hiền; ThS. Lê Minh Tâm; ThS. Trần Tuấn Anh; ThS. Mai Thị Như Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Phương; CN. Lê Đình Khôi; CN. Vũ Thanh Huyền - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2021; 07/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng, vận hành nền tảng công nghệ thông tin hỗ trợ hoạt động

kết nối và đào tạo, tư vấn về cải tiến năng suất chất lượng cho tổ chức, doanh nghiệp. Đánh giá hoạt động năng suất chất lượng, khả năng tiếp cận với chuyển đổi số của 300 tổ chức, doanh nghiệp theo các tiêu chí bộ công cụ đánh giá ViPA và lựa chọn, đánh giá chuyên sâu, đề xuất kế hoạch tổng thể phục hồi, tăng trưởng năng suất trong và sau dịch COVID 19 cho 80 tổ chức, doanh nghiệp. 80 tổ chức, doanh nghiệp với 1.000 lượt người lao động (coaching/handon training) được hướng dẫn áp dụng các giải pháp cải tiến NSCL, chuyển đổi số... phù hợp yêu cầu, thực trạng của doanh nghiệp. 30 tài liệu phục vụ đào tạo về các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL, chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp được xây dựng. Đề xuất đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, tư vấn hướng dẫn áp dụng các giải pháp cải tiến năng suất, chất lượng giúp tổ chức, doanh nghiệp phục hồi, tăng trưởng năng suất trong và sau dịch COVID 19 dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

Số hồ sơ lưu: 21262

86170. 05-2023. **Giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế của Đài TNVN trong tình hình mới hiện nay/** ThS. Nguyễn Thúy Hoa, CN. Trần Mạnh Hùng; ThS. Nguyễn Thùy Vân; CN. Hoàng Thị Hòa Bình; ThS. Trần Thị Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu; ThS. Nguyễn Hải Long; CN. Phạm Minh Nguyệt; CN. Đỗ Thị Anh Đào; CN. Nguyễn Kim Anh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ

Truyền thông (R&D), 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đổi mới nội dung và hình thức hợp tác giữa Đài TNVN với các tổ chức phát thanh- truyền hình (PT-TH) của khu vực và thế giới nhằm tăng cường hiệu quả hợp tác. Đề xuất một số sáng kiến nhằm đa dạng hóa các cách thức hợp tác, góp phần nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Đài TNVN trong các tổ chức PT-TH trong khu vực và trên thế giới. Đài TNVN đã có định hướng Chiến lược phát triển là xây dựng VOV thành cơ quan truyền thông đa loại hình, đa phương tiện, đa ngôn ngữ, hiện đại, vững mạnh toàn diện. Đề tài nghiên cứu này sẽ phục vụ cho chiến lược phát triển chung của Đài. Đưa ra nguyên tắc, chuẩn hóa quy trình thực hiện các hoạt động hợp tác, đăng cai tổ chức sự kiện quốc tế lớn của các tổ chức PT-TH quốc tế tại Việt Nam nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động hợp tác quốc tế của Đài TNVN.

Số hồ sơ lưu: 21243

86172. 05-2023. **Thực trạng dữ liệu và đề xuất khung quản trị dữ liệu cho các ngân hàng thương mại Việt Nam/** TS. Phan Thanh Đức, ThS. An Phương Điệp; TS. Chu Thị Hồng Hải; ThS. Ngô Thùy Linh; ThS. Chu Văn Huy; ThS. Nguyễn Thị Thùy Anh; ThS. Lê Thị Hồng Nhung; ThS. Trần Hồng Thắng; ThS. Nguyễn Minh Đức; CN. Phạm Quang Tiến - Hà Nội - Học viện Ngân hàng, 2022; 01/2021 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cung cấp phương pháp luận và cơ sở lý thuyết về các

khái niệm cơ bản thuộc lĩnh vực quản trị dữ liệu. Tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng dữ liệu trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu, đề xuất khung quản trị dữ liệu phù hợp và khả thi cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam. Qua đó, khuyến nghị với Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại các vấn đề cần quan tâm để triển khai hoạt động quản trị dữ liệu trong hệ thống ngân hàng một cách hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 21155

86179. 05-2023. **Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo mô hình tổng thầu EPC/** TS. Lê Văn Cư, ThS. Vũ Quyết Thắng; TS. Lê Văn Long; ThS. Nguyễn Đình Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai; KS. Tô Minh Thu; ThS. Hoàng Kim Ngọc; ThS. Bùi Thị Ngọc Anh; Đinh Hữu Minh; Viễn Ái Huy; Lê Hồng Vân; Phan Đăng Việt - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2021; 07/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, đánh giá các cơ chế chính sách có liên quan đến mô hình tổng thầu EPC và dựa trên kết quả đánh giá thực trạng triển khai các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo mô hình tổng thầu EPC để đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý dự án đầu tư theo mô hình tổng thầu EPC. Nhằm khắc phục những bất cập do chưa có đủ quy định, chế tài trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng thực hiện theo mô hình tổng thầu EPC góp phần tháo gỡ những

khó khăn vướng mắc và nâng cao hiệu quả quản lý theo mô hình này. Tổng quan về quản lý dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo mô hình tổng thầu EPC. Thực trạng quản lý đầu tư xây dựng thực hiện theo mô hình tổng thầu EPC. Đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách quản lý đầu tư xây dựng thực hiện theo mô hình tổng thầu EPC.

Số hồ sơ lưu: 21284

86218. 05-2023. **Quản lý rủi ro tài khóa góp phần ổn định tài chính công và phát triển kinh tế/** ThS. Nguyễn Thị Lê Thu, ThS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Phạm Thị Phương Hoa; ThS. Tô Kim Huệ; TS. Lê Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Mạnh Hùng; ThS. Đỗ Tuấn Hiệp ; ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt; ThS. Bùi Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thị Phương - Hà Nội - Viện chiến lược và chính sách tài chính, 2022; 12/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng quản lý rủi ro tài khóa nhằm góp phần ổn định tài chính công và phát triển kinh tế, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để quản lý rủi ro tài khóa nhằm ổn định tài chính công và phát triển kinh tế. Nghiên cứu các rủi ro tài khóa gắn với ổn định tài chính công và phát triển kinh tế và việc quản lý các rủi ro này nhằm ổn định tài chính công và phát triển kinh tế.

Số hồ sơ lưu: 21301

86219. 05-2023. **Nghiên cứu xác định mô hình liên kết đổi mới sáng tạo có hiệu quả tại khu vực**

Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ đề nhân rộng và đề xuất chính sách/ PGS. TS. Phạm Xuân Đà, ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Ngọc; ThS. Quan Quốc Đăng; CN. Nguyễn Thị Hương; ThS. Chu Nguyễn Mộng Ngọc; KS. Trần Hà Hoàng Việt; ThS. Trần Thị Kim Minh; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Trịnh Thị Thanh Vân; CN. Phạm Đức Tôn; ThS. Trần Hải Đăng; ThS. Phạm Thanh Hùng - Thành phố Hồ Chí Minh - Cục Công tác phía Nam, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp tại Đông nam bộ và Tây Nam Bộ ; Nhận định các yếu tố liên quan đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; Đề xuất mô hình và đánh giá hiệu quả mô hình liên kết đổi mới sáng tạo trong Doanh nghiệp. Xác định mô hình liên kết thúc đẩy đổi mới sáng tạo có hiệu quả tại khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL (Mối liên kết giữa cơ quan quản lý khoa học và công nghệ với Viện, Trường Đại học, Tổ chức KH&CN – Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo). Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động mô hình liên kết và phương án nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 21305

86220. 05-2023. **Nghiên cứu việc áp dụng định mức tính chi phí tư vấn cho các dự án đầu tư xây dựng theo thời gian/** TS. Nguyễn Dur Tiến, TS. Từ Đức Hòa; TS. Hoàng Ứng Huyền; KS. Nguyễn

Ngọc Lâm; ThS. Nguyễn Huy Khanh; ThS. Hoàng Xuân Hiệp; ThS. Hoàng Đôn Dũng; KS. Quản Tất Thắng - Hà Nội - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam, 2018; 05/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng các phương pháp tính chi phí tư vấn hiện nay tại Việt Nam; phân tích phương pháp tính chi phí tư vấn của một số nước, một số dự án cụ thể; Phân tích các yếu tố liên quan đến việc lập định mức chi phí tư vấn theo thời gian (man-month) đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình; Đề xuất phương thức xác lập chi phí tư vấn theo thời gian đối với một số công trình xây dựng điển hình.

Số hồ sơ lưu: 21304

86221. 05-2023. **Nghiên cứu phân tích các chính sách, quy định về quản lý năng lực hành nghề hoạt động xây dựng đối với doanh nghiệp tư vấn xây dựng của Australia, một số nước ASEAN/** ThS. Nguyễn Thị Duyên, TS. Hoàng Ứng Huyền; KTS. Trần Bình Trọng; TS. Nguyễn Dur Tiến; TS. Từ Đức Hòa; ThS. Đặng Hải Triều; ThS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam, 2022; 08/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá về các quy định quản lý năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tại một số nước trong khu vực ASEAN và có nhiều thành công trong lĩnh vực này như Vương quốc Anh, Nhật

Bản, nước Úc (Australia), nhóm nghiên cứu sẽ đề xuất một số chính sách để các cơ quan quản lý tham khảo, xây dựng và ban hành các chính sách quản lý năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn xây dựng tại Việt Nam. Nghiên cứu phân tích, so sánh giữa các quy định về quản lý năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức của một số nước ASEAN như Malaysia, Thailand; các nước cơ nhiều thành công trong lĩnh vực xây dựng như Vương quốc Anh, nước Úc, Nhật bản với các quy định của Việt Nam; từ đó đề xuất một số chính sách quản lý năng lực hoạt động tư vấn xây dựng của tổ chức tại Việt Nam vừa phù hợp với thực tế, vừa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 21303

86222. 05-2023. **Nghiên Cứu, đánh giá về quản lý năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tại một số nước ASEAN và đề xuất một số chính sách quản lý năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân tại Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Duyên, ThS. Bùi Văn Dưỡng; TS. Hoàng Ứng Huyền; KS. Trần Bình Trọng; TS. Nguyễn Dư Tiến; TS. Từ Đức Hòa; KS. Quán Tất Thắng; Đoàn Hữu Hùng; ThS. Đặng Hải Triều; ThS. Phạm Thị Thu Hằng; Nguyễn Thanh Bình - Hà Nội - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam, 2019; 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu, đánh giá về các quy định quản lý hành nghề hoạt động xây dựng

của các cá nhân trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tại một số nước trong khu vực ASEAN, nhóm nghiên cứu sẽ đề xuất một số chính sách quản lý hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân tại Việt Nam. Nghiên cứu công tác quản lý hoạt động xây dựng nói chung và quản lý hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tại Việt Nam. Tham khảo, nghiên cứu các quy định về quản lý năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tại một số nước ASEAN. Nghiên cứu các quy định về thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ tư vấn kỹ thuật trong ASEAN. Từ đó phân tích, so sánh, đề xuất một số chính sách quản lý hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21307

86225. 05-2023. **Nghiên cứu đề xuất ứng dụng các điều khoản mẫu hợp đồng FIDIC cho công tác quản lý hợp đồng tại Việt nam/** ThS. Nguyễn Thị Duyên, TS. Lê Văn Long; ThS. Lê Thanh Minh; ThS. Nguyễn Bắc Thủy; ThS. Lê Chí Hiên; KS. Đặng Hải Triều; ThS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Hiệp hội Tư vấn Xây dựng Việt Nam, 2017; 05/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Hướng tới việc hoàn thiện công tác hợp đồng đối với các dự án đầu tư xây dựng; cung cấp thông tin để các nhà xây dựng cơ chế chính sách về Hợp đồng, về lựa chọn nhà thầu nghiên cứu xem xét đưa vào các văn bản pháp quy của Nhà nước về công tác quản lý Hợp đồng; tạo điều

kiện cho các đối tượng tham gia quản lý hợp đồng xây dựng thuận lợi thực thi nhiệm vụ trong môi trường hội nhập kinh tế Quốc tế. Đồng thời giúp 3 các Chủ đầu tư, Nhà thầu, Nhà tư vấn và các tổ chức có liên quan hiểu rõ hơn về các mẫu Hợp đồng quốc tế và ứng dụng các điều khoản vào trong công tác của đơn vị một cách chuẩn mực hơn, hiệu quả hơn.

Số hồ sơ lưu: 21306

86241. 05-2023. **Xây dựng cơ sở dữ liệu giá bất động sản tại Việt Nam dựa trên mô hình định giá/** PGS. TS. Phan Thị Hằng Nga, PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; ThS. Bùi Ngọc Toàn; ThS. Hoàng Thái Hưng; ThS. Thái Duy Tùng; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Nguyễn Phúc Hưng; ThS. Bùi Nam Trung; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Loan - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài chính - Marketing, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực trạng về CSDL về Giá BĐS đã triển khai trong thời gian qua; Phân tích thực trạng về định giá BĐS được áp dụng tại Việt Nam; Đánh giá ưu điểm và hạn chế về Định giá và CSDL về giá BĐS tại Việt Nam; Xác định yếu tố ảnh hưởng và mức độ tác động của từng yếu tố đến giá BĐS khảo sát tại TP Hồ Chí Minh; Xây dựng mô hình định giá BĐS. Đề xuất mô hình ước tính giá BĐS cho tổng thể từ dữ liệu mẫu. Đối với mục tiêu này nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình định giá BĐS trên cơ sở dữ liệu mẫu, từ đó ước tính cho tổng thể toàn thị trường BĐS. Bước đầu, do chúng ta chưa có

nguồn thông tin dữ liệu nghiên cứu, nên nhóm nghiên cứu thu thập dữ liệu qua quá trình điều tra, khảo sát các BĐS đang giao dịch trên thị trường, để làm cơ sở xây dựng mô hình giá từ dữ liệu mẫu, đề xuất mô hình ước tính giá BĐS cho tổng thể thị trường từ dữ liệu mẫu này. Các giai đoạn sau, khi chúng ta xây dựng được cơ sở dữ liệu về giá giao dịch. Mô hình giá BĐS hỗ trợ ước tính giá BĐS hàng loạt cho toàn thị trường BĐS trên cơ sở dữ liệu giá chuyển nhượng BĐS được thu thập và lưu trữ. Đề xuất các giải pháp để triển khai mô hình thu thập dữ liệu về giá BĐS tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21310

86292. 05-2023. **Nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm thực phẩm từ cừu Ninh Thuận/** ThS. Nguyễn Anh Trinh, Nguyễn Thị Phước Thủy; Phan Tại Huân; Lê Trung Thiên; Kha Chân Tuyền; Nguyễn Thị Thanh Thảo; Trương Khắc Trí; Huỳnh Thanh Trúc; Phạm Trọng Hoàng Vũ; Nguyễn Thị Út; Nguyễn Thị Ngọc Mai - TP. Hồ Chí Minh - Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 2019; 10/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thành phần khối lượng, thành phần hóa học nguyên liệu. Nghiên cứu chế biến sản phẩm từ thịt cừu Ninh Thuận. Nghiên cứu chế biến sản phẩm từ phụ phẩm của cừu. Thiết kế mẫu mã bao bì, xác định thành phần hóa học, chỉ tiêu vi sinh, thời hạn sử dụng của 10 sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: NTN-010-2021

86314. 05-2023. **Nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến du lịch biển tỉnh Ninh Thuận**/ TS. Phạm Hồng Mạnh, ThS. Nguyễn Văn Bảy; TS. Lê Chí Công ; TS. Nguyễn Văn Ngọc; KS. Nguyễn Đình Nhựt ; ThS. Bùi Tất Tô; TS. Hồ Huy Tự; PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2018; 10/2016 - 04/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát và phân tích thực trạng năng lực cạnh tranh điểm đến của du lịch biển tỉnh Ninh Thuận (có so sánh với một số điểm đến du lịch biển điển hình tương đồng với Ninh Thuận: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu); Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh trong ngành du lịch biển tỉnh Ninh Thuận; Xây dựng chiến lược cạnh tranh điểm đến để nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch biển của Ninh Thuận như là điểm đến mới đầy hấp dẫn của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020; 2020 - 2030; Đề xuất các nhóm giải pháp đồng bộ và có cơ sở khoa học về: hoàn thiện khung pháp lý và các chính sách liên quan; đầu tư phát triển nguồn nhân lực; cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, xây dựng và phát triển hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng và độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa; nhóm giải pháp về liên kết vùng trong phát triển du lịch và gắn với an ninh quốc phòng.

Số hồ sơ lưu: NTN-009-2021

86394. 05-2023. **Quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận "Măng tây Ninh Thuận"**/ PGS Lê

Thị Nam Giang, KS Lê Thị Bích Thủy; CN Huỳnh Thị Như Ý; ThS Nguyễn Ngọc Mai Thy; KS Phạm Dũng; CN Võ Đăng Phương Thảo; ThS Nguyễn Thị Ngọc Duyên - Ninh Thuận - Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ AGL, 2022; 05/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thiết lập và vận hành hiệu quả mô hình quản lý và phát triển NHCN "Măng tây Ninh Thuận" để nâng cao chất lượng, danh tiếng và giá trị kinh tế của sản phẩm. Đánh giá thực trạng sản xuất, kinh doanh sản phẩm măng tây trước và sau khi có NHCN "Măng tây Ninh Thuận" và thực trạng quản lý và phát triển NHCN "Măng tây Ninh Thuận"; Đánh giá hiệu quả các hoạt động đã triển khai và đề xuất các giải pháp quản lý và phát triển NHCN "Măng tây Ninh Thuận" trong giai đoạn tiếp theo. Dự án sẽ là mô hình mẫu để nhân rộng việc quản lý và phát triển NHCN cho các sản phẩm mang NHCN tương tự của tỉnh Ninh Thuận.

Số hồ sơ lưu: 69

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

75891. 05-2023. **Xây dựng mô hình liên kết giữa nhà trường và các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập quốc tế.**/ TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên; Phùng Thị Lý; Nguyễn Thị Hải Hà, Vũ Đức Trọng; Nguyễn Thị Nhan; Nguyễn Đình Nguyên; Nguyễn Thị Tâm; Trần Thị Bích Vân; Phạm Văn Dự - Trường Đại Học Sao đỏ - Trường Đại học Sao

Đỏ, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về liên kết giữa nhà trường với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập quốc tế. Xây dựng được cơ sở dữ liệu về thực trạng liên kết giữa Trường Đại học Sao Đỏ với các doanh nghiệp trong đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập và vấn đề đặt ra. Xây dựng mô hình liên kết giữa Trường Đại học Sao Đỏ với các doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực và tiến hành thực nghiệm. Thực nghiệm mô hình liên kết với các doanh nghiệp: Công ty TNHH Toyota Hải Dương (Toyota Việt Nam), Công ty TNHH May Tinh Lợi, Công ty Cổ phần Lilama 69-1 Phủ Lại, Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam với ngành nghề liên kết ngành điện, may, ô tô. Tuyên truyền kết quả thực hiện đề tài.

Số hồ sơ lưu: 14HD.2019

86048. 05-2023. **Phát triển văn hóa đọc trong môi trường số cho sinh viên đại học ở Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp các trường đại học khoa học, xã hội và nhân văn)/** TS. Trương Đại Lượng, ThS. Lê Thị Thúy Hiền; ThS. Phạm Thị Phương Liên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; ThS. Đinh Thúy Quỳnh; ThS. Chu Vân Khánh; ThS. Ngô Văn Tháp; ThS. Trần Thị Thanh Vân; ThS. Hoàng Trung Thanh; ThS. Nguyễn Thị Hải - Hà Nội - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển văn hóa đọc trong môi trường số cho sinh viên. Đồng thời, nghiên cứu thực trạng phát triển văn hóa đọc cho sinh viên và thực trạng văn hóa đọc trong môi trường số của sinh viên sinh viên các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất nội dung phát triển văn hóa đọc trong môi trường số và mô hình phát triển văn hóa trong môi trường số cho sinh viên đại học và đề xuất các giải pháp phát triển văn hóa đọc trong môi trường số cho sinh viên các trường đại học khoa học xã hội và nhân văn

Số hồ sơ lưu: 21252

86149. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bảo tàng Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư/** PGS. TS. Nguyễn Sỹ Toàn, ThS. Lý Thị Ngọc Dung; PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng; TS. Trần Đức Nguyên; ThS. Lưu Ngọc Thành; ThS. Phạm Ngọc Quyên; ThS. Nguyễn Tri Phương; ThS. Hoàng Thanh Mai; ThS. Phạm Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh; ThS. Trần Thị Lệ - Hà Nội - Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, 2022; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo nguồn nhân lực bảo tàng Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đánh giá tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến hoạt động bảo tàng và yêu cầu đổi

với nguồn nhân lực bảo tàng Việt Nam nhằm đáp ứng đòi hỏi của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực trạng mô hình đào tạo nhân lực bảo tàng của Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đề xuất mô hình đào tạo nguồn nhân lực bảo tàng Việt Nam đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và giải pháp triển khai thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 21270

86187. 05-2023. **Nghiên cứu đề xuất hệ thống kiến thức, kỹ năng bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng cho các cơ quan hành chính Nhà nước ngành Xây dựng/** ThS. Lê Thị Thanh Hà, ThS. Hoàng Thị Hiền; CN. Lục Tiến Dũng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Đặng Thị Quỳnh Hoa; ThS. Nguyễn Xuân Thao; ThS. Nguyễn Minh Tú; CN. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Phạm Thị Thu Hiền; Ngô Thị Kim Huệ - Hà Nội - Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, 2020; 01/2018 - 01/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Cập nhật, trang bị kiến thức và các kỹ năng cơ bản về quản lý, điều hành công tác để thực thi chức năng, nhiệm vụ của lãnh đạo quản lý cấp phòng các cơ quan hành chính nhà nước ngành Xây dựng, góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ công chức trong tiến trình cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trang bị và cập nhật cho công chức lãnh đạo cấp phòng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngành Xây dựng

những kiến thức chung về quản lý, lãnh đạo. Đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện những kỹ năng quản lý, lãnh đạo thiết yếu gắn với chức danh, yêu cầu vị trí việc làm của công chức lãnh đạo cấp phòng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngành Xây dựng. Góp phần xây dựng hành vi và thái độ làm việc phù hợp của lãnh đạo cấp phòng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngành Xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21287

86189. 05-2023. **Nghiên cứu đánh giá thực trạng và xây dựng khung chương trình, giáo trình thiết kế, thi công công trình xây dựng cho bậc học đại học và cao đẳng theo định hướng mới của hệ tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng/** PGS. TS. Phạm Xuân Anh, PGS.TS. Phạm Thanh Tùng; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Giang; PGS.TS. Nguyễn Việt Phương; TS. Phạm Văn Minh; PGS.TS. Vũ Anh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Tuấn Trung; TS. Trần Quang Dũng; ThS. Nguyễn Thị Lê Hải; TS. Hoàng Vĩnh Long; TS. Nguyễn Cao Lãnh; PGS.TS. Nguyễn Bảo Việt; PGS.TS. Hồ Ngọc Khoa; TS. Lê Bá Danh; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Trần Thanh Hương; CN. Trịnh Thị Kim Oanh - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 09/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan được khung chương trình, giáo trình thiết kế, thi công công trình xây dựng cho bậc đại học và cao đẳng. Phân tích, đánh giá được thực trạng khung chương trình, giáo trình thiết kế, thi công công

trình xây dựng cho bậc đại học và cao đẳng. Nghiên cứu xây dựng khung chương trình, đề cương chi tiết giáo trình thiết kế, thi công công trình xây dựng cho bậc đại học và cao đẳng theo định hướng mới của hệ tiêu chuẩn kỹ thuật ngành xây dựng, tập trung vào các khối kiến thức chuyên ngành chính gồm: Kết cấu bê tông cốt thép, Kết cấu thép-gỗ, Cơ đất nền móng, Kỹ thuật và tổ chức thi công.

Số hồ sơ lưu: 21289

86244. 05-2023. **Xây dựng mô hình đánh giá năng suất nghiên cứu khoa học của Giảng viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội/ PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn, TS. Lưu Hữu Văn; TS. Hoàng Thị Tuyết Nhung; ThS. Trương Thị Huệ; ThS. Lương Trâm Anh - Hà Nội - Trường Đại học Kinh tế, 2022; 06/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về các thang đo đo lường và nhân tố ảnh hưởng tới năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên; Khái quát được lý thuyết tập “neutrosophic”; Xây dựng được mô hình MCDM dựa trên tập “neutrosophic” để đánh giá năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên; Xác định được các nhân tố ảnh hưởng tới năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên tại ĐHQGHN; Đánh giá thực trạng năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên tại ĐHQGHN; Đề xuất được một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao năng suất nghiên cứu khoa học của giảng viên tại ĐHQGHN.

Số hồ sơ lưu: 21313

86428. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng mô hình hỗ trợ khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/ TS. Lê Quang Hiếu, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng được 01 mô hình hỗ trợ khởi nghiệp (Vườn ươm Khởi nghiệp) tại trường Đại học Hồng Đức cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Xây dựng Bộ tài liệu kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp (Cẩm nang Khởi nghiệp) cho học sinh, sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Đề xuất được các giải pháp tăng cường hỗ trợ học sinh, sinh viên trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa khởi nghiệp.

Số hồ sơ lưu: THA-040-2022

86469. 05-2023. **Ảnh hưởng của môi trường nhà trường đến sự thỏa mãn nghề của giáo viên trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh/ TS. Phạm Thị Hương, TS. Đặng Hùng Vũ; Nguyễn Hoàng Thiện; TS. Nguyễn Kim Dung; TS. Nguyễn Thành Long; ThS. Lê Thị Thu Liễu; TS. Trần Thị Thanh Huế; ThS. Huỳnh Phú Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Phú; ThS. Lê Thị Thiên Hương - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên Cứu Giáo Dục, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xác định mức độ nhận thức của giáo viên về các nhân tố môi trường

nhà trường mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh, mối quan hệ giữa đồng nghiệp, sự quan tâm nghề nghiệp, sự đổi mới trong nhà trường, sự đầy đủ nguồn lực phục vụ hoạt động dạy và học, và sự lãnh đạo của hiệu trưởng. Khám phá sự tác động giữa các nhân tố môi trường nhà trường đối với sự tự tin năng lực, áp lực lên giáo viên và sự thỏa mãn công việc. Điều tra sự tác động lẫn nhau giữa các ba biến phụ thuộc này. Lập bộ công cụ đánh giá các nhân tố tác động có ý nghĩa đến sự thỏa mãn công việc của giáo viên, thử nghiệm bộ công cụ và đánh giá các nhân tố có ý nghĩa. Đề xuất các giải pháp/khuyến nghị để cải thiện môi trường nhà trường ngày càng tích cực, hiệu quả hơn, nâng cao sự tự tin năng lực và sự thỏa mãn công việc của giáo viên, đồng thời giảm thiểu hợp lý áp lực công việc của giáo viên.

Số hồ sơ lưu: HCM-077-2022

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

76439. 05-2023. **Đánh giá hiệu quả can thiệp đến kiến thức sử dụng kháng sinh của người dân trong điều trị tại tỉnh Hải Dương/** TS. Nguyễn Thị Hương, TS. Nguyễn Thị Hương; TS. Trần Bá Kiên; ThS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Trần Quang Tuấn; ThS. Đào Thị Hoài Thu; ThS. Nguyễn Thị Dịu; DSKKI Nguyễn Xuân Hùng; DS. Trần Thị Quê; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nhài; DS Dương Ánh Tuyết - Trường cao đẳng dược Trung ương Hải Dương - Trường Cao đẳng Dược trung ương Hải

Dương, 2019; 01/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát kiến thức về việc sử dụng kháng sinh trong điều trị của người dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức về việc sử dụng kháng sinh của người dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Xây dựng mô hình can thiệp nhằm tăng cường kiến thức sử dụng kháng sinh của người dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Số hồ sơ lưu: 13HD.2019

86094. 05-2023. **Xây dựng mô hình Nhà trường – Doanh nghiệp cùng đào tạo, nghiên cứu và sản xuất sản phẩm truyền thông tại Trường cao đẳng Phát thanh Truyền hình I./** ThS. Lê Thành Hưng, ThS. Lê Thị Ngọc Thanh Hoa; ThS. Đinh Phương Oanh; ThS. Đỗ Hồng Nhung; ThS. Nguyễn Hải Bình; TS. Trần Bình Dương; TS. Nguyễn Đức Uyên; CN. Nguyễn Hồng Sơn; CN. Nguyễn Kim Dung; CN. Đỗ Thị Anh Đào - Hà Nam - Trường Cao đẳng Phát thanh Truyền hình I, 2022; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về mô hình hợp tác nhà trường và doanh nghiệp cụ thể trên địa bàn tỉnh Hà Nam và một số tỉnh lân cận, thông qua nghiên cứu học tập mô hình trong và ngoài nước đã và đang triển khai có hiệu quả. Giải bài toán cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, có chuyên ngành phù hợp với các doanh nghiệp cho thị trường lao động cũng đang khó khăn hiện nay. Đề xuất đưa ra các giải pháp để việc hợp tác giữa nhà

trường và doanh nghiệp thực sự đi vào chiều sâu, tự tìm đến nhau, tạo móc xích chặt chẽ với nhau trong việc đào tạo, nghiên cứu, cùng sản xuất, tuyển sinh và tuyển công nhân lao động, tạo hứng thú cho học sinh học tập thực hành nghề nghiệp, tạo điều kiện tăng thu nhập cho học sinh và cán bộ giảng viên của nhà trường trong quá trình thực tập, sản xuất các sản phẩm nghề nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 21258

50401. Xã hội học nói chung

86451. 05-2023. **Nghiên cứu đề xuất mô hình sinh kế phục vụ mục tiêu phát triển bền vững Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ/** TS. Lê Thanh Hòa, Nguyễn Thị Phượng Châu; Ngô Thị Phương Lan; Châu Nguyễn Xuân Quang; Phạm Gia Trân; Lê Đức Tuấn; Hoàng Trọng Tuấn; Huỳnh Đức Hoàn; Ngô Hoàng Đại Long; Nguyễn; Bùi Nguyễn Thế Kiệt Phan Văn Trung; Cao Huy Bình; Thị Oanh - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2020; 10/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập được cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc đánh giá và lựa chọn các loại hình sinh kế cho mục tiêu phát triển bền vững Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ (KDTSQ RNM Cần Giờ); Hệ thống hóa hiện trạng các loại hình sinh kế, môi trường, tài nguyên và kinh tế - xã hội trong KDTSQ RNM Cần Giờ; Lựa chọn và đề xuất phát triển mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện của cộng đồng địa phương đáp

ứng mục tiêu phát triển bền vững KDTSQ RNM Cần Giờ; Đề xuất các giải pháp hợp lý và kế hoạch triển khai thực hiện các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện của cộng đồng địa phương đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững KDTSQ RNM Cần Giờ.

Số hồ sơ lưu: HCM-079-2022

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

76438. 05-2023. **Nhận diện những mâu thuẫn làm nảy sinh xung đột xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở Hải Dương hiện nay./** ThS Nguyễn Hồng Sơn, ThS Nguyễn Hồng Sơn; CN Nguyễn Văn Thông; TS Vũ Thanh Nguyên; ThS Nguyễn Mạnh Thắng; Nguyễn Văn Nhật; ThS Vũ Đức Khoa; ThS Đoàn Thị Thêu; ThS Nguyễn Đức Thắng; CN Đỗ Huy Nhật; ThS Trịnh Minh Hoàng - Ban Tuyên Giáo Tỉnh uỷ Hải Dương - Ban Tuyên Giáo Tỉnh uỷ Hải Dương, 2019; 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về mâu thuẫn làm nảy sinh xung đột xã hội (XĐXH) trong thực hiện công nghiệp hóa và đô thị hóa. Đánh giá thực trạng về những mâu thuẫn làm nảy sinh XĐXH trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở tỉnh Hải Dương giai đoạn 2011-2018. Đồng thời nghiên cứu đưa ra quan điểm, phương thức nhận diện và đề xuất giải pháp giải quyết những mâu thuẫn làm nảy sinh

XĐXH trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở tỉnh Hải Dương đến năm 2025, tầm nhìn 2030. Biên tập và xuất bản cuốn "Cẩm nang nhận diện những mâu thuẫn làm nảy sinh XĐXH trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa cách giải quyết và phòng ngừa".

Số hồ sơ lưu: 12HD.2019

83346. 05-2023. **Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của trí thức tỉnh Hải Dương/ CN.** Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Văn Thông; Trần Thị Thu Thủy; Phạm Xuân Hảo; Vũ Cảnh Linh; Phạm Trung Thanh; Nguyễn Tiến Hóa; Lê Hoàng Lan; Phạm Thị Liễu; Phạm Văn Mạnh; Lê Thị Hiền - Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hải Dương - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Hải Dương, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về năng lực đổi mới sáng tạo của trí thức. Khảo sát, đánh giá thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của trí thức tỉnh Hải Dương với quy mô 2.000 cá nhân là trí thức trong tỉnh và cán bộ lãnh đạo quản lý. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của trí thức tỉnh Hải Dương (nhóm yếu tố cá nhân; nhóm yếu tố điều kiện làm việc (cơ quan, tổ chức, nơi làm việc); nhóm yếu tố cơ chế, chính sách, pháp luật của nhà nước). Đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của trí thức tỉnh Hải Dương gồm: nhóm giải pháp liên quan đến thể chế, chính sách; Nhóm giải pháp liên

quan đến tổ chức/doanh nghiệp; Giải pháp đối với trí thức

Số hồ sơ lưu: 06HD.2021

86223. 05-2023. **Điều tra thực trạng đời sống kinh tế - xã hội ngư dân vùng ven biển Bắc Trung Bộ sau sự cố môi trường biển năm 2016/ TS.** Hoàng Hồng Hiệp, ThS. Châu Ngọc Hòe; ThS. Hoàng Thị Thu Hương; TS. Lương Tình; ThS. Lê Văn Hà; ThS. Phan Thị Hoàn; ThS. Trần Thị Thái; TS. Lê Xuân Thông; ThS. Ngô Thị Thu Hương; TS. Phan Thị Sông Thương; ThS. Hồ Thị Kim Thùy; ThS. Nguyễn Danh Cường; ThS. Vũ Thái Hạnh; TS. Phạm Đi - Đà Nẵng - Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ, 2022; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Dự án điều tra, tổng hợp và đánh giá theo định tính và định lượng về thực trạng sinh kế, đời sống, thu nhập, kinh tế, xã hội của ngư dân vùng ven biển thuộc 4 tỉnh Bắc Trung Bộ kể từ sau sự cố môi trường biển năm 2016, nhất là vấn đề phục hồi các hoạt động kinh tế, biến đổi sinh kế, xã hội sau sự cố nghiêm trọng này.

Số hồ sơ lưu: 21308

86427. 05-2023. **Dịch vụ xã hội cho người lao động nhập cư tại các khu chế xuất - khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh hiện nay: thực trạng và giải pháp/ Ths.** Lương Ngọc Thảo, ThS. Phạm Hoàng Phước; TS. Nguyễn Thị Hoài Hương; ThS. Trần Văn Phương; NCS. Nguyễn Thị Hương; HVCH. Nguyễn Thị Thanh Tâm; HVCH. Hồ Thị Luán; CN. Nguyễn

Hải Loan; CN. Nguyễn Tôn Thị Tường Vân; NCS. Mai Thị Quế; CN. Phan Nguyễn Trung Minh; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Trần Công Khanh; ThS. Nguyễn Tất Năm - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ xã hội cho người lao động nhập cư tại các khu chế xuất - khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua; những vấn đề vướng mắc, tồn tại đang đặt ra hiện nay về phát triển dịch vụ xã hội cho người lao động nhập cư tại các khu chế xuất - khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Đề xuất các giải pháp chủ yếu để phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ xã hội cho người lao động nhập cư tại các khu chế xuất - khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho hiện tại và giai đoạn tiếp theo.

Số hồ sơ lưu: HCM-081-2022

86509. 05-2023. **Nghiên cứu đánh giá thực trạng và vai trò gia đình trong việc thực hiện bình đẳng giới tại Thành phố Hồ Chí Minh/** TS. Nguyễn Thị Phương, GS.TS. Nguyễn Hữu Minh; Ths. Lê Thị Huyền Trang; Ths. Vũ Thị Kim Cúc; Ths. Mai Ngọc Tuấn; CN. Nguyễn Việt Bình; CN. Nguyễn Phạm Đức Hoàng; CN. Trần Thị Hảo; Ths. Nguyễn Thị Thu Hiền; PGS.TS Nguyễn Đức Chiện - Thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại thành phố Hồ Chí Minh, 2021;

09/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến bình đẳng giới trong gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh trên một số nội dung như: phân công lao động theo giới, khuôn mẫu ra quyết định trong gia đình, quan hệ giới trong việc đáp ứng nhu cầu cá nhân, ứng xử quan hệ gia đình trên cơ sở giới. Phân tích vai trò của gia đình và các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò của gia đình trong giáo dục việc thực hiện vai trò giới và bình đẳng giới thể hiện trên các khía cạnh: giáo dục việc thực hiện vai trò giới và bình đẳng giới trong gia đình; giáo dục việc thực hiện vai trò giới và bình đẳng trong xã hội; Đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của gia đình trong việc thúc đẩy BĐG trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Số hồ sơ lưu: HCM-068-2022

50499. Xã hội học khác

86213. 05-2023. **Nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Bình/** ThS. Vũ Thị Vân, ThS. Tống Thị Thanh Hoa; TS. Nguyễn Thị Kim Lý; ThS. Đặng Xuân Phong; TS. Phạm Thị Ánh Nguyệt; TS. Đặng Nguyên Mạnh; TS. Trần Thị Hòa; TS. Trần Thị Thu Hương; ThS.NCS. Hoàng Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Phạm Thị Thanh Giang; ThS. Nguyễn Trung Tiến; ThS. Vũ Thanh

Thúy; CN. Đinh Thạch Bích; ThS. Lại Phương Mai; ThS. Vũ Thị Thanh; ThS. Lê Xuân Chiến; ThS. Bùi Khánh Ly - Thái Bình - Trường Đại học Thái Bình, 2022; 03/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Giúp bổ sung kiến thức về kỹ năng sống cho sinh viên, hình thành thái độ và cách ứng phó tích cực trong nhiều tình huống khác nhau, xây dựng hành vi lành mạnh góp phần hoàn thiện bản thân. Là cơ sở tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước. Nghiên cứu cơ sở lý luận và hệ thống rõ về kỹ năng sống cho sinh viên. Đánh giá đúng thực trạng về kỹ năng sống của sinh viên, công tác giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho sinh viên. Đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Xây dựng được mô hình áp dụng thực tiễn các giải pháp tại một số trường trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: TBH-2022-033

80632. 05-2023. **Nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền ở cơ sở trong đối thoại, tiếp xúc trực tiếp và giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân trên địa bàn tỉnh Hải Dương/** TS. Nguyễn Văn Phú, ThS. Nguyễn Văn Nhung; ThS Nguyễn Văn Định; KS. Nguyễn Duy Cường; ThS Hà Thế Quyền; ThS Nguyễn Thị Quyên; CN Vũ Thị Dung; CN Vũ Thị Thủy; CN Trần Thị Tâm - Ban dân vận Tỉnh uỷ -

Ban dân vận Tỉnh uỷ, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến công tác dân vận chính quyền trong đối thoại, tiếp xúc trực tiếp và giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Khảo sát đánh giá kết quả thực trạng công tác dân vận chính quyền cơ sở trong đối thoại, tiếp xúc trực tiếp và giải quyết KNTC của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Xây dựng quy trình, các kỹ năng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền trong đối thoại, tiếp xúc trực tiếp và giải quyết khiếu nại tố cáo của nhân dân trên địa bàn tỉnh. đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác dân vận của chính quyền cơ sở trong đối thoại, tiếp xúc trực tiếp và giải quyết khiếu nại tố cáo

Số hồ sơ lưu: 24HD. 2020

50501. Luật học

85812. 05-2023. **Quy trình kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện hoạt động điện lực và nội dung trong giấy phép hoạt động điện lực của các đơn vị điện lực/** ThS. Đỗ Thị Mai, CN. Phan Đỗ Thu Ngân; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Hà; ThS. Nguyễn Ngô Phong; KS. Nguyễn Kim Hưng; ThS. Đỗ Hùng Mạnh; ThS. Trần Quốc Hùng; KS. Đỗ Hồng Thanh; CN. Chu Đức Dũng; CN. Nguyễn Thị Lan Oanh; CN. Lê Thị Trà My - Hà Nội - Cục Điều tiết điện lực, 2022; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và khoa học về hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước để làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng quy định cho hoạt động kiểm tra của cơ quan cấp Giấy phép hoạt động điện lực. Đánh giá, phân tích hiện trạng đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Bộ Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Công Thương) đối với công tác quản lý các đơn vị đã được cấp Giấy phép hoạt động điện lực. Nghiên cứu, đề xuất quy trình lập kế hoạch và trình tự, thủ tục triển khai kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện hoạt động điện lực và nội dung trong Giấy phép hoạt động điện lực của các đơn vị điện lực. Nghiên cứu, đề xuất nội dung kiểm tra và xây dựng các biểu mẫu áp dụng trong hoạt động kiểm tra đối với từng lĩnh vực hoạt động điện lực.

Số hồ sơ lưu: 21178

85887. 05-2023. **Quản lý xung đột xã hội liên quan đến đất đai ở một số tỉnh Tây Bắc hiện nay/** TS. Hoàng Việt Anh, ThS. Mai Bích Huệ; CN. Nguyễn Kim Long; Vũ Thị Quỳnh Lan; Huỳnh Phi Long; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai; Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Nguyễn Thị Mai Phương; Phạm Thị Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Thị Hoa; CN. Nguyễn Thu Hương; ThS. Lê Thị Ngọc Trâm; ThS. Mai Hải Châu; ThS. Đặng Thị Minh Thu - Hà Nội - Học viện chính trị khu vực I, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về quản lý xung đột xã hội

liên quan đến đất đai trên thế giới và Việt Nam; Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý xung đột đất đai ở một số tỉnh Tây Bắc nhằm phát huy những yếu tố tích cực của xung đột đất đai, Hạn chế và loại trừ các yếu tố tiêu cực. Đánh giá thực trạng quản lý xung đột xã hội liên quan đến đất đai ở một số tỉnh Tây Bắc hiện nay. Chỉ rõ nguyên nhân của sự thành công và hạn chế trong quản lý xung đột đất đai ở một tỉnh Tây Bắc hiện nay. Trên cơ sở quan điểm của Đảng và Nhà nước, đề xuất các giải pháp nhằm quản lý xung đột đất đai một cách hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: 21228

86146. 05-2023. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách đất đai về chuyển đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác/** TS. Phạm Thị Phin, TS. Trịnh Thị Kiều Trang; PGS. TS. Trần Văn Tuấn; TS. Phạm Sỹ Liêm; TS. Đỗ Thị Tài Thu; TS. Vũ Phương Lan; TS. Nguyễn Bá Long; TS. Chu Thị Quỳnh Diệp; ThS. Vũ Lệ Hà; ThS. Vũ Khắc Hùng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2022; 07/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng chuyển đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác theo các vùng kinh tế xã hội của cả nước. Thực trạng quản lý và chuyển đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Quảng Ninh. Phân tích tồn tại, hạn chế của pháp luật hiện hành về chuyển đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích

khác. Đề xuất hoàn thiện pháp luật đất đai về chuyển đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác. Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 21272

86299. 05-2023. **Giải pháp pháp lý trong việc thu hút đầu tư tại tỉnh Ninh Thuận/** TS. Nguyễn Xuân Bang, ThS. Lê Thị Bích Chi; CN. Nguyễn Tiến Đức; ThS. Cù Hoàng Hanh; ThS. Phạm Thị Hạnh Hoa; ThS. Nguyễn Chí Khuê; TS. Nguyễn Văn Nghiệp; ThS. Nguyễn Thị Thanh Ngọc; CN. Lê Quyên; ThS. Lê Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Đắc Văn; CN. Trương Xuân Vỹ - Ninh Thuận - Đại học Đà Lạt, 2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở khoa học cho các giải pháp pháp lý trong việc thu hút đầu tư tại tỉnh Ninh Thuận. Đánh giá thực trạng thu hút đầu tư tại Ninh Thuận trong thời gian vừa qua, từ đó làm sáng tỏ những thành tựu cũng như hạn chế, vướng mắc trong việc xây dựng và thực hiện pháp luật về thu hút đầu tư tại Ninh Thuận. Đề xuất các giải pháp pháp lý trong việc thu hút đầu tư tại Ninh Thuận trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: NTN-024-2021

86542. 05-2023. **Nghiên cứu đề xuất thực hiện thí điểm việc điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí**

lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân/ TS. Nguyễn Thị Cẩm Vân, ThS. Trịnh Thị Minh Châu; KS. Đào Thị Hồng Hoa; NCS. Nguyễn Mai Anh; ThS. Nguyễn Như Ý; ThS. Lê Hồng Nhật; TS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Minh Thông; TS. Huỳnh Đức Nguyên - Thành phố Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Phát triển TP. Hồ Chí Minh, 2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân. Rà soát, đánh giá các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân; Đề xuất các kịch bản điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân; Đánh giá và lựa chọn kịch bản điều chỉnh mức thu các loại phí liên quan đến đăng ký mới và lệ phí lưu hành của các phương tiện giao thông cơ giới cá nhân; Xây dựng các giải pháp hỗ trợ với lộ trình.

Số hồ sơ lưu: HCM-074-2022

50502. Tội phạm học

86243. 05-2023. **Ứng phó với quấy rối tình dục của trẻ vị thành niên ở Việt Nam/** TS. Phạm Văn Tư, TS. Nguyễn Hiệp Thương; PGS.TS. Nguyễn Xuân Thức; PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hương; TS. Nguyễn Thu Hà; TS. Chu Đình Tới; TS. Nguyễn Việt Hùng; TS. Nguyễn Thị Ánh Nguyệt; CN. Đào Thu Phương - Hà Nội - Trung tâm

Hỗ trợ và Phát triển Giáo dục, 2022; 05/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về ứng phó với quấy rối tình dục của trẻ vị thành niên. Xây dựng cơ sở lý luận về ứng phó với quấy rối tình dục của trẻ vị thành niên. Đánh giá thực trạng ứng phó với quấy rối tình dục của trẻ vị thành niên ở Việt Nam. Phân tích mức độ tác động của cá yếu tố khách quan và chủ quan đến ứng phó với quấy rối tình dục của trẻ vị thành niên ở Việt Nam. Đề xuất một số biện pháp và tiến hành thực nghiệm nhằm hình thành kỹ năng ứng phó tích cực với quấy rối tình dục cho trẻ vị thành niên

Số hồ sơ lưu: 21316

50601. Khoa học chính trị

85784. 05-2023. **Chiến lược của Mỹ và Trung Quốc đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và hàm ý chính sách đối với Việt Nam/** ThS. Võ Hải Minh, ThS. Lê Thị Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Thanh Đức; PGS.TS. Chu Đức Dũng; TS. Võ Hải Thanh; PGS.TS. Phạm Thị Thanh Bình; ThS. Phạm Hồng Tiến; ThS. Đồng Thùy Linh; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh; TS. Đinh Công Hoàng; CN. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Vũ Thị Thảo; Nguyễn Thị Thúy - Hà Nội - Viện kinh tế và chính trị thế giới, 2021; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá chiến lược của Mỹ và Trung Quốc ở khu vực

Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hiện nay và triển vọng trong những năm tới, từ đó rút ra những hàm ý chính sách cho Việt Nam. Làm rõ khái niệm và những đặc điểm cơ bản của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương hiện nay; trình bày phạm vi khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Phân tích bối cảnh, mục tiêu, nội dung và thực tiễn triển khai chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; Đánh giá tác động và triển vọng chiến lược của hai quốc gia này đối với các quốc gia khác tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong những năm tới; Đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ đối ngoại với các nước lớn.

Số hồ sơ lưu: 21175

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

86148. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng suất vốn đầu tư xây dựng công trình y tế, giáo dục theo tiêu chí công trình xanh/** ThS. Nguyễn Ngọc Thanh, ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh; CN. Trần Ngọc Hiến; ThS. Nguyễn Quốc Huy; ThS. Trần Thu Hoài; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; CN. Trần Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Phương Anh - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2022; 07/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Một số vấn đề lý luận chung liên quan tới xác định suất vốn đầu tư công trình y tế và công trình giáo dục theo tiêu chí công trình xanh.

Thực trạng việc đầu tư và xác định chi phí đầu tư xây dựng công trình xanh đối với công trình y tế, công trình giáo dục tại Việt Nam trong thời gian qua. Xác định suất vốn đầu tư xây dựng công trình y tế và công trình giáo dục theo tiêu chí công trình xanh (áp dụng tiêu chuẩn LOTUS).

Số hồ sơ lưu: 21276

86204. 05-2023. **Nghiên cứu, đánh giá tình hình thực hiện chính sách pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng, bảo trì công trình xây dựng/** PGS. TS. Phạm Minh Hà, Ngô Lâm; Phạm Tiến Văn; Nguyễn Việt Sơn; Phan Duy Thương; Nguyễn Tuấn Ngọc Tú; Nguyễn Xuân Phương; Phan Vũ Anh; Lê Quốc Anh; Đỗ Việt Hà; Nguyễn Minh Châu; Nguyễn Kim Đức; Phạm Thanh Sơn; Lê Trường Giang; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Quốc Chính; Trần Hoài Anh; Kiều Tuấn Dũng; Lê Sơn; Lã Mạnh Chiến; Phạm Tiến Cảnh; Đặng Xuân Trung; Nguyễn Huy Cường; ThS. Đỗ Duy Tạo; Mai Thị Hồng Nhi; Phan Phú Cường; Đỗ Hữu Bằng; Ngô Vũ Tuấn Anh; Nguyễn Hồng Lĩnh; Nguyễn Thế Anh; Nguyễn Trọng Thái; Mai Ngọc Đông; Phan Chính Ước; Đặng Thị Thanh Thùy; Nguyễn Anh Tuấn; Đoàn Văn Điền; Lê Đức Anh; Phạm Hoàng Sơn; Nguyễn Việt Trọng; Nguyễn Văn Phong; Bùi Huy Cường - Hà Nội - Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng,

2021; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý chất lượng (QLCL) và bảo trì công trình xây dựng (CTXD); Tổng hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam về QLCL và bảo trì CTXD ở trong và ngoài nước; Đánh giá thực trạng về hệ thống quản lý chất lượng, sự phân loại, phân cấp các công trình xây dựng; Đánh giá an toàn chịu lực, quản lý an toàn lao động và vệ sinh môi trường ở Việt Nam; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 21296

86257. 05-2023. **Thực hiện chính sách công ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp/** PGS. TS. Nguyễn Khắc Bình, PGS.TS. Bùi Nguyên Khánh; TS. Nguyễn Thế Vinh; ThS. Lê Thành Tuyên; ThS. Phan Trọng Hào; ThS. Nguyễn Sinh Thành; TS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Nguyễn Phương Anh; ThS. Nguyễn Mạnh Quân - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2022; 11/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở lý thuyết về thực hiện chính sách công; Phân tích, đánh giá tổ chức thực hiện chính sách công trong một số lĩnh vực kinh tế - xã ở Việt Nam từ 2015 đến nay; Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện chính sách công ở Việt Nam trong thời gian qua; Đề xuất các giải pháp hoàn thiện thực hiện

chính sách công cho các chủ thể thực hiện chính sách; Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về quá trình thực hiện chính sách công ở nước ta; Xây dựng giáo trình thực hiện chính sách công phục vụ đào tạo sau đại học tại Học viện KHXH. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp thực hiện chính sách công ở Việt Nam sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về thực hiện chính sách công và góp đề ra những giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện chính sách công ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Số hồ sơ lưu: 21317

50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị

85884. 05-2023. **Nghiên cứu những xu thế mới của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, ThS. Nguyễn Văn Quý; TS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Đỗ Minh Hoàng; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Đặng Văn Nhân; ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; Nguyễn Thị Hiên; TS. Vũ Thị Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nhằm chỉ ra những vấn đề cần quan tâm trong công tác quản lý, giáo dục, định hướng cũng như nâng cao chất lượng công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi trên toàn quốc thời gian tới. Kết quả nghiên cứu cũng góp phần làm căn cứ phục vụ xây dựng Văn kiện Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022 – 2027. Khảo sát các

xu thế về quan điểm, nhận thức, thái độ, hành vi của thanh niên trong các lĩnh vực gắn liền với sự phát triển của thanh niên: tham gia đời sống chính trị- xã hội; đạo đức, lối sống; học tập; lao động, việc làm; văn hóa, giải trí; chăm sóc sức khỏe. Chỉ ra các xu thế mới của thanh niên trong các lĩnh vực thông qua các biểu hiện về quan điểm, nhận thức, thái độ, hành vi của TN trong các lĩnh vực. Nêu lên những vấn đề cần quan tâm từ kết quả nghiên cứu về các xu thế của thanh niên hiện nay trong các lĩnh vực. Đề xuất những khuyến nghị góp phần thúc đẩy sự phát triển của thanh niên cũng như góp phần nâng cao chất lượng công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi trên toàn quốc thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 21227

86092. 05-2023. **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp đổi mới hoạt động của tổ chức công đoàn ngành Công Thương phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế/** ThS. Nguyễn Thị Hoa, ThS. Hoàng Thị Hương; CN. Lê Thu Hà; ThS. Nguyễn Quang Minh; CN. Nguyễn Thị Mai Thủy; ThS. Nguyễn Trà My; CN. Lê Thanh Hải; ThS. Mai Thị Lan Hương; ThS. Trần Thị Thoa; ThS. Phạm Huy Cường; ThS. Nguyễn Phương Anh; ThS. Lê Anh; ThS. Nguyễn Thùy Nhung; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Nga; ThS. Phan Đức Quế; CN. Lê Thị Tâm; ThS. Lê Văn Hải; ThS. Lê Văn Long - Hà Nội - Công đoàn Bộ Công Thương, 2021; 04/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày một số vấn đề chung về tổ chức công đoàn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nêu thực trạng hoạt động của Công đoàn Công Thương Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020. Đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức Công đoàn Công Thương Việt Nam phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 21266

50699. Khoa học chính trị khác

83539. 05-2023. **Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh/ Cử nhân Nguyễn Thị Liên, Thạc Sĩ: Đặng Huy Hà; Cử nhân: Ngô Văn Thuận; Cử nhân: Hà Quang Hồng; Thạc sĩ: Nguyễn Anh Đức; Cử nhân: Đỗ Thị Khánh Dung - Bắc Giang - Ban Dân vận Tỉnh ủy Bắc Giang, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2015 – 2020. Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021- 2025. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Việc xác định

đúng vị trí, vai trò của Quy chế dân chủ và đánh giá đúng thực trạng, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đối với xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025

Số hồ sơ lưu: NVCS105/2021

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

86426. 05-2023. **Nghiên cứu giá trị các làng nghề trên địa bàn Thanh Hóa và đề xuất giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch của tỉnh/ PGS. TS. Nguyễn Thị Thục, ThS. Hoàng Thị Thanh Bình; PGS.TS Nguyễn Thị Thúy; PGS.TS. Nguyễn Thị Lan Hương; TS. Nguyễn Đức Thắng; TS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh; ThS. Trịnh Xuân Phương; CN Nguyễn Thị Thức; NNC. Lưu Duy Dân - Thanh Hóa - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghề và làng nghề ở Việt Nam và Thanh Hóa là một mảng nghiên cứu thực sự hấp dẫn và có nhiều khía cạnh để khai thác. Chính vì thế, làng nghề luôn thu hút rất nhiều học nhiều các học giả quan tâm nghiên cứu từ rất sớm. Kết quả của các công trình chính là sự xuất hiện và ngày một hoàn thiện cả về lý thuyết lẫn thực tiễn. Tiếp bước quá trình nghiên cứu về làng nghề nhưng ở một khía cạnh khác “làng nghề gắn ở Thanh

Hóa gắn với phát triển du lịch” đề tài đã có cơ hội được tiếp cận nhiều nguồn tư liệu quý. Từ đó, đề tài đã hệ thống và lựa chọn các lý thuyết có thể làm “kim chỉ nam”, làm cơ sở lý thuyết trong việc định hướng các nội dung nghiên cứu đúng, trúng, khoa học.

Số hồ sơ lưu: THA-039-2022

86449. 05-2023. **Định hướng và giải pháp nâng cao tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030/** PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn, TS. Nguyễn Quỳnh Hoa; PGS.TS. Lê Huy Đức; PGS.TS. Lê Quang Cảnh; PGS.TS. Đặng Thị Lệ Xuân; TS. Ngô Chí Thành; TS. Lê Hoàng Bá Huyền; TS. Nguyễn Thị Phương Thu; Ths Ngô Quốc Dũng - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu khung lý thuyết xây dựng tính toán chỉ tiêu tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Xác định được tốc độ tăng TFP và tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2011-2020, ước tính cho giai đoạn 2021 - 2030. Đề xuất được mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nâng cao tốc độ tăng TFP và tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: THA-042-2022

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

86250. 05-2023. **Nghiên cứu cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn để xây dựng tài liệu nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị thông minh cho cán bộ lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp/** TS. Trần Hữu Hà, ThS. Lê Thị Thanh Hà; TS. Lưu Đức Minh; ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang; TS. Chu Việt Cường; ThS. Nguyễn Trường Giang; ThS. Vũ Thị Diệu; TS. Trần Ngọc Linh; ThS. Nguyễn Huy Dũng; TS. Nguyễn Văn Đức; CN. Phan Thị Hương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; ThS. Trần Thị Minh Hà; ThS. Vũ Thị Hương Giang; CN. Trần Thị Hiền; ThS. Chu Thị Yến; ThS. Hoàng Thị Phương Dung; ThS. Lê Ngọc Lan - Hà Nội - Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Các kiến thức cơ bản về quản lý phát triển đô thị thông minh (quy hoạch đô thị thông minh, quản trị đô thị thông minh, dịch vụ tiện ích thông minh...). Các kiến thức cần thiết tham mưu cho UBND tỉnh để ra các quyết định về phát triển đô thị thông minh. Các kiến thức, kinh nghiệm về phát triển đô thị thông minh trong và ngoài nước. Các kiến thức về xây dựng và triển khai thực hiện các đề án, chương trình, dự án phát triển đô thị thông minh. Các kiến thức về xây dựng, quản lý, triển khai và vận hành phát triển đô thị thông minh trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 21314

50801. Báo chí

86067. 05-2023. **Nghiên cứu giải pháp ứng dụng báo chí dữ liệu trên báo điện tử VOV/ CN.** Nguyễn Tuyết Yến, Văn Hữu Bình; Trần Thị Ngọc; Phạm Ngọc Duy; Đoàn Thúy Đoan; Nguyễn Văn Ngân; Nguyễn Hà Phương; Vũ Thị Thu Cúc; Phạm Thị Hòa; Nguyễn Kiều Anh - Hà Nội - Báo Điện tử VOV, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về báo chí dữ liệu. Khảo sát đánh giá thực trạng ứng dụng báo chí dữ liệu trên báo điện tử VOV. Qua đó đưa ra các giải pháp cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên (PV, BTV) thực hiện các tác phẩm báo chí dữ liệu chất lượng trên báo điện tử VOV.

Số hồ sơ lưu: 21253

86171. 05-2023. **Giải pháp đổi mới công tác điều phối và kiểm định nội dung theo định hướng phát triển đa loại hình báo chí của Đài Tiếng nói Việt Nam/ CN.** Đặng Thị Ngọc Chi, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Đồng Mạnh Hùng; ThS. Vũ Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS. Lê Tiến Đạt; CN. Nguyễn Thị Gấm; CN. Nguyễn Thị Hương Lan; CN. Đồng Quyết Thắng; CN. Nguyễn Thanh Nam - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D), 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích thực trạng công tác điều phối và kiểm định chất lượng nội dung đa loại hình của Đài TNVN. Khảo sát quy trình, cách thức tổ chức công tác Điều phối và

Kiểm định nội dung của Ban Thư ký biên tập cũng như một số đơn vị đại diện cho 4 loại hình phát thanh, truyền hình, báo viết, báo điện tử của Đài TNVN. Giải pháp nâng cao chất lượng công tác điều phối và kiểm định nội dung báo chí của Đài TNVN. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác điều phối nội dung; Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác kiểm định nội dung.

Số hồ sơ lưu: 21182

50899. Thông tin đại chúng và truyền thông khác

83651. 05-2023. **Nhân rộng mô hình cung cấp thông tin khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất nông sản hàng hóa góp phần xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương/ KS.** Phạm Thị Huệ, Nguyễn Xuân Dương; Lê Duy Thủy; Hoàng Văn Trung; Nguyễn Thị Vân Anh; Vũ Thị Ánh; Phạm Ninh Hải; Trần Quang Nhật; Nguyễn Thị Thanh; Nguyễn Thị My; Nguyễn Thị Diệp; Phạm Thị Giang; Nguyễn Thị Ánh; Bùi Văn Tùng - Trung tâm Đo lường, Thử nghiệm và Thông tin khoa học - TRUNG TÂM ĐO LƯỜNG, THỬ NGHIỆM VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC, 2021; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và nhân rộng mô hình cung cấp thông tin KH&CN phục vụ phát triển sản xuất nông sản hàng hóa góp phần xây dựng NTM tỉnh Hải Dương cho 40 xã trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Khai thác, biên tập và cung cấp 878 quy trình kỹ thuật

về canh tác, chăm sóc, phòng chống dịch bệnh trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ môi trường, định kỳ hàng tháng gửi cho 52 xã (trung bình 18 quy trình kỹ thuật/tháng). Tổ chức 12 lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ ứng dụng CNTT cho 277 cán bộ của 40 xã tra cứu, khai thác nguồn thông tin. Xây dựng 48 số thuộc chuyên mục truyền hình “Khoa học công nghệ với phát triển nông nghiệp” định kỳ phát sóng trên Đài Truyền hình tỉnh vào tối Thứ Sáu tuần đầu tiên của tháng. Đánh giá kết quả 4 năm thực hiện nhân rộng mô hình cung cấp thông tin KH&CN vụ phát triển sản xuất nông sản hàng hóa góp phần xây dựng nông thôn mới tỉnh Hải Dương giai đoạn 2017-2020.

Số hồ sơ lưu: 20HD.2021

599. Khoa học xã hội khác

76436. 05-2023. **Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Hải Dương.**/ Bùi Hữu Uyển, Nguyễn Văn Thường; Vũ Hồng Hiên; Nguyễn Thị Tinh; Nguyễn Thế Nhất; Nguyễn Văn Hớn; Vũ Công Tâm; Nguyễn Đình Phương; Nguyễn Thế Tài - Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy - Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, 2019; 01/2018 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận về công tác giải quyết tố cáo đối với tổ chức Đảng và đảng viên của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Hải Dương; Đánh giá

thực trạng công tác giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tỉnh Hải Dương; Xây dựng quy trình giải quyết tố cáo đối với tổ chức Đảng và đảng viên; Xây dựng Dự thảo Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc "Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên" để lãnh đạo tổ chức thực hiện trong toàn Đảng bộ tỉnh; Tuyên truyền kết quả thực hiện đề tài.

Số hồ sơ lưu: 10HD.2019

76437. 05-2023. **Xuất bản bộ sách Di sản Hán Nôm tại các di tích xếp hạng quốc gia tỉnh Hải Dương/ Tăng Bá Hoành; Tăng Bá Chuyên; Nguyễn Thị Lan - Hội sử học Tỉnh Hải Dương - Hội sử học tỉnh Hải Dương, 2019; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Biên tập, chỉnh sửa bản thảo chữ Hán, chữ Nôm và Quốc ngữ, trong đó có việc làm maket bằng Hán Nôm quy mô 1.200 trang. Xuất bản, phát hành Di sản Hán Nôm tập 3, tập 4 - Số lượng in quy mô 200 cuốn mỗi tập, khổ in 17cm x 24cm, bìa cứng (chất lượng giấy và in hình ảnh giống di sản Hán Nôm tập 1, tập 2)

Số hồ sơ lưu: 11HD.2019

80578. 05-2023. **Nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và lựa chọn một số tác phẩm nghệ thuật, công trình tiêu biểu gắn với phát triển du lịch tỉnh Hải Dương/ CN. Trần Ngọc**

Minh; Trương Thị Thương Huyền; Phạm Thị KimTrần Quang Thông; Nguyễn Xuân Ba; Nguyễn Duy Tiên; Nguyễn Thành Long; Tăng Bá Hoàng; Đinh Thị Thu Mai - Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hải Dương - Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Hải Dương, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, sưu tầm các tác phẩm nghệ thuật, công trình thuộc các loại hình nghệ thuật. Xây dựng bộ tiêu chí để đánh giá, xác định giá trị các tác phẩm nghệ thuật, công trình tiêu biểu thuộc loại hình: sân khấu, múa, âm nhạc, tạo hình, nhiếp ảnh, điện ảnh, kiến trúc, các nhóm đặc thù trong mỗi loại hình. Đồng thời đề xuất các giải pháp về cơ chế, chính sách, tuyên truyền, đào tạo cán bộ chuyên trách... để lưu giữ, bảo tồn các tác phẩm nghệ thuật, công trình tiêu biểu của tỉnh Hải Dương. Nhân bản các tác phẩm nghệ thuật, công trình tiêu biểu từ bản gốc được sưu tầm với quy mô 422/541 tác phẩm nghệ thuật, công trình tiêu biểu thuộc 7 loại hình.

Số hồ sơ lưu: 23HD.2020

6. Khoa học nhân văn

60101. Lịch sử Việt Nam

85865. 05-2023. **Nghiên cứu, biên soạn và phát hành tập sách những đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Ninh Thuận/** Lưu Xuân Phương, CN Nguyễn Đình Sơn; CN Trần Nhân Đức; CN Đào Xuân Hùy; CN Nguyễn Văn Lương; ThS. Phạm Văn Kiệt; ĐH Lê Dương Thúc - Ninh

Thuận - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Ninh Thuận, 2020; 04/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan.Thu thập, xử lý và viết báo cáo tổng thuật của đề tài.Tổ chức các lần Hội thảo.Biên tập, hoàn chỉnh bản thảo; nghiệm thu đề tài.In ấn, xuất bản và phát hành.

Số hồ sơ lưu: 67

60199. Các vấn đề lịch sử và khảo cổ học khác

86315. 05-2023. **Sưu tầm, biên dịch và xuất bản di văn Hán Nôm trong các di tích lịch sử văn hóa ở Ninh Thuận/** TS. Vương Thị Hương, TS. Phạm Văn Tuấn; PGS.TS. Dương Tuấn Anh; TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Tuấn Cường; TS. Nguyễn Tô Lan; ThS. Trương Thị Thủy; CN. Hoàng Hải Hiền; TS. Phan Quốc Anh; ThS. Hồ Sỹ Sơn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2019; 07/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sưu tầm và khảo cứu tư liệu Hán - Nôm tại Ninh Thuận. Sưu tầm tư liệu di văn Hán Nôm có nguồn gốc từ Ninh Thuận được lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm và một số thư viện lớn trong nước. Sắp xếp, biên mục các dạng tài liệu thành nhóm tài liệu có chung chủ đề. Số hóa các văn bản Hán - Nôm. Giải mã (Biên dịch, chú thích) văn bản. Biên tập, hiệu đính và xuất bản.

Số hồ sơ lưu: NTN-015-2021

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

86070. 05-2023. **Lịch sử Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1949-2019)/** PGS. TS. Nguyễn Danh Tiên, GS.TS. Mạch Quang Thắng; PGS.TS. Trần Trọng Thơ; PGS.TS. Phạm Đức Kiên; TS. Lương Viết Sang; TS. Đặng Kim Oanh; TS. Nguyễn Danh Lợi; TS. Nguyễn Thị Hồng Mai; TS. Nguyễn Bình; TS. Đoàn Thị Hương; TS. Trần Thị Mỹ Hương; TS. Vũ Thái Dũng; TS. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh; ThS. Nguyễn Quang Hòa; ThS. Nguyễn Thị Hằng Phương - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 02/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ sự ra đời, quá trình phát triển về tổ chức, bộ máy; chức năng, nhiệm vụ và những hoạt động cơ bản của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh qua các chặng đường Lịch sử. Nghiên cứu quá trình xây dựng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đặt trong mối quan hệ với các Phân viện, Học viện trực thuộc cũng như các trường chính trị tỉnh, thành phố; từ đó, nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan, hệ thống và toàn diện những đóng góp của toàn hệ thống Học viện đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học của hệ thống chính trị. Làm rõ mạch chủ đạo trong tiến trình lịch sử phát triển của hệ thống Học viện, với những bước trưởng thành từ một chức năng chủ yếu là: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thành hai chức năng quan trọng là: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và

nghiên cứu lý luận; từ chức năng, nhiệm vụ của một trường, Học viện chuyển sang thực hiện chức năng quản lý thống nhất trong toàn hệ thống (bao gồm 4 Học viện Chính trị khu vực và Học viện Báo chí và Tuyên truyền); quá trình lớn mạnh của Học viện cả về bộ máy và chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời, làm rõ các dấu mốc nhập - tách các đơn vị trực thuộc Học viện; quá trình mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học, từ chỗ chủ yếu quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng thêm quan hệ với các nước phát triển, các đảng cánh tả...

Số hồ sơ lưu: 21225

60305. Nghiên cứu tôn giáo

85827. 05-2023. **Bộ sách kiến thức cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam/** PGS. TS. Chu Văn Tuấn, ThS. Phạm Quang Tùng; ThS. Hoàng Thị Tuyết Thanh; ThS. Phạm Thị Phương Anh; ThS. Dương Văn Biên; ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Mai Thùy Anh; ThS. Nguyễn Thị Trang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021; 03/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Biên soạn tài liệu về kiến thức cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam nhằm phục vụ Đề án “Hỗ trợ thông tin tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo” đã được Thủ tướng phê duyệt theo Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 21/2/2019. Thu thập các tài liệu liên quan đến nhiệm vụ. Tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, nắm bắt những nội dung những tài liệu đã có liên

quan đến nội dung của nhiệm vụ. Trao đổi, thảo luận nhóm để nhận được nhiều ý kiến chuyên sâu của các chuyên gia cũng như các nhà quản lý, cơ quan, ban ngành liên quan, giúp nâng cao hiệu quả và tính thiết thực của nhiệm vụ.

Số hồ sơ lưu: 21186

60402. Mỹ thuật

86210. 05-2023. **Nghiên cứu xây dựng giải pháp đồ họa Tin tức, truyền hình tương tác trong sản xuất bản tin Breaking News cho Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC/ KS. Võ Hồng Cảnh, KS. Phùng Quốc Anh; CN. Tống Hoàng Bắc; CN. Phan Thị Hải Lý; CN. Trần Thị Thùy Dương; CN. Lê Minh Lợi; CN. Lê Thanh Bình; CN. Nguyễn Kim Dung; KS. Trần Bình Thuận; KS. Chu Thanh Hà - Hà Nội - Đài truyền hình Kỹ thuật số VTC, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tạo sự đồng bộ về nhận diện thương hiệu trên sóng truyền hình, tăng sức cạnh tranh về nội dung và tạo sự khác biệt so với các kênh truyền hình tin tức khác. Tìm tòi, sáng tạo cách thể hiện mới giúp cho bản tin sinh động hơn. Bắt nhịp với xu hướng báo chí trên điện thoại di động và mạng xã hội hiện nay. Chuẩn hoá lại quy trình trong sản xuất các bản tin thời sự trực tiếp. Khắc phục hiện trạng hiện nay của Đài VTC với các trang thiết bị đã đầu tư từ các dự án trước đây nhưng hiện nay không còn phù hợp với quy trình sản xuất và đã lạc hậu về giải pháp công nghệ và không có khả

năng nâng cấp mở rộng phần mềm. Với giao diện thể hiện hình ảnh đầu ra được trình bày nhiều nội dung kết hợp bao gồm chữ chạy, hình ảnh, video, nội dung người dùng tham gia qua mạng xã hội..cũng là một phương án cho Đài Tiếng nói Việt Nam tham khảo đối với các hệ phát thanh của VOV tích hợp và truyền tải phân phối nội dung lên đa nền tảng của Đài. Về mặt công nghệ giải pháp đáp ứng tiêu chuẩn hình ảnh chất lượng 4K, HD và giao tiếp qua nền tảng IP NDI.

Số hồ sơ lưu: 21294

60407. Nghệ thuật truyền thanh, truyền hình

86209. 05-2023. **Nghiên cứu ứng dụng giải pháp mạng FM đơn tần phiên bản 2.0/ KS. Lương Ngọc Thành, KS. Nguyễn Ngọc Hoan; KS. Trịnh Tuấn Anh; KS. Đỗ Thái Thịnh; KS. Nguyễn Bá Dũng; KS. Tạ Minh Đạt; KS. Phạm Chí Nghĩa; KS. Hoàng Minh Đức; CN. Vũ Thị Thanh Huyền; KS. Nguyễn Ngọc Sơn - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Truyền thông (R&D), 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu giải pháp mạng FM đơn tần phiên bản 2.0 và khả năng ứng dụng giải pháp này vào mạng phát thanh FM hiện tại của Đài TNVN. Trình bày tóm tắt và khái quát những lý thuyết cơ bản về phát thanh FM. Giới thiệu tổng quan về mạng phát thanh FM một tần số cũng như một số tham số cơ bản cần quan tâm khi thiết kế mạng một tần số. Khảo sát, trình bày thực trạng

chung của hệ thống phát sóng FM của Đài 10 TNVN, thống kê và trình bày theo từng Hệ/Kênh riêng biệt. Phân tích, nhận định nhu cầu và khả năng ứng dụng giải pháp mạng FM đơn tần vào thực tế phát sóng FM tại Đài TNVN. Nghiên cứu, trình bày tổng hợp về giải pháp mạng phát sóng đơn tần phiên bản

2.0. Tiến hành thử nghiệm thực tế nhằm kiểm nghiệm các thông số hoạt động của mạng trong điều kiện cơ sở hạ tầng cụ thể tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21299

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không

đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mặt khẫu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);
- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*